

UBND TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Sư phạm Lịch sử
Hình thức đào tạo: Chính quy

Thanh Hóa, tháng 10 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHD, ngày tháng năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm Lịch sử
Tên chương trình (Tiếng Anh):	History Teacher Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140218
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Bộ môn Lịch sử
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Thời gian đào tạo:	4/4,5 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	130
Điều kiện tốt nghiệp:	Hoàn thành chương trình theo quy định hiện hành
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Sau khi tốt nghiệp cử nhân sư phạm Lịch sử có thể tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành đúng trong lĩnh vực Lịch sử, giáo dục Lịch sử và các chuyên ngành gần trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn (Việt Nam học, Nhân học, Khảo cổ học, Dân tộc học...).
Vị trí làm việc:	Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Sư phạm Lịch sử có thể công tác tại: - Giảng dạy Lịch sử tại các trường THCS, THPT, Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm Chính trị huyện, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong cả nước; - Cán bộ chuyên môn của các phòng Giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo. Cán bộ nghiên cứu tại các Ban, Viện nghiên cứu Lịch sử, Khoa học xã hội và Nhân văn; - Chuyên viên các cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đoàn thể và các tổ chức xã hội có sử dụng kiến thức Lịch sử: Ban tuyên giáo, Ban dân tộc, Ban tôn giáo, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, Sở Văn hóa – Thể thao –

Du lịch, Cán bộ đoàn các cấp, Mặt trận Tổ quốc các cấp ... sau khi bổ sung các kiến thức phù hợp;

- Phóng viên, biên tập viên báo đài phát thanh và truyền hình từ trung ương đến địa phương, nhân viên bảo tàng, thuyết minh viên bảo tàng, khu di tích Lịch sử, văn hóa sau khi bổ sung các kiến thức phù hợp.

Chương trình tham khảo:

1.Trường ĐHSP Hà Nội: CTĐT phê duyệt năm 2022. Nguồn truy cập: https://view.officeapps.live.com/op/view.aspx?src=https%3A%2F%2Fhnue.edu.vn%2FPortals%2F0%2F3-Khoa%2520Lch%2520s_Bn%2520mo%2520t%2520CTDT%2520%252811_2022%2529-v2.docx&wdOrigin=BROWSELINK

2. Trường ĐH Giáo dục, ĐH Quốc gia Hà Nội: CTĐT phê duyệt năm 2020. Nguồn truy cập: <https://education.vnu.edu.vn/files/2021/Cac%20file%20pdf/1732-S%E1%BB%AD.pdf>

3. Trường ĐHSP Hà Nội 2: CTĐT công bố năm 2022. Nguồn truy cập: https://quanly.hpu2.edu.vn/center_data/hpu2.edu.vn/ps/cms_articles/file/CTDT/CQ/CTDT_Su_pham_Lich_Su.2022.pdf

4. Trường ĐHSP TP, Hồ Chí Minh: CTĐT phê duyệt năm 2021. Nguồn truy cập: https://drive.google.com/file/d/18HBF_T8JosZYEUCHAK938YDF4FwrtNLK/view

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Sư phạm ngành Sư phạm Lịch sử có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực nghề nghiệp đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp giáo viên môn Lịch sử ở trường phổ thông; tham gia công tác quản lý chuyên môn tại các tổ chức, cơ sở giáo dục - đào tạo hoặc cơ quan quản lý giáo dục; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng để phát triển bản thân, đáp ứng yêu cầu đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Kiến thức

PO1: Người học được trang bị kiến thức về lý luận chính trị, khoa học Giáo dục, khoa học Xã hội - nhân văn, về quản lý ngành và pháp luật Việt Nam; kiến thức về giáo dục quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất phục vụ công tác chuyên môn và cuộc sống;

PO2: Người học được trang bị kiến thức tiếng Anh; kiến thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và công nghệ số; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Lịch sử.

PO3: Người học có kiến thức toàn diện, chuyên sâu về Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, về lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử, khoa học Giáo dục để vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy môn Lịch sử ở trường phổ thông.

2.1.2.2. Kỹ năng

PO4: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá và phát triển chương trình giáo dục nhà trường phục vụ thiết thực cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.

PO5: Người học có kỹ năng thiết kế và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học; Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường PT.

PO6: Người học có kỹ năng ngoại ngữ, tin học, chuyên đổi số, nghiên cứu khoa học phục vụ công tác chuyên môn và cải tiến chất lượng dạy học, giáo dục.

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO7: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức kỷ luật và tác phong chuẩn mực; có năng lực dẫn dắt về chuyên môn Lịch sử, nghiệp vụ sư phạm; có khả năng đưa ra sáng kiến, đánh giá, kết luận và cải tiến về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ dạy học Lịch sử;

PO8: Phát triển năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển ở trình độ đào tạo cao hơn

2.2. Chuẩn đầu ra

2.2.1. Kiến thức

PLO1. Trình bày, khái quát được hệ thống kiến thức về lý luận chính trị, khoa học Giáo dục, khoa học Xã hội - nhân văn, về quản lý ngành và pháp luật Việt Nam; kiến thức về giáo dục quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất, từ đó vận dụng được hệ thống kiến thức này vào công việc chuyên môn và cuộc sống;

PLO2. Sử dụng được ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam; vận dụng được các kiến thức về khởi nghiệp đổi mới

sáng tạo, công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp.

PLO3. Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản về các lĩnh vực khoa học xã hội – nhân văn, môi trường, khảo cổ học, dân tộc học, nhân học, khu vực học, phương pháp luận sử học, phương pháp nghiên cứu khoa học và vận dụng sáng tạo vào quá trình học tập và hoạt động thực tiễn.

PLO 4. Hệ thống được kiến thức chuyên sâu về Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới; phân tích được quá trình hình thành, phát triển, suy vong của các quốc gia, dân tộc trên thế giới, các thời kì phát triển của lịch sử Việt Nam; Giải thích được các khái niệm, sự kiện, quy luật, phân kỳ lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc, mối liên hệ giữa lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới trong nghiên cứu và dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông.

PLO 5. Hệ thống được kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử, khoa học Giáo dục để vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy môn Lịch sử ở trường phổ thông; phân tích được quan điểm, mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học Lịch sử ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực học sinh...

2. 2.2. Kỹ năng

PLO 6. Phân tích, đánh giá và phát triển hiệu quả chương trình giáo dục nhà trường; xây dựng thành thạo kế hoạch giáo dục theo yêu cầu đổi mới; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo, phát triển năng lực của người học.

PLO 7. Thiết kế và tổ chức được kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể của học sinh và địa phương nhằm phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập; phát hiện và giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục ở trường phổ thông;

PLO 8: Vận dụng được các phương pháp, hình thức, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sự tiến bộ của người học trong học tập; lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá hoạt động dạy học, các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

PLO 9: Sử dụng được ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam; Khai thác hiệu quả các ứng dụng của công nghệ thông tin, công nghệ số trong dạy học, tự học và nghiên cứu khoa học.

2. 2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO 10. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có ý thức trách nhiệm, trung thực và chịu trách nhiệm cá nhân trong công việc; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

PLO 11. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực tư vấn, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức kỷ luật và tác phong chuẩn mực.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KIẾN THỨC GDĐC		39	381	294	206	1755			
I	Lý luận chính trị		13	134	110	12	585			
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135		2	LL Mác-Lênin
2	196060	Kinh tế chính trị Mác- LN	2	21	18		90	1	3	LL Mác-Lênin
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	1	4	LL Mác - Lênin
4	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	21	18		90	1	5	LSD-TT HCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	1	5	LSD-TT HCM
6	197030	Pháp luật đại cương	2	18	12	12	90		4	Luật
II	Khoa học xã hội - nhân văn		13	137	124	84	585			
7	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	18	20	6	90		1	VNH-DL
8	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135		5	QTKD
9	125105	Môi trường và con người	2	18	24		90		2	Sinh học
10	Chọn 1 trong 2 học phần									
A	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2	18	18	6	90		1	Lịch sử

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
B	124115	Kiến thức địa phương TH	2	18	18	6	90		1	Lịch sử
11	Chọn 1 trong 2 học phần									
A	123050	Tiếng Việt thực hành	2	18	18	6	90		1	Ngữ văn
B	123185	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	18	18	6	90		1	Ngữ văn
12	Chọn 1 trong 2 học phần									
A	125016	Thống kê xã hội	2	18	18	6	90		2	Xã hội học
B	123240	Xã hội học đại cương	2	18	18	6	90	1	2	Xã hội học
III	Khoa học tự nhiên – công nghệ		3	20		50	135			
13	172555	Công nghệ số	3	20	0	50	135		2	MMT & UD
IV	Ngoại ngữ		10	90	60	60	450			
14	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1	NN KC
15	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	14	2	
16	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	15	3	
V	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	2		28	90		1	LL&PP GDTC
	Giáo dục thể chất 2 (Chọn 1/5 HP)									
A	191031	Bóng chuyền	2			30	90		2	Bóng – ĐK
B	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90		2	
C	191033	Bóng đá	2			30	90		2	
D	191034	Bóng rổ	2			30	90		2	
E	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90		2	
VI	Giáo dục quốc phòng		165 tiết							TT GDQP
B	KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP		91	730	655	527	4410			
I	Kiến thức cơ sở		10	90	120		450			
17	181080	Tâm lý học	4	36	48		180	1	2	Tâm lý học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
18	182005	Giáo dục học	4	36	48		180	17	3	Giáo dục học
19	198000	Quản lý HCNN và QLGD	2	18	24		90	18	7	Giáo dục học
II	Kiến thức ngành		62	532	427	281	2790			
20	124087	Phương pháp luận sử học	2	18	18	6	90		1	Lịch sử
21	124030	Cơ sở khảo cổ học	2	18	18	6	90		4	Lịch sử
22	124050	Các dân tộc Việt Nam	2	18	18	6	90		1	Lịch sử
23	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
A	124381	Đông Nam Á-LS và hiện tại	3	27	30	6	135	28	6	Lịch sử
B	124044	Văn hóa Đông Nam Á	3	27	30	6	135	28	6	Lịch sử
24	124420	Lịch sử VN từ nguyên thủy đến năm 1858	4	36	33	15	180	1	3	Lịch sử
25	124155	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến năm 1945	4	36	42	6	180	24	5	Lịch sử
26	124041	Lịch sử VN từ 1945 đến nay	4	36	36	12	180	24	6	Lịch sử
27	124165	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	36	42	6	180	1	3	Lịch sử
28	124170	Lịch sử thế giới cận đại	4	36	40	8	180	27	4	Lịch sử
29	124550	Lịch sử thế giới hiện đại	4	36	42	6	180	28	6	Lịch sử
30	124049	Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường THCS và THPT	4	36	36	12	180	1	4	Lịch sử
31	124053	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Lịch sử THCS & THPT	4	36	36	12	180	30	5	Lịch sử
32	124057	Tổ chức DH môn lịch sử THCS và THPT	4	36	36	12	180	31	6	Lịch sử

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
33	Chọn 1 trong 2 học phần									
A	124028	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	3	27	30	6	135	29	7	Lịch sử
B	124016	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	3	27	30	6	135	29	7	Lịch sử
34	Chọn 1 trong 2 học phần									
A	124029	Tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong dạy học Lịch sử THCS và THPT	3	27	30	6	135	32	7	Lịch sử
B	124034	Xây dựng và tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử THCS và THPT	3	27	30	6	135	32	7	Lịch sử
35	Chọn 1 trong 2 học phần									
A	124502	Các cuộc cải cách trong LS VN	3	27	30	6	135	26	7	Lịch sử
B	124075	Cách mạng tháng Tám 1945	3	27	30	6	135	26	7	Lịch sử
36	124056	Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Lịch sử THCS và THPT	4	36	30	18	180	32	7	Lịch sử
37	124310	Thực tế CM 1	2	5		50	90	24	4	Lịch sử
38	124605	Thực tế CM 2	2	5		50	90	26	7	Lịch sử
III	Kiến thức bổ trợ		6	54	54	18	270			
39	125125	Phương pháp nghiên cứu KH	2	18	18	6	90		3	Lịch sử
40	Chọn 1 trong 2 học phần									
A	127070	Nhân học đại cương	2	18	18	6	90		1	Lịch sử

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
B	124250	Nhập môn khu vực học	2	18	18	6	90		1	Lịch sử
41	124032	Phát triển chương trình NT	2	18	18	6	90	31	6	Lịch sử
IV	Thực tập TN, KLTN/HP thay thế		13	54	54	228	900			
42	124021	Kiến tập sư phạm	2			60	90	30	5	Lịch sử
43	124099	Thực tập sư phạm	5			150	270	26, 29, 32	8	Lịch sử
44	124101	Khóa luận TN	6				270	26, 29, 32	8	Lịch sử
Học phần thay thế KLTN			6	54	54	18	270			
44.1	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
A	124004	Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam	3	27	30	6	135	26	8	Lịch sử
B	124089	Làng xã Việt Nam	3	27	30	6	135	26	8	Lịch sử
44.2	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>									
A	124011	Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	3	27	30	6	135	29	8	Lịch sử
B	124019	Ứng dụng CNTT trong DH lịch sử THCS và THPT	3	27	30	6	135	29	8	Lịch sử
Tổng số			130	1111	949	733	4545			

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
Học kỳ: 1 số tín chỉ 16 (bắt buộc: 14, tự chọn: 2)								
1	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	X		18	20	6
2	Chọn 1 trong 2 học phần							
A	124195	Lịch sử văn minh thế giới	2		x	18	18	6

B	124115	Kiến thức địa phương TH	2		x	18	18	6
3	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
A	123050	Tiếng Việt thực hành	2		x	18	18	6
B	123185	Thực hành văn bản tiếng Việt	2		x	18	18	6
4	133031	Tiếng Anh 1	4	X		36	24	24
5	124087	Phương pháp luận sử học	2	X		18	18	6
6	124050	Các dân tộc Việt Nam	2	X		18	18	6
7	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
A	127070	Nhân học đại cương	2		x	18	18	6
B	124250	Nhập môn khu vực học	2		x	18	18	6
Học kỳ: 2 số tín chỉ 17 (bắt buộc: 13, tự chọn: 4)								
8	196055	Triết học Mác-Lênin	3	X		32	26	
9	125105	Môi trường và con người	2	X		18	24	
10	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
A	125016	Thống kê xã hội	2		x	18	18	6
B	123240	Xã hội học đại cương	2		x	18	18	6
11	172555	Công nghệ số	3	X		20	0	50
12	133032	Tiếng Anh 2	3	X		27	18	18
13	181080	Tâm lý học	4	X		36	48	
Học kỳ: 3 số tín chỉ 19 (bắt buộc: 19, tự chọn: 0)								
14	196060	Kinh tế chính trị Mác- LN	2	X		21	18	
15	133033	Tiếng Anh 3	3	X		27	18	18
16	182005	Giáo dục học	4	X		36	48	
17	125125	Phương pháp nghiên cứu KH	2	x		18	18	6
18	124165	Lịch sử thế giới cổ trung đại	4	x		36	42	6
19	124420	Lịch sử VN từ nguyên thủy đến năm 1858	4	x		36	33	15
Học kỳ: 4 số tín chỉ 16 (bắt buộc: 14, tự chọn: 2)								
20	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		21	18	
21	197030	Pháp luật đại cương	2	x		21	12	12
22	124170	Lịch sử thế giới cận đại	4	x		36	40	8
23	124049	Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường THCS và THPT	4	x		36	36	12
24	124310	Thực tế CM 1	2	x		5		45
25	124030	Cơ sở khảo cổ học	2	X		18	18	6

Học kỳ: 5 số tín chỉ 17 (bắt buộc: 17, tự chọn: 0)								
26	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	x		21	18	
27	197035	Tư tưởng HCM	2	x		21	18	
28	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10
29	124155	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến năm 1945	4	x		36	42	6
30	124053	Xây dựng kế hoạch dạy học môn Lịch sử THCS &THPT	4	x		36	36	12
31	124021	Kiến tập sư phạm	2	x				60
Học kỳ: 6 số tín chỉ 17 (bắt buộc: 14, tự chọn: 3)								
32	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
A	124381	Đông Nam Á-LS và hiện tại	3		x	27	30	6
B	124044	Văn hóa Đông Nam Á	3		x	27	30	6
33	124041	Lịch sử VN từ 1945 đến nay	4	x		36	36	12
34	124550	Lịch sử thế giới hiện đại	4	x		36	42	6
35	124057	Tổ chức DH môn lịch sử THCS và THPT	4	x		36	36	12
36	124032	Phát triển chương trình NT	2	x		18	18	6
Học kỳ: 7 số tín chỉ 17 (bắt buộc: 8 tự chọn: 9)								
37	198000	Quản lý HCNN và QLGD	2	x		18	24	
38	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
A	124028	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	3		X	27	30	6
B	124016	Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	3		x	27	30	6
39	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>							
A	124029	Tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong dạy học Lịch sử THCS và THPT	3		x	27	30	6
B	124034	Xây dựng và tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử THCS và THPT	3		x	27	30	6

40	Chọn 1 trong 2 học phần							
A	124502	Các cuộc cải cách trong LS VN	3		x	27	30	6
B	124075	Cách mạng tháng Tám 1945	3		x	27	30	6
41	124056	Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Lịch sử THCS và THPT	4	x		36	30	18
42	124605	Thực tế CM 2	2	x		5		45
Học kỳ: 8 số tín chỉ 11 (bắt buộc: 5, tự chọn: 6)								
43	124057	Thực tập sư phạm	5	x				180
44	124101	Khóa luận TN	6	x				
	Học phần thay thế		6					
44.1	Chọn 1 trong 2 học phần							
A	124004	Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam	3		x	27	30	6
B	124089	Làng xã Việt Nam	3		x	27	30	6
44.2	Chọn 1 trong 2 học phần							
A	124011	Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản	3		x	27	30	6
B	124019	Ứng dụng CNTT trong DH lịch sử THCS và THPT	3		X	27	30	6

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên: Thống kê đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo. Số lượng, trình độ giảng viên phải phù hợp với Điều 10. *Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ, Thông tư số 17/2021/TT- BGĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.*

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư			
2	Phó giáo sư	1	1	2
3	Tiến sỹ	2	3	5
4	Thạc sỹ	1	1	2
5	Đại học	0	0	0

5.2. Phòng học: Liệt kê phòng học/trang thiết bị đã có để thực hiện chương trình.

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m2)	Học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ/năm học)	Ghi chú
-----	----------	----------	----------------	----------	------------------------------------	---------

1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	1.379	Tất cả các học phần	Năm học	
1.2	Phòng học từ 100-200 chỗ	7	3.500	Tất cả các học phần	Năm học	
1.3	Phòng học từ 50-100 chỗ	156	15.600	Tất cả các học phần	Năm học	
1.4	Số phòng học đa phương tiện			Tất cả các học phần	Năm học	
1.5	Phòng làm việc của giáo sư, PGS, GV toàn thời gian	149	745	Tất cả các học phần	Năm học	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	5.256	Tất cả các học phần	Năm học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, Thực hành, thực tập luyện tập	46	4.600		Năm học	

5.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan: *Liệt kê các phòng thí nghiệm/trang thiết bị đã có để thực hiện chương trình (nếu có).*

TT	Phòng thí nghiệm	Hệ thống trang thiết bị liên quan
1		
2		

5.4. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan:

TT	Tên học phần	Cơ quan/ Địa điểm
1	Thực tế chuyên môn Lịch sử VN 1	Ninh Bình, Hà Nội, Phú Thọ, Tuyên Quang, Lạng Sơn
2	Thực tế chuyên môn Lịch sử VN 2	Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam
3	Kiến tập SP	Các trường THPT trong tỉnh
4	Thực tập SP	Các trường THPT trong tỉnh

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

I. LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, LUẬT

6.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN/ MARXIST PHILOSOPHY

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48

Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	32	26	0	0	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	
	Trắc nghiệm/viết	Rubric 3 (<i>Tính theo tỷ lệ số câu đúng/tổng số câu hoặc đánh giá mức độ nhận thức và liên hệ thực tiễn</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 4 (<i>đánh giá khả năng tự nghiên cứu</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra viết	Rubric 5 (<i>đánh giá bài kiểm tra viết</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 (<i>đánh giá bài thi trắc nghiệm</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1) Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2021.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1) Bộ Giáo dục & ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2021.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021

6.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN/ POLITICAL ECONOMY

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)

- Mã học phần: 196060

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.

- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	0	0	0	0	6
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0	0	18
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0	0	27
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0	0	13
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0	0	13
Tổng	21	18	0	0	0	0

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Thảo luận nhóm	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				50%

3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	
---	------	----------------------------------	--------------	--

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021)

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2006.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

6.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ SCIENTIFIC SOCIALISM

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 19606532
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin

- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	3	4	0	0	0	9
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	

II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1) Bộ giáo dục và Đào tạo *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2021.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1) *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học* (2005), Bộ Giáo dục & Đào tạo, NXB CTQG.

2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

6.4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/ History of the Communist Party of Vietnam

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến

nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.

- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam	2					10
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân	6	6				25

tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).						
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	21	18				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.

2. Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69). Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

6.5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/Ho Chi Minh's ideology

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội
- CO2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Xây dựng rèn luyện đạo đức, nhân cách. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh
- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.
- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan

điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	4	4				24
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	

3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

* Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo:

1. *Hồ Chí Minh (2011), toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15)

2. Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

6.6. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG/ General Law

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 197030
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CO2: Người học vận dụng những kiến thức pháp lý đã học để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CO3: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật; rèn luyện tác phong sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;

- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.

- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống xã hội.

- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật	6	6		0		30
Chương 2: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	4	4		0		20
Chương 3: Luật Phòng, chống tham nhũng	2	3		0		10
Chương 4: Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình	2	5		0		10
Chương 5: Luật Hình sự	2	3		0		10
Chương 6: Luật Lao động	2	3		0		10
Tổng	18	24		0		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Viết	Rubricviết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kì (01)				20%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Rubric trắc nghiệm	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:

1. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), *Pháp luật đại cương*, NXB Lao động

* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

1. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, NXB Công an nhân dân.

2. Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân.

6.7. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/ BASIC OF VIETNAMESE CULTURE

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 24TL)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.
- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.
- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Nhận biết được những biểu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.
- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.
- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
Nội dung 2 Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	2	0	0	0	10
Nội dung 3 Định vị văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	5
Nội dung 4 Tiến trình văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	10
Nội dung 5 Các vùng văn hoá Việt Nam	1	2	0	0	0	5
Nội dung 6 Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7 Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
Nội dung 8 Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 9 Văn hóa tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 10 Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 11 Văn hoá giao tiếp và văn hóa nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 12 Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 13 Tổng kết	1	2	0	0	0	0
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ tài liệu bắt buộc:*

- 1) Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục.

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

- 2) Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục
- 3) Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, NXB Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.

6.8. KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO/Business Startup and Innovation

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 36TL)
- Mã học phần: 154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.
- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.
- CO3: Người học có thể tìm kiếm và đề xuất ý tưởng ĐMST từ đó tạo tiền đề để xây dựng các dự án khởi nghiệp ĐMST.
- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được bản chất của khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Phân tích và vận dụng được các kỹ thuật tư duy sáng tạo như (Mindmap, Scamper, động não, DOIT, đối tượng tiêu điểm...) trong tìm kiếm và xây dựng ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi cao.
- CLO3: Vận dụng kiến thức vào xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.
- CLO4: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng kế hoạch hoàn thiện năng lực.
- CLO5: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST đến mọi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học			
	Giờ lên lớp (tiết)			Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	8		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	7		20

Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4		25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	9		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		20
Tổng	27	36		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Day học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số	
Kiểm tra thường xuyên (30%)					
1	Trắc nghiệm/viết	Đáp án	CLO1 CLO2	30%	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5		
Đánh giá giữa kỳ (20%)					
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc vấn đáp/trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5		20%
Thi cuối kì (50%)					
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5		50%
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ để làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5		

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ

- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ tài liệu bắt buộc:**

1. Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1. Lê Hoàng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), *Khởi nghiệp ĐMST-Lý thuyết & thực tiễn*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.

2. Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*; NXB Đại học kinh tế quốc dân

6.9. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI/ENVIRONMENT AND HUMAN

- Số tín chỉ: 02 (18,24)

- Mã số học phần: 125105

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; các vấn đề sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

- CO2: Người học được trang bị các kỹ năng để nhận diện các vấn đề về môi trường, các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động cũng như việc xử lý các vấn đề nói trên trong thực tiễn.

- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự chịu trách nhiệm trong ứng xử với môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.

- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.

- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn

- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.

- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;

4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường 1.1. Khái niệm, phân loại môi trường 1.1.1.Khái niệm về môi trường 1.1.2. Phân loại môi trường 1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường 1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Nhiệm vụ 1.3. Chức năng của môi trường 1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên 1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật 1.3.4. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin	2	3				15
Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường	3	4				15

2.1. Nhân tố sinh thái. 2.1.1. Khái niệm chung. 2.1.2. Các định luật có liên quan. 2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái. 2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật. 2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật. 2.3. Quần thể và quần xã sinh vật. 2.3.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể. 2.3.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã. 2.4. Hệ sinh thái. 2.4.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái. 2.4.2. Đặc trưng của hệ sinh thái. 2.5. Hệ sinh thái và con người. 2.5.1. Vị trí của con người trong hệ sinh thái. 2.5.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người. 2.5.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.						
Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên 3.1. Dân số 3.1.1. Một số chỉ số cơ bản của dân số 3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới - Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số - Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển - Dự báo phát triển dân số trên thế giới 3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam 3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh 3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên 3.2.1. Khái niệm TNTN 3.2.2. Phân loại TNTN 3.2.3. Vai trò của TNTN	4	6				15

3.2.4. Một số vấn đề về sử dụng TNTN						
3.3. Một số loại TNTN						
Chương 4. Ô nhiễm môi trường 4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường 4.2. Ô nhiễm môi trường nước 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước 4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới 4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục 4.3. Ô nhiễm môi trường không khí 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí 4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí 4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục 4.4. Ô nhiễm môi trường đất 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất 4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất 4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục 4.5. Các ô nhiễm khác	3	4				15
Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững 5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu 5.1.1. Lắng đọng axit 5.1.2. Hiệu ứng nhà kính 5.1.3. Suy thoái tầng ôzôn 5.2. Các công cụ quản lý môi trường 5.2.1. Công cụ pháp lý 5.2.2. Công cụ kinh tế 5.2.3. Công cụ kỹ thuật 5.3. Phát triển bền vững	3	4				15

5.3.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV 5.3.2. Nguyên tắc của PTBV 5.3.3. Nội dung của PTBV 5.3.4. Chiến lược phát triển bền vững của Việt nam						
Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động 6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinh và an toàn lao động 6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; 6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở; 6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.	3	3				15
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2,4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần (tinh thần thái độ học tập, xây dựng bài, ý thức xây dựng phong trào học tập của lớp...)	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm (Kết quả bài thảo luận, sự hợp tác nhóm, khả năng làm việc nhóm...)	CLO1,2,3,4	

5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2, 3,4,5, 6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

* *Giáo trình/Bộ tài liệu bắt buộc:*

1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb GDHN

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, NXB GD.
2. *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14).*

6.10. Chọn ½ học phần:

6.10a. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI/HISTORY OF WORLD CIVILIZATION

- Số tín chỉ: 02 (18LT; 24 TL, BT)
- Mã học phần 124095
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Lịch sử văn minh thế giới cung cấp một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai

Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Arập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn minh Trung Hoa cổ trung đại, văn minh Đông Nam Á cổ trung đại, văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV trình bày được các điều kiện ra đời của các nền văn minh: tự nhiên, xã hội, cư dân... giải thích các yếu tố tự nhiên, xã hội chi phối đến sự hình thành và giá trị của các nền văn minh; Nêu được các thành tựu của các nền văn minh cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại của nhân loại

- CO2: SV hình thành và phát triển các kỹ năng tìm kiếm tư liệu, trình bày vấn đề; phân tích đánh giá các giá trị văn minh nhân loại; lý giải sự kế thừa văn minh nhân loại đối với sự phát triển văn minh hiện đại và đương đại

- CO3: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của môn Lịch sử văn minh thế giới, hình thành và nuôi dưỡng trách nhiệm giữ gìn, phát huy các giá trị văn minh nhân loại trong nền văn minh đương đại

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về các nền văn minh trong lịch sử nhân loại

- CLO2: Lý giải được các yếu tố chi phối đến sự ra đời, các giá trị của nền văn minh các quốc gia, khu vực qua từng thời kỳ lịch sử

- CLO3: Người học vận dụng các nội dung học phần vào quá trình giảng dạy chuyên đề trong chương trình lịch sử ở trường phổ thông

- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Lịch sử văn minh thế giới, có tình yêu và trách nhiệm đối với việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn minh nhân loại

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề khái niệm-Văn minh Bắc Phi và Tây Á 1.1. Một số vấn đề khái niệm 1.2. Văn minh Ai Cập cổ đại 1.3. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại	3	3				15
Chương 2: Văn minh Ấn Độ cổ trung đại 2.1. Điều kiện tự nhiên, cư dân và lịch sử Ấn Độ cổ trung đại 2.2. Thành tựu văn minh	3	3				15

Chương 3. Văn minh Trung Quốc cổ trung đại 3.1. Điều kiện tự nhiên, cư dân và lịch sử Trung Quốc cổ trung đại 3.2. Những thành tựu chủ yếu	3	3				15
Chương 4. Văn minh Hy Lạp-La Mã cổ đại 4.1. Điều kiện tự nhiên, cư dân và lịch sử Hy Lạp cổ đại 4.2. Các thành tựu chủ yếu	3	3	2			15
Chương 5. Tây Âu trung đại 5.1. Điều kiện ra đời Tây Âu trung đại 5.2. Thành tựu văn minh Tây Âu thế kỉ V-VIV 5.3. Văn hóa Phục hưng	3	3	2			15
Chương 6: Văn minh công nghiệp và văn minh thế kỉ XX 6.1. Điều kiện ra đời văn minh công nghiệp 6.2. Văn học, nghệ thuật cận đại 6.3. Văn minh thế kỉ XX	3	3	2			15
Tổng	18	18	6			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng tranh, ảnh, video, sử dụng công nghệ thông tin, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			

	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	50%
--	---------	--------------	------------	-----

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ tài liệu bắt buộc:*

1) Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (1998), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

- 2) Almanach, *Những nền văn minh thế giới* (2015), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3) Lương Duy Thứ (Chủ biên) (1997), *Đại cương văn hóa phương Đông*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

6.10b. KIẾN THỨC ĐỊA PHƯƠNG THANH HÓA/THANH HOA' KNOWLEDGE

- Số tín chỉ: 2 (18 LT; 24 TL, BT)
- Mã học phần: 124115
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu khái quát về vị trí địa lý và các điều kiện tự nhiên, lịch sử của Thanh Hóa, các yếu tố về dân cư, tộc người, các di tích lịch sử - văn hoá, các nhân vật lịch sử tiêu biểu, các làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu, đặc điểm nền văn hoá vật chất và tinh thần của xứ Thanh...; những định hướng phát triển kinh tế, những thách thức trên bước đường hiện đại hoá, công nghiệp hoá của Thanh Hoá.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học xác định các đặc điểm địa Lịch sử tự nhiên, dân cư của Thanh Hóa, so sánh với các tỉnh khác, thống kê lịch sử hình thành, sự phân chia hành chính, đặc điểm nền văn hóa vật thể và phi vật thể của Thanh Hóa; thống kê các nghề và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá; mô tả các vùng kinh tế, trung tâm kinh tế, các khu công nghiệp hiện nay của Thanh Hóa.

- CO2: SV hình thành và phát triển các kỹ năng tìm kiếm tư liệu, trình bày vấn đề; phân tích đánh giá thuận lợi và khó khăn của các điều kiện tự nhiên-xã hội, tiềm năng phát triển của Thanh Hóa

- CO3: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Kiến thức địa phương Thanh Hóa, hình thành và nuôi dưỡng trách nhiệm giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa – lịch sử Thanh Hóa trong sự phát triển kinh tế xã hội hiện nay

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về các điều kiện tự nhiên xã hội, văn hóa vật chất và tinh thần, đóng góp của Thanh Hóa trong lịch sử

- CLO2: Li giải được các yếu tố chi phối đến các điều kiện phát triển, các giá trị văn hóa Thanh Hóa; phát huy các thuận lợi trong phát triển hiện nay

- CLO3: Người học vận dụng các nội dung học phần vào quá trình giảng dạy trong chương trình lịch sử ở trường phổ thông

- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Kiến thức địa phương Thanh Hóa, có tình yêu và trách nhiệm đối với việc giữ gìn, phát huy các giá trị của tỉnh nhà trong thời kỳ phát triển và hội nhập.

4. Nội dung học phần

Liệt kê theo chương mục, phân bổ số tiết LT, TH, TL của từng chương.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề chung. Khái quát về điều kiện tự nhiên – Thanh Hóa qua các thời kỳ 1.1. Khái niệm 1.2. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên 1.3. Phân chia hành chính và tên gọi	3	3				15
Chương 2: Đặc điểm nền văn hóa Thanh Hóa 2.1. Điều kiện ra đời nền văn hóa Thanh Hóa 2.2. Đặc điểm văn hóa Thanh Hóa	3	3				15
Chương 3. Sự phát triển kinh tế của Thanh Hoá qua các thời kỳ lịch sử 3.1. Các nghề truyền thống và làng nghề truyền thống tiêu biểu của Thanh Hoá. 3.2. Các khu công nghiệp kinh tế trọng điểm	3	3				15
Chương 4. Những đóng góp to lớn của	3	4	1			15

Thanh Hoá trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc 4.1. Thời kì Bắc thuộc 4.2. Thời phong kiến tự chủ 4.3. Thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ						
Chương 5. Các di tích lịch sử-văn hoá và danh thắng tiêu biểu của Thanh Hoá 5.1. Các di tích lịch sử văn hóa 5.2. Các danh thắng tiêu biểu	3	4	1			15
Chương 6. Các nhân vật lịch sử và Danh nhân văn hóa tiêu biểu của Thanh Hoá 6.1. Nhân vật lịch sử tiêu biểu 6.2. Các danh nhân văn hóa	3	4	1			15
<i>Tổng</i>	18	21	3			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng tranh, ảnh, video, sử dụng công nghệ thông tin, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

[1]. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2000) Địa chí Thanh Hoá tập 1: Thanh Hoá, Nxb VHTT

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

[1]. Hà Văn Tấn (1990, 1994), Lịch sử Thanh Hóa Tập 1, tập 2, Nxb KHXH, HN

[2]. Lê Văn Trường (2002), Địa lý Thanh Hoá, Nxb Thanh Hóa..

6.11. Chọn ½ học phần:

6.11a. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH/ Vietnamese in use

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 18TL, 6TH)

- Mã học phần: 123050

- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nghe, nói, đọc, viết là những kỹ năng quan trọng cần được hình thành, phát triển ở mỗi giai đoạn trong quá trình nhận thức và tư duy của con người. Học phần Tiếng Việt thực hành tập trung trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt như: văn bản, câu, từ, ngữ âm; từ đó thông qua hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: phân tích và tạo lập văn bản; đặt câu, dùng từ và chính tả trong văn bản.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức cơ bản về tiếng Việt như: văn bản, câu, từ, ngữ âm và về các kỹ năng sử dụng tiếng Việt trên các phương diện từ tạo lập và tiếp nhận văn bản đến đặt câu, dùng từ, chính tả trong văn bản.

- CO2: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề nghiên cứu về tiếng Việt một cách chính xác khoa học, sáng tạo; có kỹ năng nhận diện và phân tích và tạo lập các đơn vị tiếng Việt từ văn bản, câu, từ và chính tả và thực tiễn sử dụng tiếng Việt, từ đó có khả năng vận dụng linh hoạt tiếng Việt trong thực tiễn và nghề nghiệp.

- CO3: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về tiếng Việt vào việc phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong chuẩn mực, có đam mê tìm hiểu, nghiên cứu và khám phá, sáng tạo

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng được kiến thức về văn bản vào việc thực hành tạo lập và phân tích các văn bản; có kỹ năng phân tích và tạo lập văn bản; kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng chính tả.

- CLO2: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về tiếng Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- CLO3: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá; có ý thức và tác phong chuẩn mực; có lòng tự hào và ý thức tôn trọng tiếng Việt.

- CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về tiếng Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản	5	4	0	2	0	20
Rèn luyện kĩ năng tiếp nhận văn bản	5	4	0	1	0	20
Rèn luyện kĩ năng đặt câu trong văn bản	4	4	0	2	0	20
Rèn luyện kĩ năng dùng từ trong văn bản	2	4	0	1	0	15
Rèn luyện kĩ năng chính tả tiếng Việt	2	2	0		0	15
Tổng	18	18	0	6	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
11	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1,CLO2, CLO3	20%
12	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric2/Rubric4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
33	Bài tập/Thực hành /Viết	Rubric3/Rubric5	CLO1, CLO2	
II	Kiểm tra giữa kỳ			30%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	
III	Thi cuối kì			50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối...) tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

[1]. Bùi Minh Toán - Lê A – Đỗ Việt Hùng (2012), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

*** Tài liệu/ bộ tài liệu tham khảo:**

[1]. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (1997), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục.

[2]. Phan Thiều (1998), *Rèn luyện ngôn ngữ*, tập 1, 2, Nxb Giáo dục.

6.11b. THỰC HÀNH VĂN BẢN TIẾNG VIỆT/ Practice Vietnamese text

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 18TL, 6TH)
- Mã học phần: 123185
- Bộ môn quản lý học phần: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Trên cơ sở giới thiệu các vấn đề chung nhất về tiếng Việt, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn bản tiếng Việt. Đó là: khái niệm và đặc trưng của văn bản, câu trong văn bản, đoạn văn, hình thức nội dung văn bản và các loại văn bản thuộc phong cách chức năng của tiếng Việt. Từ đó, người học có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết để tạo lập và phân tích văn bản theo các phương diện cụ thể.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức vững chắc về tiếng Việt và văn bản tiếng Việt như: khái niệm và đặc trưng của văn bản, câu trong văn bản, đoạn văn, hình thức nội dung văn bản và các loại văn bản thuộc phong cách chức năng của tiếng Việt.

- CO2: Phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề nghiên cứu về văn bản tiếng Việt một cách chính xác khoa học, sáng tạo; có kỹ năng nhận diện và phân tích và tạo lập các văn bản tiếng Việt thuộc các phong cách chức năng, từ đó có khả năng vận dụng linh hoạt trong thực tiễn và nghề nghiệp.

- CO3: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong việc vận dụng những tri thức về văn bản tiếng Việt vào việc phát hiện và giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có tác phong chuẩn mực, có đam mê tìm hiểu, nghiên cứu và khám phá, sáng tạo

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có kỹ năng vận dụng linh hoạt những vấn đề lý thuyết vào việc thực hành tạo lập và phân tích văn bản thuộc các phong cách chức năng tiếng Việt.

- CLO2: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về văn bản tiếng Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong học tập và nghiên cứu khoa học.

- CLO3: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá; có ý thức và tác phong chuẩn mực; có lòng tự hào và ý thức tôn trọng tiếng Việt.

- CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về tiếng Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Mở đầu về văn bản	3	2	0	1	0	15
Văn bản, đặc trưng và phân loại văn bản	5	4	0	1	0	20
Câu trong văn bản	3	4	0	1	0	15
Đoạn văn	4	4	0	2	0	20
Những vấn đề về nội dung và hình thức của văn bản	3	4	0	1	0	20
Tổng	18	18	0	6	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần kết hợp linh hoạt các hình thức dạy học: Thuyết trình, thảo luận, thực hành, tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
11	Chuyên cần	Rubric 1	CLO1,CLO2, CLO3	20%
12	Thảo luận/Thuyết trình	Rubric2/Rubric4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
33	Bài tập/Thực hành /Viết	Rubric3/Rubric5	CLO1, CLO2	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	30%
III	Thi cuối kì			

	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ số giờ học trên lớp theo quy định (không nghỉ quá 20% tổng số giờ học).

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ (chuẩn bị bài ở nhà, đọc tài liệu, tham gia thảo luận và làm các bài tập tại lớp, làm kiểm tra giữa môn và thi hết môn) theo đúng yêu cầu của giảng viên phụ trách môn học.

- Sinh viên vi phạm quy định (nghỉ học, đi muộn không có lí do chính đáng; không làm bài tập, bài thi, nộp bài không đúng hạn; vi phạm quy chế thi; trích dẫn tài liệu và làm bài gian dối...) tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm thành phần tương ứng.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

[1]. Phan Mậu Cảnh, (2008) *Lý thuyết và thực hành văn bản tiếng Việt*, Nxb ĐH Quốc Gia Hà Nội.

* *Tài liệu/ bộ tài liệu tham khảo:*

[1]. Phan Thiều (1998), *Rèn luyện ngôn ngữ*, tập 1, 2, Nxb Giáo dục.

[2]. Bùi Minh Toán - Lê A – Đỗ Việt Hùng (2012), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

6.12. Chọn ½ học phần:

6.12a. XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG /Introduction to Sociology

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 18 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 123240
- Bộ môn quản lý học phần: Xã hội học
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần Xã hội học đại cương gồm: Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội..., phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển khả năng nhận diện, phân tích các quy luật của sự nảy sinh, biến đổi và phát triển của các sự kiện, hiện tượng xã hội, hành vi con người trong mối quan hệ với xã hội.

CO2: Hình thành và phát triển các kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội theo hướng tiếp cận xã hội học

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Sinh viên hệ thống hoá được: đối tượng, chức năng, cơ cấu, phương pháp nghiên cứu của xã hội học

- CLO2: Sinh viên khái quát hoá được quá trình hình thành và phát triển của ngành xã hội học, quan điểm của một số nhà xã hội học tiêu biểu

- CLO3: Sinh viên giải thích được các khái niệm: hành động xã hội, tương tác xã hội, tổ chức xã hội, cơ cấu xã hội và phân tích, đánh giá được các vấn đề xã hội ở các phạm trù này diễn ra trong đời sống

- CLO4: Sinh viên nhận diện và phân tích được các không gian văn hoá, quá trình xã hội hoá, sự biến đổi của xã hội từ đó giải thích được các phạm trù xã hội trong cuộc sống.

- CLO5: Sinh viên hệ thống được đề cương nghiên cứu vấn đề xã hội từ góc độ xã hội học, thiết kế được chương trình nghiên cứu xã hội học

- CLO6: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội từ hướng tiếp cận xã hội học

4. Nội dung học phần

Nội Dung	Hình thức tổ chức dạy học học phần							Tổng
	Lý thuyết	Xêmina	Làm việc nhóm	Khác (điền giả, thực tế...)	Tự học, tự NC	Tư vấn của GV	KT-ĐG	
<u>Nội dung 1:</u> Xã hội học là một khoa học	2				8	x		10
<u>Nội dung 2:</u> Lịch sử hình thành và phát triển của Xã hội học	2	2			8	x	1 bài	12
<u>Nội dung 3:</u> Hành động xã hội và tương tác xã hội	2	2			10	x		14
<u>Nội dung 4:</u> Tổ chức xã hội và Thiết chế xã hội	2	2			10	x	1 bài	14
<u>Nội dung 5</u> Cơ cấu xã hội	4	4			10	x		14
<u>Nội dung 6</u> Văn hóa		2			10	x	1 bài	14

<u>Nội dung 7</u> Xã hội hóa	2	2			10	x		14
<u>Nội dung 8</u> Biến đổi xã hội	2	2			10	x	1 bài	14
<u>Nội dung 9</u> Thực hành nghiên cứu xã hội học	2	2		6	14	x		26
Tổng	18	18		6	90		4 bài	132

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung về các vấn đề xã hội từ cách tiếp cận xã hội học - Sinh viên tự lựa chọn vấn đề xã hội - Mục đích: giúp sinh viên xác định và đánh giá được các vấn đề xã hội trong cuộc sống. - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO 1, CLO2	30%
2	Phân tích hành động học tập của sinh viên để hiểu về hành động xã hội (1 phạm trù quan trọng trong nghiên cứu XHH) - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung hành động xã hội, tương tác xã hội. - Yêu cầu: sinh viên làm việc cá nhân hoàn thiện một sản phẩm gồm 1 bản trình chiếu và 1 bản viết tay về chủ đề nghiên cứu.	Rubric 2	CLO1, CLO3	
3	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến những biến đổi ở trong xã hội - Bài tập cá nhân - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung biến đổi xã hội - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO4	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Phân tích một vấn đề xã hội tồn tại trong giới trẻ hiện nay - Mục đích: Đánh giá kỹ năng nhận diện, phân tích vấn đề. - Yêu cầu: sinh viên làm việc nhóm	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO5	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm + <i>Phần vận dụng</i> : đánh giá, phân tích một vấn đề xã hội từ góc nhìn xã hội học. - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1) Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên) (2008), *Xã hội học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

- 1) Phạm Tất Dong, Nguyễn Sinh Huy (2004), *Xã hội học*, NXB Thống kê
- 2) Nguyễn Sinh Huy (1999), *Xã hội học đại cương*, ĐHQG, Hà Nội

6.12b. THỐNG KÊ XÃ HỘI /Social Statistics

- Số tín chỉ học tập: 02 (18LT; 24TL, BT)
- Mã học phần: 125016
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Địa lí
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức lý thuyết, thống kê các phương pháp, công cụ và quá trình thống kê về các vấn đề xã hội; qua đó giúp người học biết sử dụng và lựa chọn các phương pháp trong thống kê xã hội (điều tra, thu thập số liệu; xử lý số liệu; phân tích)

áp dụng trong các công việc cụ thể và phân tích, giải thích kết quả điều tra một cách rõ ràng, chính xác.

2. Mục tiêu học phần:

- CO1: Trình bày được nội dung các thuật ngữ cơ bản của thống kê, quá trình nghiên cứu thống kê và giải thích cách tính các mức độ thường dùng trong thống kê để phản ánh các hiện tượng kinh tế xã hội; có thể giải thích được những nội dung thống kê trong một số lĩnh vực xã hội chủ yếu như mức sống, dân số, lao động, giáo dục, y tế.

- CO2: Xây dựng được phiếu điều tra xã hội (bảng hỏi) đơn giản, tính toán được một số mức độ thường dùng trong thống kê, các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian; có thể xây dựng và phân tích ảnh hưởng của các nhân tố cấu thành GDP, năng suất lao động, tiền lương. Trong một số lĩnh vực thống kê xã hội, sinh viên có thể phân tích được biến động dân số, phân tích nghèo đói và bất bình đẳng và tính toán được một số chỉ tiêu thống kê xã hội phổ biến.

- CO3: Có ý thức trong việc áp dụng các lý thuyết thống kê trong công việc, nhất là trong nghiên cứu khoa học, điều hành doanh nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và trình bày được các nội dung cơ bản của công tác thống kê các vấn đề xã hội; áp dụng cách tính các mức độ thường dùng trong thống kê để phản ánh các hiện tượng kinh tế xã hội; phân tích và giải thích được sự thay đổi của các thông số kinh tế xã hội theo thời gian và không gian.

- CLO2: Xây dựng được phiếu điều tra xã hội học, tiến hành các bước điều tra xã hội, xử lý các số liệu sơ cấp; tính toán các mức độ thường dùng trong thống kê, phân tích các giải thích sự biến động của các hiện tượng kinh tế xã hội qua các số liệu thu thập được.

- CLO3: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc nâng cao ý thức tự học, thái độ nghiêm túc trong các hoạt động tập thể.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những vấn đề chung về thống kê xã hội (LT:2, TL:2) 1. Đối tượng, nhiệm vụ, nội dung môn học 2. Khái quát các giai đoạn phát triển khoa học thống kê 3. Đặc điểm của khoa học thống kê hiện đại 4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	2	2				15

5. Những quy định của Nhà nước về thống kê						
Chương 2. Khái niệm cơ bản về thống kê (LT:4, BT:6) 1. Một số vấn đề lý thuyết thống kê 2. Dữ liệu, số liệu 3. Những đơn vị thống kê 4. Lập bảng biểu và biểu diễn dữ liệu thống kê 5. Những số liệu thống kê	4	3	2			20
Chương 3. Quá trình nghiên cứu thống kê (LT:4, TL:2, BT:4) 1. Khái niệm về quá trình nghiên cứu thống kê 2. Xác định đối tượng và xây dựng hệ thống khái niệm, chỉ tiêu thống kê 3. Điều tra thống kê 4. Xử lý thống kê 5. Dự báo thống kê	4	3	2			19
Chương 4. Thống kê dân số, lao động (LT:4, TL:2, BT:3) 1. Thống kê dân số 2. Thống kê nguồn lao động 3. Thống kê lực lượng lao động 4. Thống kê lao động trong doanh nghiệp	4	3	2			18
Chương 5. Thống kê một số vấn đề xã hội (LT:4, TL:2, BT:3) 1. Thống kê về chất lượng cuộc sống 2. Thống kê bảo hiểm xã hội 3. Thống kê bảo trợ xã hội và cứu trợ xã hội	4	3	2			18
Tổng	18	14	10			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2, 3	30%

2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 3,	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2, 3	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2, 3	
6	Bài tập	Rubic bài tập	CLO1,2, 3	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Bài tập, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2, 3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận (Bài tập)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra GK.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1) PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2012), Giáo trình Lý thuyết thống kê, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

* *Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo:*

1) Nguyễn Ngọc Cương, *Thống kê Xã hội học*, NXBGD 2002.

2) PGS.TS Bùi Xuân Phong (2002), *Thống kê và ứng dụng*. Nxb Thống kê

6.13. CÔNG NGHỆ SỐ/DIGITAL TECHNOLOGY

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)

- Mã học phần: 172555

- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;
- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;
- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10
Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0) 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư	5	0	0	0		15

3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp 3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước 3.5. Chuyển đổi số trong xã hội						
Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0) 4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số 4.2. Kỹ năng công dân số 4.3. Giáo dục công dân số	3	0	0	0		9
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35) 5.1. Soạn thảo văn bản 5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu 5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính 5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính	4	0	0	35		65
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10) 6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu 6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến 6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến	3	0	0	10		24

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	Kỹ thuật trình chiếu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	

	- Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.			
3	Thực hành bảng tính - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	
4	Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,...) - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + <i>Phần thực hành</i> : thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), *Tin học căn bản*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

***Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1. Minh Quý, 2013, *Microsoft Office 2007*, NXB Hồng Đức.
2. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.

6.14. TIẾNG ANH 1/ (ENGLISH 1)

- Số tín chỉ: 4 (36, 24, 24)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2 (bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ A2, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.
- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.
- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;
- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.
- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ

năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1). 1.2. IPA: phonemic chart - vowels, consonants, monothongs, diphthongs 1.3. Verb “to be”, Possesive Pronounce, Relexive Pronounce, Lesson 1A, 1B. 1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17) 1.5. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24) 1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2 - Adjective and Adverb - Verb - Lesson 2B, 2C	10	3	3	4	2	52
Nội dung 2: 2.1. Simple Present - Lesson 3A, B, C 2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Reading, p.p.26-34) 2.3. Preposition - Lesson 4B, 4C 2.4. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 2.5. Kiểm tra giữa kỳ Lesson 5A, 6B, 6C	11	3	3	5	1	52

2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)						
Nội dung 3: 3.1. Simple Past - Lesson 7A, 7B, 7C 3.2. Workbook Unit 7A,B,C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54) 3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 - Past Continuous - Past Simple & Past Continuous - Lesson 8C 3.4. Workbook Lesson 8C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Writing, p.p.55-57) 3.5. Noun - Lesson 8B, 9A, 9B 3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64) - Make a video on topic given by teacher. 3.7. Comparison of Adjective and Adverb.	11	3	3	5	1	52
Nội dung 4: 4.1. Future Expression with “be going to”, Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C 4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Writing, p.p.75-77) 4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4 4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B 4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)	4	3	3	4	2	24

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%

1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson.,2012., *English File–Elementary 3rd edition*. Oxford University Press.
2. Nguyễn Thị Quyết, 2018, *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Nhà xuất bản Thanh Hoá.

**Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Raymond Murphy (2013). *Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành*. NXB Thời đại
2. Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 2*. Cambridge University Press

6.15. TIẾNG ANH 2/ (ENGLISH 2)

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133032

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa đầu trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			

Nội dung 1: 1.1. Present perfect vs. past simple tense Present perfect continuous Present perfect continuous or present perfect simple Past perfect Past perfect continuous Future perfect and future perfect continuous 1.2. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to Conditional sentences type 1 and 2 Conditional sentences type 3 Review 1/Subjunctive/Passive 1.3. Bài kiểm tra điều kiện 1 1.4. Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I'm used to...) Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something Defining relative clauses Non-defining relative clauses	7	2	2	3	1	33
Nội dung 2: 2.1. Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even; - Review 2; - Unit 1 A, B 2.2. Unit 1C; 2 A, B 2.3. Kiểm tra giữa kỳ - Unit 2C - Revise & Check 1&2 - Unit 3 A 2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons. - Do the exercises on the textbook - Do exercises on Unit 2C, 3A	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3:	7	3	2	4	1	33

3.1. Unit 3B, C - Exercises in the textbook Unit3B - Exercises in the textbook Unit 3C - Exercises in workbook Unit 3B, 3C 3.2. Unit 4A, B - Exercises in Unit 4B, C - Talk about your shopping habit 3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2 - Unit 4C; - Revise and check 3&4, 3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&4						
Nội dung 4: 4.1. Unit 5A, B - Exercises in Unit 5A, B, C 4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B Unit 5C, 6A 4.3. Consult Unit 5C, 6 A, - Exercises in workbook Unit 5C, 6 A. 4.4. Unit 6B, C 4.5. Listen to “Spotlight English News” and summarize the main content. - Write a composition on the given topic Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 4.6. Revise and check 5&6; - Exercises in workbook Revise and check 5&6	6	2	3	2	2	36

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3	

			CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kì			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013. *English File–Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)
2. Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B (cuốn 2)*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

**Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Raymond Murphy (2013), *Essential Grammar In Use*, NXB Thời đại (HLTK1)
2. Cambridge ESOL (2013). *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press. (HLTK2)
3. Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press. (HLTK3)

6.16. TIẾNG ANH 3/ (ENGLISH 3)

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

1. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa cuối trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction - Course Orientation Bài 7A (1) & Bài 1.2 (2) - Grammar: Infinitive with “to” 1.2. Bài tập luyện 2.1 (2):						

1.3. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test. Bài 7B (1) & Bài 1.1 (2) 1.4. Group discussion: giving opinion to a person using adjective describing people. 1.5. 7C (1) & Bài 8.1. (2) 1.6. Progress test 1: Multiple choice test 1.7. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test.	7	2	2	3	1	44
Nội dung 2: 2.1. Unit 8B (1) & 9.2 (2) Topics: Environment 2.2. Share their idea about the things can do to help the environment 2.3. Bài 9A & Bài 10.1 Topic: What would you do if... 2.4. Give a report to the class about giving advice 2.5. Mid-term Test 2.6. Unit 9C (1) & 2 7.2 (2) Topics: Leisure 2.5. Apply grammar theory to do different exercises.	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Bài 10B (1) & Bài 3.1 (2) Topic: famous people 3.2. Bài 10C (1) & Bài 10.2 (2) Topics: Music and festival 3.3. Progress test 2 – Writing test 3.4. Bài 11A (1) & 7.1 (2) Topic: Bad losers	7	3	2	4	1	33
Nội dung 4: 4.1. Bài 11B (1) & Bài 4.1 (2) Topics: Morning person 4.2. Bài 12A (1) & Bài 12.1 (2) Topic: News around the world 4.3. Bài 12B (1) & Bài 12.2 (2) Topic: Gossips	6	2	3	2	2	25

4.4. Progress Test 3 – speaking test						
--------------------------------------	--	--	--	--	--	--

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			20%
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	
III	Thi cuối kì			50%
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2011. *English File– Pre-intermediate 3rd edition*. Oxford University Press.
2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

***Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press
2. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press

V. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1. Giáo dục thể chất 1/ Physical edycation 1

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất và hiểu được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác bài thể dục phát triển chung 9 động tác và thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu vào trong quá trình tập luyện
- CO4: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của bài TD tay không và môn Đá cầu rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.
- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu
- CLO3: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: (LT) -Giáo dục thể chất trong các trường đại học -Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.	2					6
Nội dung 2: II.(TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác: -Động tác: Tay -Động tác: Lườn -Động tác: Vặn mình			2			6
Nội dung 3: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Bụng -Động tác: Lưng -Động tác: Chân			2			6
Nội dung 4: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. -Động tác: Toàn thân -Động tác: Thăng bằng -Động tác: bật nhảy			2			6
Nội dung 5: (TH) Ôn Tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác			2			6

(Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).						
Nội dung 6: (TH) Ôn tập và kiểm tra bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).			2			6
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu - Học các động tác khởi động bổ trợ chuyên môn. - Học kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)			2			6
Nội dung 8: (TH) - Ôn tập kỹ thuật tâng cầu. kỹ thuật tâng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).			2			6
Nội dung 9: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi và chuyền cầu bằng mu bàn chân bên thuận và không thuận.			2			6
Nội dung 10: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyền cầu bằng mu bàn chân.			2			6
Nội dung 11: (TH) - Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.			2			6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện			2			6

Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
Tổng	2		28			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,....*).

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubic 1)	CLO.3.4	
3	Thực hành	Kỹ thuật tăng cầu (Rubric1)	CLO. 5.6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 2)	CLO.4.5.6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật tăng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubric 3)	CLO.2.3.4.5.6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:

- 1). Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học. Nxb TDTT, Hà Nội
- 2). Nguyễn Xuân Sinh (2009), Thể dục, Nxb TDTT, Hà Nội.
- 3). Đặng Ngọc Quang (2003), Giáo trình Đá cầu, NXB ĐHSP.

*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

- 4). ỦY BAN TDTT (2003), Luật Đá cầu, NXB TDTT.

2. Giáo dục thể chất 2 (chọn 1/5 học phần)

a. Bóng chuyền

- Số tín chỉ: 02

- Mã học phần: 191031
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

- *Nội dung học phần:* Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền.
- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng, Biết kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng, có thể tham thi đấu phong trào môn bóng chuyền.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.
- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng.
- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn

TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật bóng chuyền, luật thi đấu và trọng tài bóng chuyền; Tư thế chuẩn bị và di chuyển			2			6
Nội dung 2. Tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng)..			2			6
Nội dung 3. - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt. - Học kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 4. Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 5. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 6. Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 7. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 8. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6

Nội dung 9. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt.			2			6
Nội dung 10. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4.			2			6
Nội dung 11. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng cá nhân.			2			6
Nội dung 12. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 13. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 14. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay			2			6

trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).						
Nội dung 15 Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

T T	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và thấp tay trước mặt đối với nữ (Rubric 1)	CLO.4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubric 2)	CLO.5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Chuyền bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubric 3)	CLO.1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1). Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóngchuyền*, NXB DHSP

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

- 2). Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyền - Bóng chuyền bãi biển*, NXB, TDTT.
- 3). Đinh Văn Lắm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT, Hà Nội.

b. Bóng đá

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191033
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

- *Nội dung học phần:* Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài);

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá.
- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng, ném biên.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đúng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyền bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/Thực hành			
Nội dung 1: (LT) Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá			2			6
Nội dung 2: (TH) Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tăng bóng.			2			6
Nội dung 3: (TH) Luyện tập một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tăng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.			2			6
Nội dung 4: (TH)			2			6

Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. <i>Kiểm tra bài số 1</i>						
Nội dung 5: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.			2			6
Nội dung 6: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân			2			6
Nội dung 7: (TH) Học kỹ thuật ném biên, Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>			2			6
Nội dung 8: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu chính diện.			2			6
Nội dung 9: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên			2			6
Nội dung 10: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.			2			6
Nội dung 11: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. <i>Kiểm tra bài số 2</i>			2			6
Nội dung 12: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.			2			6

Giới thiệu bài tập chuyên bóng sút cầu môn						
Nội dung 13: (TH) Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyên bóng đánh đầu vào cầu môn. Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. <i>Kiểm tra bài số 3</i>			2			6
Nội dung 14: (TH) Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào. Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.			2			6
Nội dung 15: (TH) Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết); Phương pháp phân tích và thị phạm động tác (Phương pháp trực quan); Phương pháp trò chơi vận động; Giảng dạy phân chia – hợp nhất; Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp, thực hành động tác; Phương pháp thi đấu, trọng tài; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubric 1)	CLO.1.2	30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m (Rubric1)	CLO. 5.6.	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m, Nữ 12m) (Rubric 2)	CLO. 4.5.6.	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubric 3)	CLO.1.2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1). PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007

**Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

- 1). Ủy ban TDTT, *Luật Bóng đá sân 5,11 người*, Nxb TDTT.
- 2). TS. Phạm Quang, Giáo trình Bóng đá, Nxb TDTT, Hà Nội 2007

c. Vovinam

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191005
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo
- CO2: Vận dụng được kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và thực hiện chính xác các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, phương pháp tập luyện bài long hổ quyền rèn luyện thể lực cho người học.
- CO3: Sinh viên thực hiện chính xác về Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản như trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất đưa vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.
- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.
- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDDT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Trung bình tấn - Đinh tấn - Chảo mã tấn - Hạc tấn (Độc cước tấn) - Hồi tấn			2			6
Nội dung 2: - Đấm thẳng - Đấm ngang (Đấm móc) - Đấm mức			2			6
Nội dung 3: -Đá thẳng -Đá vòng cầu (Đá tạt) -Đá cạnh chân			2			6
Nội dung 4: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
Nội dung 5: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
Nội dung 6: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
Nội dung 7: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
Nội dung 8:			2			6

Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)						
Nội dung 9: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)			2			6
Nội dung 10: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6
Nội dung 11: (Ôn tập) - Bài long hổ quyền (từ động tác 31- 40)			2			6
Nội dung 12: - Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6
Nội dung 13: (TH) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 41 –45)			2			6
Nội dung 14: (TH) Hoàn thiện bài long hổ quyền (Từ động tác 1 – 45)			2			6
Nội dung 15: (TH) - Ôn tập và KT bài Long hổ quyền			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 1)	CLO.3,4	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đâm (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubric 2)	CLO.4,5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Bài long hổ quyền (Rubric 3)	CLO.2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1). Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2008) “*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TĐTT.

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

2). Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*

3). Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2*, NXB TĐTT, HN.

d. Bóng rổ)

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191034
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tur thể chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.
- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ, thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và có kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.
- CO3: Có năng lực, kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa, tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.
- CO4: Vận dụng các kiến thức lý luận, kỹ thuật bóng rổ vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước mặt, cao tay trước mặt.
- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ.
- CLO 3: : Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/Thực hành			
Nội dung 1: - Vị trí, tác dụng tập luyện - Lịch sử phát triển môn bóng rổ. - Luật thi đấu bóng rổ: - Giới thiệu kỹ thuật môn học			2			6
Nội dung 2: (TH) - Luật dẫn bóng - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh			2			6
Nội dung 3: (TH) Ôn tập :- Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.			2			6
Nội dung 4: (TH)			2			6

- Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao - Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực						
Nội dung 5: (TH) Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ: + Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu)			2			6
Nội dung 6: (TH) Ôn: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Học kỹ thuật chuyền - bắt bóng: + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyền bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 1 tay.			2			6
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu chiến thuật: + Tấn công nhanh + Phòng thủ khu vực. Kiểm tra giữa kỳ: - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Nội dung kiểm tra: Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian Cách thực hiện kỹ thuật : - Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh của giáo viên thổi sinh viên đẩy bóng rồi thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m			2			6

- Thực hiện dẫn đúng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên. Dẫn bóng theo đường thẳng từ vạch xuất phát đến điểm đích 20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích - Dẫn bóng phạm luật: - Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng - Không được ngửa lưng bàn tay giữ bóng để dẫn bóng. - Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng. - Không được để bóng chạm chân trong quá trình dẫn bóng - Không được bật nhảy không chế bóng rồi dẫn bóng - Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bóng						
Nội dung 8: (TH) - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. - Ôn tập kỹ thuật: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 9: (TH) Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rổ một tay trên cao - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 10: (TH) Chiến thuật: - Tấn công nhanh - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 11: (TH) Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3			2			6

Chiến thuật phòng thủ kèm người 1/2 sân - Tổ chức thi đấu						
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m - Di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng một tay trên cao.			2			6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng (Rubric 1)	CLO.3.4.	

3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao (Rubric1)	CLO.5.6.	
II Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubric 2)	CLO.4.5.6.	20%
III Thi cuối kì				
	Thực hành	-Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. -Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao. (Rubric 3)	CLO2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), Giáo trình Bóng rổ, NXB, ĐHSP.

**Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Ủy ban thể dục thể thao (2006), Luật Bóng rổ, NXB TDTT.
2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), Giáo trình bóng rổ, NXB ĐH Thái Nguyên.

e. Thể dục aerobic)

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 193032
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn Thể dục Aerobic.

- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic.

- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic

- CO4: Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.

- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.

- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO 5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/Thực hành			
Nội dung 1: - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic -Tổ chức thi đấu Aerobic; -Bảy bước cơ bản			2			6
Nội dung 2 Các tư thế cơ bản			2			6
Nội dung 3:			2			6

- Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, thấp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)						
Nội dung 4: - Ôn Nhóm độ khó, thấp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)			2			6
Nội dung 5: -Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) -Học mới tổ hợp III (động tác 8 đến động tác 11)			2			6
Nội dung 6: - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I,II,III -Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)			2			6
Nội dung 7: -Ôn tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15) -Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)			2			6
Nội dung 8: -Ôn tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V			2			6
Nội dung 9: -Liên kết 5 tổ hợp từ I – V -Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23)			2			6
Nội dung 10: -Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23) -Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)			2			6
Nội dung 11:			2			6

-Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) -Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII						
Nội dung 12: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 13: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 14: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 15: - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp (7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II) (Rubric 1)	CLO1,2,3,4	
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần.	CLO 4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			

	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ từ I đến III (Rubric 2)	CLO1,2,3,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic tổ hợp I đến VII (Rubric 3)	CLO1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc* :

1). Đinh Khánh Thu (2014) *Giáo trình Thể dục Aerobic*; TDTT HN.

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo*:

2). Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) *Thể dục*; TDTT HN.

3). Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* NXB TDTT

VI. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

1. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/*National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam*

- Số tín chỉ: 3 (37, 8, 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng-an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu của học phần.

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					10
Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					15

<i>Bài 6:</i> Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					15
<i>Bài 7:</i> Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2				15
<i>Bài 8:</i> Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					15
<i>Bài 9:</i> Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	4	2				15
<i>Bài 10:</i> Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2				10
<i>Bài 11:</i> Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội						10

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết).	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
	- Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.			
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

2. Công tác quốc phòng và an ninh/Defense and security

- Số tín chỉ: 2 (22, 8, 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi

phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống).

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.

- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết).	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
	- Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.			
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.
2. Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012. *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục. - *an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam.

* *Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017. *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*, 2017.
2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014 *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

3. Quân sự chung

- Số ĐVHT: 02 (Lý thuyết:14; Thực hành: 16)
- Mã học phần: GDQP 3
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn

sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định toạ độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	

6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hoá lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2
8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	Cộng	30	14	16

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 30 phút	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

* **Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung*, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

2. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

3. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

4. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Số ĐVHT: 04 (Lý thuyết:04, Thực hành: 56)

- Mã học phần: GDQP 4

- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Nắm chắc được tác dụng, tính năng, cấu tạo chung của súng tiểu liên AK và thuần thục động tác bắn súng tiểu liên AK. Tác dụng, tính năng, cấu tạo chung và biết sử dụng lựu đạn. Đặc điểm và cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Rèn luyện thành thực tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO3: Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nắm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK.

- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Từng người trong chiến đấu tiến công	16		16
4	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	2	22
	Cộng	60	4	56

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số ĐVHT +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập). Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Kiểm tra viết (02 bài)	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	

3	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (*theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh*).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam

17. TÂM LÝ HỌC/PSYCHOLOGY

- Mã HP: 181080
- Số tín chỉ: 04
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tâm lý học cung cấp một hệ thống kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); Nhân cách và sự phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT; Hoạt động dạy học; Hành vi đạo đức; Nhân cách người thầy giáo...

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Nhận diện được đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS, THPT nói riêng.
- CO2: Phân tích được đặc điểm hoạt động dạy, hoạt động học, sự hình thành khái niệm, sự phát triển trí tuệ và mối quan hệ giữa dạy học - phát triển trí tuệ; cấu trúc tâm lý và các con đường hình thành hành vi đạo đức cho học sinh.
- CO3: Phân tích được đặc điểm của nghề dạy học, các thành phần cơ bản trong năng lực của người thầy giáo, các nguyên tắc trong giao tiếp sư phạm.

- CO4: Vận dụng các kiến thức Tâm lý học để giải quyết các nhiệm vụ học tập cho bản thân; Có khả năng giải quyết các tình huống thực tế trong dạy học, giáo dục và trong cuộc sống.

- CO5: Nhận thức được được ý nghĩa, tầm quan trọng của kiến thức tâm lý học đối với đời sống, đặc biệt hoạt động nghề nghiệp sau này; Hình thành hứng thú học tập và tăng thêm lòng yêu nghề, không ngừng rèn luyện để có được những kiến thức, kinh nghiệm cần thiết đảm bảo tốt cho hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được một cách khái quát về tâm lý con người nói chung và tâm lý học sinh ở các lứa tuổi THCS, THPT; đặc điểm, cấu trúc nhân cách người thầy giáo.

- CLO2: Xác định được cơ sở khoa học của việc vận dụng được kiến thức cơ bản của Tâm lý học vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường THCS, THPT.

- CLO3: Phân tích được các bước xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, phát triển trí tuệ, kỹ năng, kỹ xảo, đạo đức, nhân cách cho học sinh.

- CLO4: Vận dụng được kiến thức Tâm lý học vào giảng dạy, giáo dục và ứng xử sư phạm ở trường THCS, THPT; hợp tác, giao tiếp với đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng để thích ứng tốt với yêu cầu nghề nghiệp.

- CLO5: Hình thành ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong dạy học, giáo dục và trong cuộc sống; Có tư duy phản biện, độc lập và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề trong hoạt động dạy học và giáo dục; có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả và có khả năng thích ứng tích cực với sự đổi mới trong công tác giáo dục.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương 1: TÂM LÝ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC 1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học 1.1.Tâm lý học là gì ? 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học 2. Bản chất, chức năng, phân loại hiện tượng tâm lý 2.1. Bản chất hiện tượng tâm lý người theo quan điểm TLH DVBC 2.2. Chức năng của tâm lý 2.3. Phân loại các hiện tượng tâm lý	3	3			13,5	

3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý 3.1. Các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo việc nghiên cứu tâm lý 3.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý						
Chương 2: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ, Ý THỨC 1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý người 1.1. Di truyền và tâm lý 1.2. Não và tâm lý 2. Cơ sở xã hội của tâm lý người 2.1. Nền văn hoá xã hội và tâm lý 2.2. Hoạt động và tâm lý 2.2.1. Khái niệm hoạt động 2.2.2. Đặc điểm của hoạt động 2.2.3. Cấu trúc của hoạt động 2.2.4. Vai trò của hoạt động đối với sự nảy sinh hình thành TL 2.3. Giao tiếp và tâm lý 2.3.1. Khái niệm giao tiếp 2.3.2. Các loại giao tiếp 2.3.3. Vai trò của giao tiếp với sự nảy sinh, hình thành TL 3. Sự nảy sinh và hình thành phát triển tâm lý, ý thức về phương diện cá thể 3.1. Sự hình thành và phát triển TL về phương diện cá thể 3.1.1. Quan điểm TLHĐVBC về sự phát triển tâm lý 3.1.2. Các giai đoạn phát triển tâm lý 3.2. Sự hình thành phát triển ý thức 3.2.1. Khái niệm chung về ý thức 3.2.1.1. Ý thức là gì? 3.2.1.2. Cấu trúc của ý thức 3.2.2. Các cấp độ của ý thức 3.2.3. Sự hình thành, phát triển ý thức cá nhân 4. Chú ý- Điều kiện của hoạt động có ý thức 4.1. Khái niệm chú ý 4.2. Các thuộc tính của chú ý 4.3. Các loại chú ý	3	3				13,5

Chương 3: HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC 1. Nhận thức cảm tính 1.1. Khái niệm chung về cảm giác, tri giác 1.1.1. Định nghĩa cảm giác, tri giác 1.1.2. Đặc điểm cảm giác, tri giác 1.1.3. Đặc điểm nhận thức cảm tính 1.1.4. Phân loại cảm giác, tri giác 1.2. Các quy luật của cảm giác, tri giác 2. Nhận thức lý tính 2.1. Tư duy 2.1.1. Khái niệm chung về tư duy 2.1.1.1. Định nghĩa tư duy 2.1.1.2. Đặc điểm của tư duy 2.1.2. Các giai đoạn của quá trình tư duy 2.1.3. Các thao tác của tư duy 2.1.4. Các loại tư duy 2.2. Tưởng tượng 2.2.1. Khái niệm chung về tưởng tượng 2.2.1.1. Định nghĩa tưởng tượng 2.2.1.2. Đặc điểm của tưởng tượng 2.2.2. Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng 3. Trí nhớ 3.1. Khái niệm chung về trí nhớ 3.1.1. Định nghĩa 3.1.2. Đặc điểm trí nhớ 3.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ 3.2.1. Quá trình ghi nhớ 3.2.2. Quá trình giữ gìn 3.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại 3.2.4. Sự quên và cách chống quên 3.3. Các biện pháp để rèn luyện trí nhớ 4. Ngôn ngữ và nhận thức 4.1. Khái niệm ngôn ngữ 4.2. Chức năng của ngôn ngữ 4.3. Các dạng hoạt động ngôn ngữ 4.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức	6	6				27
Chương 4: NHÂN CÁCH VÀ SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH	6	9				31,5

1. Khái niệm chung về nhân cách 1.1. Định nghĩa 1.2. Đặc điểm của nhân cách 2. Các thuộc tính tâm lý của nhân cách 2.1. Xu hướng 2.1.1. Khái niệm xu hướng 2.2.2. Các mặt biểu hiện của xu hướng 2.2. Năng lực 2.2.1. Năng lực là gì? 2.2.2. Các mức độ của năng lực 2.2.3. Phân loại năng lực 2.2.4. Mối quan hệ giữa năng lực và tư chất, thiên hướng và tri thức, KN, KX 2.3. Tính cách 2.3.1. Tính cách là gì? 2.3.2. Cấu trúc của tính cách 2.4. Khí chất 2.4.1. Khí chất là gì? 2.4.2. Các kiểu khí chất 2.5. Tình cảm, ý chí 2.5.1. Tình cảm 2.5.1.1. Khái niệm chung về tình cảm 2.5.1.2. Đặc điểm tình cảm 2.5.1.3. Vai trò của tình cảm 2.5.1.4. Các mức độ của đời sống tình cảm 2.5.1.5. Các qui luật của đời sống tình cảm 2.5.2. Ý chí 2.5.2.1. Ý chí là gì? Các phẩm chất của ý chí 2.5.2.2. Hành động ý chí 2.5.2.3. Hành động tự động hóa 3. Sự hình thành và phát triển nhân cách. 3.1. Giáo dục và nhân cách 3.2. Hoạt động và nhân cách 3.3. Giao tiếp và nhân cách 3.4. Sự tự hoàn thiện nhân cách						
Chương 5: NHẬP MÔN TÂM LÝ HỌC LỨA TUỔI - SU PHẠM 1. Khái quát về TLHLT và TLHSP 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của TLHLT và TLHSP	3	3				13,5

1.2. Quan hệ giữa tâm lý học lứa tuổi và TLH sư phạm 2. Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em 2.1. Quan niệm về trẻ em 2.2. Quan niệm về sự phát triển tâm lý trẻ em 2.2.1. Các quan điểm sai lầm về sự phát triển TL trẻ em 2.2.2. Quan điểm TLH DVBC về sự phát triển tâm lý 2.3. Quy luật chung của sự phát triển tâm lý trẻ em 3. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em 3.1. Khái niệm về giai đoạn phát triển tâm lý 3.2. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em						
Chương 6: TÂM LÝ HỌC TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ (THIẾU NIÊN) 1. Vị trí, ý nghĩa của giai đoạn phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS 2. Những điều kiện của sự phát triển tâm lý ở lứa tuổi học sinh THCS 2.1. Sự cải tổ về mặt cơ thể 2.2. Sự thay đổi điều kiện sống 3. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ 3.1. Đặc điểm hoạt động học tập ở trường THCS 3.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ ở tuổi học sinh THCS 4. Hoạt động giao tiếp của học sinh THCS 4.1. Giao tiếp của thiếu niên với người lớn 4.2. Giao tiếp của thiếu niên với bạn cùng tuổi 5. Sự phát triển nhân cách của tuổi học sinh THCS. 5.1. Sự hình thành tự ý thức 5.2. Sự phát triển tình cảm 6. Một số vấn đề tư vấn TLH đường cho học sinh THCS	3	3				13.5
Chương 7: TÂM LÝ HỌC TUỔI HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG						

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý tuổi học sinh THPT 1.1. Khái niệm tuổi thanh xuân 2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ tuổi học sinh THPT 1.2. Đặc điểm phát triển cơ thể 1.3. Điều kiện xã hội của sự phát triển 2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ 2.1. Đặc điểm hoạt động học tập 2.2. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ 3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu 3.1 Sự phát triển của ý thức 3.2. Sự hình thành thế giới quan 3.3. Giao tiếp và đời sống tình cảm 4. Hoạt động lựa chọn nghề nghiệp 5. Một số vấn đề tư vấn hướng nghiệp cho học sinh THPT	3	3				13,5
Chương 8: TÂM LÝ HỌC DẠY HỌC 1. Hoạt động dạy 2. Hoạt động học 2.1. Khái niệm hoạt động học 2.2. Đặc điểm hoạt động học 2.3. Hình thành hoạt động học 2.3.1. Hình thành động cơ học tập 2.3.2. Hình thành mục đích học tập 2.3.3. Hình thành các hành động học 3. Sự hình thành khái niệm trong dạy học 3.1. Khái niệm về khái niệm 3.2. Bản chất tâm lý của quá trình hình thành khái niệm 3.3. Sự hình thành khái niệm 3.3.1. Một số nguyên tắc chung 3.3.2. Cấu trúc chung của quá trình hình thành khái niệm 4. Sự hình thành kỹ năng, kỹ xảo 4.1. Sự hình thành kỹ năng 4.2. Sự hình thành kỹ xảo 5. Dạy học và sự phát triển trí tuệ 5.1. Khái niệm về sự phát triển trí tuệ 5.2. Các chỉ số của sự phát triển trí tuệ	3	6				18

5.3. Quan hệ giữa dạy học và sự phát triển trí tuệ 6. Tăng cường việc dạy học và sự phát triển trí tuệ 6.1. Hướng tăng cường một cách hợp lý hoạt động dạy 6.2. Hướng thay đổi một cách cơ bản nội dung và PP của hoạt động dạy học						
Chương 9: TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC 1. Đạo đức và hành vi đạo đức 1.1. Khái niệm đạo đức 1.2. Hành vi đạo đức 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức 2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức 2.1. Tri thức và niềm tin đạo đức 2.2. Động cơ và tình cảm đạo đức 2.3. ý chí và thói quen đạo đức 3. Con đường giáo dục đạo đức cho học sinh 3.1. Tổ chức giáo dục của nhà trường 3.2. Giáo dục đạo đức trong tập thể lớp học sinh 3.3. Giáo dục đạo đức trong gia đình 3.4. Sự tự tu dưỡng là yếu tố quyết định trực tiếp trình độ đạo đức của mỗi HS	3	3				13,5
Chương 10: TÂM LÝ HỌC NHÂN CÁCH NGƯỜI THẦY GIÁO 1. Đặc điểm lao động sư phạm của người thầy giáo 1.1. Nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người 1.2. Nghề mà công cụ chủ yếu là nhân cách của chính mình 1.3. Nghề tái sản xuất mở rộng sức lao động xã hội 1.4. Nghề đòi hỏi tính khoa học, tính nghệ thuật và tính sáng tạo 1.5. Nghề lao động trí óc chuyên nghiệp 2. Cấu trúc nhân cách của người thầy giáo 2.1. Một số phẩm chất nhân cách của người thầy giáo	3	9				22,5

2.2. Năng lực của người thầy giáo						
2.2.1. Năng lực dạy học						
2.2.2. Năng lực giáo dục						
2.2.3. Năng lực tổ chức hoạt động sư phạm						
3. Giao tiếp sư phạm của người thầy giáo						
3.1. Khái niệm về giao tiếp sư phạm						
3.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm						
3.2.1. Nguyên tắc giao tiếp sư phạm là gì?						
3.2.2. Các nguyên tắc giao tiếp sư phạm						
4. Sự hình thành uy tín của người thầy giáo						

5. Phương pháp dạy học

Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, hoạt động nhóm; Thực hành...

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I	Kiểm tra thường xuyên (05)				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 5	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3,4	10%	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,4	20%	
III	Thi cuối kì (01)				
	Viết	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO 1,2,3,4	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần,

không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. Nguyễn Quang Uẩn (CB) (2007), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb Thế giới.
2. Lê Văn Hồng (2001), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo :**

1. Dương Thị Thoan (CB), Phạm Thị Thu Hòa - Nguyễn Thị Hương (2021), *Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm trường Đại học Hồng Đức*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
2. Hoàng Anh - Nguyễn Kim Thanh (1997), *Giao tiếp sư phạm*, Nxb Giáo dục.

6.18. GIÁO DỤC HỌC/ PEDAGOGICS

- Số tín chỉ: 04 (36 LT, 48 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 182005
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về Giáo dục học, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học; các khái niệm của Giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường phổ thông, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về giáo dục học đại cương, lý luận dạy học, lý luận giáo dục ở bậc phổ thông; hiểu biết chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm lao động của người giáo viên phổ thông và nội dung, nhiệm vụ, phương pháp công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông.

- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản như: xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh; sử dụng nguyên tắc dạy học, nguyên tắc giáo dục, lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và giáo dục phù hợp với đặc điểm học sinh THCS, THPT; có khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp, giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tiễn giáo dục.

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được chức năng, nhiệm vụ của khoa học giáo dục học; đánh giá được vai trò của các yếu tố di truyền, môi trường và giáo dục đối với sự hình thành, phát triển nhân cách học sinh; hiểu rõ mục đích, mục tiêu giáo dục Việt Nam, hệ thống giáo dục quốc dân và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường phổ thông.

- CLO2: Phân tích được những vấn đề lý luận cơ bản về quá trình dạy học, quá trình giáo dục ở trường phổ thông; Phân tích được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đặc điểm lao động sư phạm của nhà giáo và của người giáo viên chủ nhiệm lớp.

- CLO3: Phát hiện, giải quyết được những tình huống sư phạm trong thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường phổ thông trên cơ sở vận dụng các nguyên tắc, phương pháp dạy học và giáo dục.

- CLO4: Tự đánh giá được kết quả học tập môn học; có khả năng thích ứng với những thay đổi của đổi mới giáo dục; xác định được phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp sư phạm của bản thân, có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Phần I. Những vấn đề chung của Giáo dục học Chương I: Giáo dục học là một khoa học 1. Giáo dục là một hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người 2. Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học 3. Một số khái niệm cơ bản của Giáo dục học 4. Hệ thống các khoa học về giáo dục và mối quan hệ của chúng với các khoa học khác	3	3				13,5
Chương II: Giáo dục và sự phát triển nhân cách 1. Sự phát triển nhân cách của con người 2. Vai trò của di truyền và môi trường trong sự phát triển nhân cách 3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách	2	3				10,5
Chương III: Mục đích và nhiệm vụ giáo dục 1. Mục đích giáo dục 2. Hệ thống giáo dục quốc dân 3. Nguyên lý giáo dục	5	5				22,5

4. Những nhiệm vụ giáo dục của nhà trường 5. Nội dung giáo dục (theo chương trình giáo dục phổ thông 2018)						
Phần II: Lý luận dạy học và giáo dục Chương I: Những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học 1. Quá trình dạy học 2. Nguyên tắc và nội dung dạy học 3. Phương pháp giáo dục 4. Các hình thức tổ chức dạy học 5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	10	12				48
Chương II: Những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục 1. Quá trình giáo dục 2. Nguyên tắc và nội dung giáo dục 3. Phương pháp giáo dục	10	12				48
Phần III: Người giáo viên trong nhà trường phổ thông 1. Vị trí, chức năng của người giáo viên trung học 2. Đặc điểm của lao động sư phạm của người giáo viên trung học 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên trung học 4. Những yêu cầu đối với người giáo viên trung học 5. Người giáo viên và vấn đề nâng cao trình độ 6. Công tác chủ nhiệm lớp của người giáo viên ở trường phổ thông	6	13				37,5

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên(05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO1-4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1-4	

II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1-4	20%
III	Thi cuối kì			
5	Vấn đáp	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 5 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:

- Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), 2006, Giáo trình Giáo dục học, Tập 1,2, NXB ĐHSP.

* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư số 32/2020/TT - BGDDĐT ban hành *Điều lệ trường THCS, trường THPT*

6.19. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC/ STATE ADMINISTRATIVE MANAGEMENT AND EDUCATIONAL MANAGEMENT

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL, 0 TH)
- Mã học phần: 198000
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Giáo dục học
- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học các học phần Triết học Mác - Lênin, Tâm lý học, Giáo dục học.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo, cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, lý luận về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo; Luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QL GD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ Giáo dục & Đào tạo.

- CO2: Người học hình thành một số kỹ năng cơ bản: kỹ năng nhận biết cơ cấu tổ chức nhà nước về GD-ĐT, cơ cấu quản lý, phân cấp quản lý trong GD-ĐT; kỹ năng vận dụng đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD-ĐT vào thực tiễn nghề nghiệp; kỹ năng vận dụng các quy định luật pháp (Luật công chức, viên chức; Luật Giáo dục; Điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp...

- CO3: Người học có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; có thái độ chấp hành nghiêm túc luật pháp và những văn bản pháp quy; xác định đúng đắn trong việc rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn nghề đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học phân tích được bản chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; hiểu rõ khái niệm quản lý hành chính nhà nước, nội dung quản lý hành chính nhà nước, phương pháp, hình thức, phương tiện quản lý hành chính nhà nước.

- CLO2: Người học phân biệt được khái niệm công chức, viên chức; hiểu rõ đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo và vận dụng được nội dung các văn bản luật (Luật công chức, viên chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học) vào thực tiễn.

- CLO3: Người học có khả năng làm việc nhóm và tự lập kế hoạch học tập, độc lập nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ môn học.

- CLO4: Người học tự định hướng, thích nghi với môi trường nơi làm việc, sống và làm việc tuân theo phân cấp, phân quyền và pháp luật trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập...; có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động học tập và nghề nghiệp tương lai.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung chính	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp (t)			TH	Khác	
	LT	TL	BT			
Chương I: Một số vấn đề cơ bản về nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, quản lý giáo dục và công chức, viên chức 1. Nhà nước CHXHCN Việt nam 2. Quản lí hành chính nhà nước 3. Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo 4. Công chức, viên chức	6	7				28,5

5. Những thay đổi liên quan tới tiền lương, việc làm của cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 1/7/2020						
Chương II: Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo 1. Khái quát về tình hình giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020 2. Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo 3. Nghị quyết số 88/2014/QH1 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2014) về đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông	6	9				31,5
Chương III: Luật giáo dục 1. Sự cần thiết phải ban hành Luật Giáo dục 2. Nội dung cơ bản của Luật Giáo dục	3	4				15
Chương IV: Điều lệ, quy định của Bộ GD và ĐT đối với giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông 1. Khái quát bộ cục Điều lệ nhà trường 2. Nội dung cơ bản của Điều lệ nhà trường	3	4				15

5. Phương pháp dạy học: Phương pháp thuyết trình; thảo luận; hoạt động nhóm; thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (05)			
1	Chuyên cần (10%)	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1-4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học (10%)	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1-4	
3	Bài tập nhóm (10%)	Rubc đánh giá bài tập nhóm	CLO1-4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
4	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
5	Vấn đáp	Rubric đánh giá cuối kì	CLO1-4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 3 con điểm thường xuyên và 1 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi, hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

[1]. Phạm Viết Vượng. (2006), *Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo*, NXB Đại học sư phạm.

*** Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo:**

[1]. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Điều lệ các bậc học. (Thông tư 52, 28, 32) của Bộ giáo dục và Đào tạo về Ban hành điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT

6.20. PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC/HISTORICAL METHODOLOGY

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)
- Mã học phần: 124087
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về: Khái niệm, nội dung cơ bản của phương pháp luận sử học. Những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và phương pháp luận sử học, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của sử học, sự kiện lịch sử, quá trình lịch sử, qui luật lịch sử, quá trình lịch sử, hệ thống các phương pháp nghiên cứu trong khoa học lịch sử, các cách phân kỳ lịch sử của thế giới và Việt Nam. Hình thức một luận văn và các mô hình thiết kế công trình sử học và những vấn đề về phương pháp luận sử học trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản, hệ thống về khái niệm, nội dung cơ bản của phương pháp luận sử học. Cấu trúc của phương pháp luận sử học, phương pháp luận đối tượng, phương pháp luận nghiên cứu và phương pháp luận trình bày.

- CO2: Kỹ năng phân tích, vận dụng các phương pháp trong nghiên cứu khoa học lịch sử đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, phát triển khả năng tự nghiên cứu, năng lực phân tích mối liên hệ giữa sử học với các ngành khoa học xã hội khác.

- CO3: Tôn trọng các giá trị lịch sử, văn hóa của dân tộc và nhân loại. Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau, vận dụng những bài học lịch sử, kiến thức vào trong thực tế cuộc sống và kỹ năng học tập suốt đời.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển của lý luận sử học, các khái niệm, nội dung cơ bản của phương pháp luận sử học mácxít.

CLO2: Hiểu được tính chất, đặc trưng của việc nhận thức lịch sử xã hội, những điểm chung và những điểm khác nhau giữa đối tượng nhận thức lịch sử và các khoa học khác, Lịch sử của chủ thể hoá. Lịch sử là một khoa học, theo quan niệm của chủ nghĩa Mác Lênin: Có đối tượng nghiên cứu, có chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu.

CLO3: Vận dụng và phân tích, đánh giá một cách sáng tạo quan điểm phương pháp luận Mác xít – Lêninnít về nhận thức lịch sử, tính khoa học và tính Đảng, phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic, phân kỳ lịch sử trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử.

CLO4: Vận dụng, đánh giá một cách sáng tạo vào học tập và nghiên cứu lịch sử, rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh. Vận dụng các phương pháp luận sử học trong học tập và nghiên cứu khoa học.

CLO5: Tích cực, chủ động trong nghiên cứu khoa học, học tập lịch sử, có ý thức cập nhật các tri thức khoa học lịch sử; Tôn trọng các giá trị lịch sử của dân tộc và nhân loại. Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau; khoa học trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động chuyên môn; có năng lực xây dựng, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục và khả năng học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: Bài mở đầu: Khái luận về Phương pháp luận sử học I. Giới thiệu chung về HP 1. Nội dung chủ yếu của HP 2. Ý nghĩa việc học tập HP 3. Phương pháp học tập, Tài liệu học tập. II. Sơ lược về sự phát triển của lý luận sử học. III. Khái niệm, nội dung cơ bản của phương pháp luận sử học Mác xít	3	3	0	0	0	15
Nội dung 2: Phương pháp luận về hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử xã hội 1.Lịch sử là gì? 2.Khả năng nhận thức của con người về hiện thực lịch sử khách quan	3	3	0	2	0	15

3.Những điểm chung và những điểm khác nhau giữa đối tượng nhận thức của KHLS và của các KH khác						
Nội dung 3: Sử học là một khoa học 1.Đối tượng của khoa học lịch sử: -Quan niệm thời cổ đại, phong kiến và TBCN -Quan niệm của chủ nghĩa M-LN 2.Chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử: -Ý nghĩa của sử học trong cuộc sống. - Chức năng của sử học. -Các nhiệm vụ của sử học.	3	3	0	2	0	15
Nội dung 4: Một số quan điểm PP luận Mácxít-Lêninnít về nhận thức lịch sử 1. Tính khoa học trong nghiên cứu lịch sử 2. Tính Đảng trong nghiên cứu sử học. - Xác định rõ tính Đảng. - Nội dung của tính đảng cộng sản trong sử học mác xít - Nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng vận dụng vào nghiên cứu lịch sử - Tính chiến đấu của sử học mác xít - Có tinh thần sáng tạo 3. Sự thống nhất giữa tính khoa học và tính Đảng trong sử học mác xít	3	3	0	2	0	15
Nội dung 5: Một số vấn đề về phương pháp nghiên cứu Lịch sử 1.Sự phong phú đa dạng của phương pháp nghiên cứu lịch sử 2.Tiến trình và phương pháp nghiên cứu lịch sử	3	3	0	0	0	15
Nội dung 6: Một số chuyên đề nâng cao về phương pháp luận sử học I.Sử liệu học 1.Đại cương về sử liệu học 2.Tư liệu lịch sử 3.Công tác sưu tầm, phân loại và chọn lọc tư liệu 4.Xác minh phê phán tư liệu II.Phương pháp định lượng 1.vai trò	3	3	0	0	0	15

2.Các bước tiến hành						
III.Những vấn đề PP luận sử học trong TT Hồ Chí Minh						
1.PP luận Hồ Chí Minh						
2.Nội dung PP luận Hồ Chí Minh						
Tổng	18	18	0	6	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%
II. Kiểm tra thường xuyên				30%
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (<i>đánh giá bài thi viết</i>)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

[1]. Phan Ngọc Liên (2003), Phương pháp luận sử học, Nxb ĐHQG HN

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

[2]. Phan Ngọc Liên (2006), Nhập môn sử học, Nxb ĐHSP HN

[3]. N.A.E.Rô. phê.ép (1981), Lịch sử là gì, Nxb GD

6.21. CƠ SỞ KHẢO CỔ HỌC/ARCHAEOLOGICAL FACILITY

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 24 TL,BT)

- Mã số học phần: 124030

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Cơ sở khảo cổ học trang bị các kiến thức về: Đối tượng nghiên cứu khảo cổ học; lịch sử khảo cổ học; lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khảo cổ học; các thời đại khảo cổ học thế giới và Việt Nam; văn hoá khảo cổ, nhóm di tích, tầng văn hoá; các di vật khảo cổ: Đồ đá, đồ đồng, đồ gốm, đồ sắt; sự phát triển của con người trên lãnh thổ Việt Nam thông qua các văn hoá khảo cổ học Việt Nam thuộc các thời đại; mối liên hệ văn hoá giữa các văn hoá khảo cổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khảo cổ học, từ đó có thể vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề: Lịch sử phát triển khảo cổ học trên thế giới và ở Việt Nam; văn hoá khảo cổ, nhóm di tích, tầng văn hoá; các di vật khảo cổ; sự phát triển của con người trên lãnh thổ Việt Nam thông qua các văn hoá khảo cổ học Việt Nam thuộc các thời đại đá, đồng, sắt.

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá được các những kiến thức cơ bản để phát hiện được các di tích khảo cổ; kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh để phân biệt được các loại di vật khảo cổ từ công cụ bằng đá đến công cụ kim loại; phân loại được các loại đồ gốm, các nét điêu khắc, phân tích được các loại hình kiến trúc; sử dụng tư liệu khảo cổ vào việc học tập môn lịch sử cổ trung đại Việt Nam.

- CO3: Người học ý thức được tầm quan trọng của khảo cổ học, trân quý những di sản văn hóa mà các thế hệ tiền nhân để lại, từ đó nhận thức sâu sắc hơn về lịch sử quốc gia dân tộc và nhân loại.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về khảo cổ học, mối liên hệ giữa khảo cổ học và các ngành khoa học khác, quá trình phát triển của khoa học khảo cổ trên thế giới và Việt Nam.

- CLO2: Phân tích làm rõ di tích khảo cổ học và văn hoá khảo cổ học. Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học. Nguồn gốc loài người. Thời đại đồ đá cũ, đá giữa, đá mới. Thời đại đồ đồng, đồ sắt. Vai trò của khảo cổ học lịch sử trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam: Các loại di tích, di vật khảo cổ học lịch sử, khảo cổ học Chăm Pa, khảo cổ học Óc Eo.

- CLO3: Phân tích, xử lý được các tư liệu khảo cổ học, lập bản đồ khảo cổ học Việt Nam từ đó vận dụng vào nghiên cứu lịch sử văn hóa dân tộc cũng như lịch sử văn hóa địa phương, khu vực, vùng miền.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị di sản văn hóa khảo cổ học lịch sử; đồng thời đưa ra được những kiến nghị, giải pháp tích cực trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản gắn liền với phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực khảo cổ học, lịch sử văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Dẫn luận về khảo cổ học, di tích khảo cổ học và văn hoá khảo cổ học 1.1. Dẫn luận về khảo cổ học 1.2. Di tích khảo cổ học và văn hoá khảo cổ học	2	2				10
Chương 2: Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học 2.1. Điều tra và khai quật khảo cổ học 2.2. Các phương pháp nghiên cứu khảo cổ học trong phòng	2	2				10
Chương 3: Nguồn gốc loài người 3.1. Các quan điểm về nguồn gốc loài người 3.2. Bằng chứng khoa học về nguồn gốc loài người 3.3. Vấn đề cái nôi của loài người 3.4. Xung quan vấn đề nguồn gốc loài người trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam	2	2				10
Chương 4: Thời đại đồ đá cũ 4.1. Khái niệm về thời đại khảo cổ học và niên đại	2	2	1			10

4.2. Thời đại đồ đá cũ:						
4.3. Thời đại đồ đá cũ ở Việt Nam						
Chương 5: Thời đại đồ đá giữa 5.1. Những đặc điểm của thời đại đồ đá giữa 5.2. Niên đại 5.3. Địa chất 5.4. Đặc điểm 5.5. Thời đại đồ đá giữa ở Việt Nam	2	2	1			10
Chương 6: Thời đại đồ đá mới 6.1. Những đặc trưng của thời đại đồ đá mới 6.2. Thời đại đồ đá mới ở Việt Nam	2	2	1			10
Chương 7: Thời đại đồ đồng 7.1. Khái niệm về thời đại đồ đồng 7.2. Thời đại đồ đồng thau ở Việt Nam	2	2	1			10
Chương 8: Thời đại đồ sắt 8.1. Khái niệm về thời đại đồ sắt 8.2. Thời đại đồ sắt ở Việt Nam	2	2	1			10
Chương 9: Khảo cổ học lịch sử Việt Nam 9.1. Vai trò của khảo cổ học lịch sử trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam 9.2. Các loại di tích, di vật khảo cổ học lịch sử 9.3. Khảo cổ học Chăm Pa 9.4. Khảo cổ học Óc Eo	2	2	1			10
Tổng	18	18	6			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	

4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Hán Văn Khẩn (Cb) (2008), *Cơ sở khảo cổ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Đinh Ngọc Bảo (Cb), Phạm Văn Đầu (2007), *Giáo trình Khảo cổ học*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

2. Tỉnh ủy-HĐND-UBND tỉnh Thanh Hóa (2000), *Địa chí Thanh Hoá*, tập 1, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.

6. 22. CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM/VIET NAM ETHNICITIES

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 24 TL,BT)

- Mã số học phần: 124050

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Các dân tộc Việt Nam trang bị các kiến thức về: Những kiến thức cơ bản lý luận chung về các dân tộc ở Việt Nam: Khái niệm về dân tộc, các tiêu chí xác định tộc người, đối tượng nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, lịch sử phát triển của dân tộc học trên thế giới và Việt Nam; vấn đề lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư; đặc điểm kinh tế tộc người; đặc điểm xã hội tộc người: các tộc người thiểu số ở phía Bắc, các tộc người thiểu số ở phía Nam, đặc điểm xã hội của người Kinh (Việt); đặc điểm văn hoá tộc người: Đặc điểm văn hoá sản xuất, đặc điểm văn hoá bảo đảm đời sống, đặc điểm văn hoá chuẩn mực xã hội, đặc điểm văn hoá nhận thức; các tộc người thuộc các ngữ hệ khác nhau: Ngữ hệ Nam Á, ngữ hệ Thái, ngữ hệ Hán-Tạng, ngữ hệ Nam Đảo.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Phân tích, xử lý được các tư liệu khảo cổ học, lập bản đồ khảo cổ học Việt Nam từ đó vận dụng vào nghiên cứu lịch sử văn hóa dân tộc cũng như lịch sử văn hóa địa phương, khu vực, vùng miền.

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá được các những kiến thức cơ bản về tiêu chí xác định tộc người; kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh để thấy được những tương đồng và khác biệt về quá trình tộc người cũng như những đặc điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc ở Việt Nam. Bên cạnh đó còn cung cấp kỹ năng bậc cao về các lĩnh vực chuyên sâu về dân tộc học, các kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy độc lập

- CO3: Người học ý thức được tầm quan trọng của dân tộc ở Việt Nam, trân quý lịch sử tộc người, di sản văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam, từ đó nhận thức sâu sắc hơn về lịch sử - văn hóa dân tộc, quốc gia dân tộc và nhân loại. Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa tộc người nói chung, có ý thức trong bảo tồn và phát huy giá trị.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được việc sử dụng khái niệm dân tộc ở Việt Nam, các tiêu chí xác định tộc người, đối tượng, nhiệm vụ, mục đích và phương pháp nghiên cứu về các dân tộc Việt Nam, mối liên hệ giữa dân tộc học và các ngành khoa học khác, quá trình phát triển của dân tộc học/nhân học trên thế giới và Việt Nam.

- CLO2: Phân tích làm rõ điều kiện tự nhiên, lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư. Đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội truyền thống các dân tộc ở Việt Nam và những biến đổi. Tổng quan về các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Á, ngữ hệ Thái, Hán - Tạng, Nam Đảo ở Việt Nam.

- CLO3: Phân tích, xử lý được các tư liệu dân tộc học, lập bản đồ các dân tộc Việt Nam từ đó vận dụng vào nghiên cứu lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội cũng như mối quan hệ dân tộc ở từng địa phương, khu vực, vùng miền.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng nguồn gốc lịch sử tộc người, các giá trị di sản văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam; đồng thời đưa ra được những kiến nghị, giải pháp tích cực trong bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn liền với phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội tộc người hiện nay.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực dân tộc học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung về các dân tộc ở Việt Nam 1.1. Xung quanh việc sử dụng khái niệm dân tộc ở Việt Nam 1.2. Xung quanh các tiêu chí xác định tộc người 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và mục đích nghiên cứu của học phần	2	2				10
Chương 2: Điều kiện tự nhiên, lịch sử tộc người, dân số và phân bố dân cư 1.1. Điều kiện tự nhiên 1.2. Đặc điểm của lịch sử tộc người 1.3. Dân số và phân bố tộc người 1.4. Những biến đổi hiện nay	2	2				10
Chương 3: Đặc điểm kinh tế truyền thống các dân tộc ở Việt Nam 1.1. Các loại hình kinh tế truyền thống 1.2. Vị trí của kinh tế truyền thống của các tộc người 1.3. Những biến đổi của kinh tế trong thời kỳ hiện đại	2	2				10
Chương 4: Đặc điểm xã hội truyền thống các dân tộc ở Việt Nam 1.1. Các tộc người thiểu số ở phía Bắc 1.2. Các tộc người thiểu số ở phía Nam 1.3. Đặc điểm xã hội của người Kinh (Việt) 1.4. Những biến đổi hiện nay	2	2	1			10

Chương 5: Đặc điểm văn hoá truyền thống các dân tộc ở Việt Nam 5.1. Xung quanh khái niệm văn hoá và văn hoá tộc người 5.2. Đặc điểm văn hoá sản xuất 5.3. Đặc điểm văn hoá bảo đảm đời sống 5.4. Đặc điểm văn hoá chuẩn mực xã hội 5.5. Đặc điểm văn hoá nhận thức	2	2	1			10
Chương 6: Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Á ở Việt Nam 6.1. Nhóm ngôn ngữ Việt-Mường 6.2. Nhóm ngôn ngữ Môn-Khơme: Người Khơme, Khomú, Bana, Mnông, Xơ đăng, Coho, H'rê, Hmông, Xtiêng, Bru-Vân kiều, Cotu, Tà ôi, Mạ, Co, Gié-triêng, Xinhmun, Choro, Mảng, Kháng, Rơmăm, Ô đù, Brâu. 6.3. Nhóm ngôn ngữ Mông-Dao 6.4. Nhóm hỗn hợp: 4 ngôn ngữ	2	2	1			10
Chương 7: Các tộc người thuộc ngữ hệ Thái ở Việt Nam 7.1. Người Thái 7.2. Người Tày 7.3. Người Nùng 7.4. Người Sán Chay (Cao Lan-Sán Chỉ) 7.5. Người Giáy 7.6. Người Lào 7.7. Người Lự 7.8. Người Bố Y	2	2	1			10
Chương 8: Các tộc người thuộc ngữ hệ Hán-Tạng 8.1. Nhóm ngôn ngữ Hoa (Hán) 8.2. Nhóm ngôn ngữ Tạng-Miến	2	2	1			10
Chương 9: Các tộc người thuộc ngữ hệ Nam Đảo 9.1. Người Chăm 9.2. Người Gia rai 9.3. Người Ê đê 9.4. Raglai, Churu	2	2	1			10
Tổng	18	18	6			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. Đặng Nghiêm Vạn (2003), *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía bắc), Nxb KHXH, Hà Nội.

2. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía Nam), Nxb KHXH, Hà Nội.

3. Lê Sỹ Giáo (2007) (chủ biên), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

6.23. Chọn ½ học phần:

6. 23a. ĐÔNG NAM Á - LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI/ SOUTHEAST ASIA: THE HISTORY AND PRESENT

- Số tín chỉ: 03 (27, 30, 6)

- Mã học phần: 124318

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Thế giới Cổ trung đại

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm các nội dung sau: sự ra đời đồng thời của các nhà nước cổ đại ở Đông Nam Á (từ thế kỷ 1 đến thế kỷ thứ 7), sự hình thành các quốc gia (từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 10), thời kỳ phát triển (từ thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ thứ 15), thời kỳ suy thoái và trở thành thuộc địa của các nước phương Tây (từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 19), thời kỳ phong trào giải phóng dân tộc (từ đầu thế kỷ 20 đến giữa thế kỷ 20), sự phát triển của các nước Đông Nam Á từ sau năm 1945, quá trình hình thành phát triển của ASEAN và AC.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nhớ và hiểu được về sự hình thành và phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ thời cổ đại đến nay. Trên cơ sở đó, người học vận dụng, phân tích, đánh giá về các giai đoạn, nhân vật lịch sử, bài học lịch sử từ các quốc gia trong khu vực.

- CO2: Người học có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá từ đó rút ra những đặc điểm của các giai đoạn, nhân vật lịch sử từ các quốc gia Đông Nam Á; có kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu một vấn đề của lịch sử khu vực, kỹ năng sử dụng bản đồ, tranh ảnh để phục vụ cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu lịch sử.

- CO3: Hình thành cho người học thái độ khách quan, khoa học khi nhìn nhận, đánh giá về nhân vật, sự kiện, hiện tượng lịch sử; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau, vận dụng những bài học lịch sử, kiến thức vào trong thực tế cuộc sống và kỹ năng học tập suốt đời.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học nhớ và hiểu được những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lịch sử hình thành, phát triển các quốc gia Đông Nam Á.

- CLO2: Người học biết vận dụng, phân tích, đánh giá về các giai đoạn, nhân vật lịch sử, bài học lịch sử từ các quốc gia trong khu vực.

- CLO3: Người học có kỹ năng sưu tầm và xử lý tài liệu; tổng hợp, phân tích, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử...; có kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu một vấn đề của lịch sử, kỹ năng sử dụng bản đồ, tranh ảnh lịch sử để phục vụ cho việc học tập và giảng dạy.

- CLO4: Người học tích cực, chủ động trong nghiên cứu khoa học, học tập lịch sử, có ý thức cập nhật các tri thức khoa học lịch sử; có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau; khoa học trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động chuyên môn; có năng lực xây dựng, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục và khả năng học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương I: Đông Nam Á - Khu vực địa lý văn hóa và lịch sử 1.1. Sự công nhận của khu vực Đông Nam Á 1.2. Đông Nam Á: Khu vực Địa lý Văn hóa và Lịch sử	4	5				27
Chương II: Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến (từ sơ khai đến giữa thế kỷ 19) 2.1. Sự hình thành các quốc gia cổ đại ở Đông Nam Á (từ sơ khai đến thế kỷ X) 2.2. Sự hình thành và thịnh vượng của các quốc gia Đông Nam Á (từ thế kỷ X đến thế kỷ XV) 2.3. Sự suy tàn của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á	6	6	1			27

Chương III: Thời kỳ các phong trào giải phóng dân tộc (từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1945) (5, 4,1) 3.1. Sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân phương Tây ở Đông Nam Á 3.2. Quá trình khai thác thuộc địa của các thuộc địa Âu Mỹ và hậu quả của nó 3.3. Các phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á từ giữa thế kỷ 19 đến năm 1945	6	7	2			27
Chương IV: Đông Nam Á từ cuối Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay (thời kỳ độc lập và phát triển) (4, 4, 1) 4.1. Thắng lợi của các phong trào giải phóng dân tộc 4.2. Các nước Đông Nam Á từ cuối Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	7	7	1			27
Chương V: ASEAN - AC - Sự hình thành và Phát triển 5.1. Sự hình thành ASEAN 5.2. Cơ cấu tổ chức và quy tắc hoạt động 5.3. Các giai đoạn và thành tựu của ASEAN – AC	4	5	2			27
Tổng	27	30	6			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				

1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%
II. Kiểm tra thường xuyên				30%
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
III. Thi kết thúc học phần				50%
3	Viết	Rubric 4 (<i>đánh giá bài thi viết</i>)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:*

1. Lương Ninh (2005), Lịch sử Đông Nam Á, Nxb GD HN

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo*

1. Clive -Christie (2000), Lịch sử Đông Nam Á hiện đại, Nxb CTQG HN
2. Đinh Xuân Lý (2000), Tiến trình hội nhập Việt Nam - ASEAN, Nxb ĐHQGHN
3. Nguyễn Duy Quý (2004), Tiến tới một ASEAN hòa bình, ổn định và phát triển bền vững, Nxb KHXH, HN

6. 23b. VĂN HÓA ĐÔNG NAM Á/ SOUTHEAST ASIAN CULTURE

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 30 TL, BT 6)
- Mã học phần: 124044
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Văn hóa Đông Nam Á cung cấp một hệ thống kiến thức chuyên sâu, tổng hợp về văn hóa Đông Nam Á trên các lĩnh vực đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc tộc người; tiến trình lịch sử và văn hóa của khu vực; các thành tố văn hóa Đông Nam Á.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học trình bày được khái niệm về văn hóa (dưới góc độ chính trị và từ góc độ văn hóa), đi sâu phân tích, đánh giá một cách sáng tạo những đặc trưng cơ bản của văn hóa từng quốc gia và những điểm chung của văn hóa các quốc gia Đông Nam Á với văn hóa khu vực, qua đó thấy được tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa Đông Nam Á.

- CO2: Người học có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá từ đó rút ra những đặc điểm của văn hóa Đông Nam Á; có kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu một vấn đề của lịch sử, văn hóa; có khả năng viết báo cáo.

- CO3: Người học có thái độ trân trọng, gìn giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của Việt Nam và Đông Nam Á; có ý thức bảo vệ, gìn giữ các giá trị văn hoá Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng, qua đó góp phần bảo tồn gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học trình bày được khái niệm về văn hóa, nguồn gốc các dân tộc, các giai đoạn lịch sử chính của Đông Nam Á.

- CLO2: Người học có kiến thức nền tảng và chuyên sâu, hiểu về các thành tố của văn hóa Đông Nam Á, phân tích, đánh giá một cách sáng tạo được những đặc trưng cơ bản của văn hóa từng quốc gia và những điểm chung của văn hóa quốc gia với văn hóa khu vực.

- CLO3: Người học hiểu, phân tích và đánh giá được tính thống nhất trong đa dạng của văn hóa Đông Nam Á trên cơ sở cái nhìn truyền thống và hội nhập, từ khi tiếp xúc với văn hóa Ấn Độ, Trung Hoa, qua giai đoạn giao lưu với văn hóa phương Tây đến thời kỳ hội nhập hiện đại.

- CLO4: Người học có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá từ đó rút ra những đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á; kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu độc lập một vấn đề của lịch sử, văn hóa.

- CLO5: Trân trọng, gìn giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của Việt Nam và Đông Nam Á; biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đặc điểm tự nhiên và nguồn gốc tộc người (4 LT, 4 TL, 2 TH) 1.1. Đặc điểm tự nhiên 1.2. Nguồn gốc các dân tộc Đông Nam Á - Chủ thể văn hóa Đông Nam Á	7	8	2			45
Chương 2: Tiến trình lịch sử văn hóa Đông Nam Á 2.1. Văn hóa Đông Nam Á thời tiền sử và sơ sử 2.2. Văn hóa Đông Nam Á từ buổi đầu lịch sử đến TK X 2.3. Văn hóa Đông Nam Á từ TK X đến TK XIX 2.4. Văn hóa Đông Nam Á từ sau TK XIX đến năm 1945 2.5. Văn hóa Đông Nam Á từ sau năm 1945 đến nay	9	10	2			45
Chương 3: Các thành tố của văn hóa Đông Nam Á 3.1. Văn hóa vật chất phục vụ đời sống 3.2. Lễ hội - lễ tết 3.3. Phong tục, tập quán 3.4. Tỉn ngưỡng - tôn giáo	11	12	2			45
Tổng	27	30	6			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				

1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1) Mai Ngọc Chừ (1999), Văn hóa Đông Nam Á, Nxb ĐHQG Hà Nội.

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1) Nguyễn Tất Đắc (2005), Văn hóa Đông Nam Á, Nxb GD HN.

2) Đinh Xuân Lý (2000), Tiến trình hội nhập Việt Nam - ASEAN, Nxb ĐHQGHN.

6.24. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUYÊN THỦY ĐẾN NĂM 1858/ HISTORY OF VIETNAM FROM THE ORIGINAL TO 1858

- Số tín chỉ: 4 (36 LT, 33 TL, BT 15)

- Mã học phần: 124420

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội,
- Điều kiện tiên quyết: Cơ sở khảo cổ học

1. Mô tả học phần

Nội dung gồm những kiến thức toàn diện cơ bản, có hệ thống về lịch sử VN từ khởi đầu đến khi thực dân Pháp xâm lược. Các vấn đề chủ yếu: Quá trình xây dựng và hoàn chỉnh nhà nước, pháp luật PK; sự phát triển kinh tế, các thành tựu văn hóa xã hội, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học nhớ và hiểu được diễn biến, tiến trình LSVN cổ trung đại, phân tích, đánh giá một cách sáng tạo nguyên nhân, mối liên hệ, sự tác động qua lại giữa các sự kiện, hiện tượng và các quá trình lịch sử trong giai đoạn này.

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá nhân vật, sự kiện, hiện tượng lịch sử, thành tựu và hạn chế của các giai đoạn lịch sử Việt Nam cổ trung đại; vận dụng quan điểm giai cấp để đánh giá khách quan các sự kiện lịch sử trong tiến trình lịch sử Việt Nam cổ trung đại

- CO3: Người học nhận thức được vai trò, vị trí của một giai đoạn lịch sử trong tiến trình phát triển của đất nước; từ đó góp phần xây dựng thế giới quan khoa học, biết quý trọng và gìn giữ các giá trị truyền thống của dân tộc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học nhớ và hiểu được diễn biến, tiến trình LSVN cổ trung đại.

- CLO2: Người học vận dụng, phân tích, đánh giá một cách sáng tạo nguyên nhân, mối liên hệ, sự tác động qua lại, ý nghĩa giữa các sự kiện, hiện tượng và các quá trình lịch sử Việt Nam cổ trung đại.

- CLO3: Người học có kỹ năng tổng hợp, phân tích, khái quát; có kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu một vấn đề của lịch sử, kỹ năng sử dụng bản đồ, tranh ảnh lịch sử để phục vụ cho việc học tập và giảng dạy.

- CLO4: Người học có thái độ trân trọng những nhân vật góp phần làm nên lịch sử của dân tộc, tự hào về truyền thống, có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống cha ông.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Thời đại nguyên thủy 1.1. Những dấu vết đầu tiên của con người trên đất Việt Nam.	3	3	1			15

1.2. Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy Việt Nam. 1.3. Sự xuất hiện người hiện đại.						
Chương 2. Thời đại bắt đầu dựng nước và giữ nước. 1.1. Nước Văn Lang thời Hùng Vương. 2.2. Nước Âu Lạc thời An Dương Vương.	3	3	1			15
Chương 3: Thời kì Bắc thuộc và chống Bắc thuộc trong lịch sử dân tộc. 1. Vài nét về các thể lực phong kiến phương Bắc. 2. Chính sách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc. 3. Những chuyển biến về chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa. 4. Các cuộc đấu tranh vũ trang giành độc lập.	3	3	1			15
Chương 4. Sơ lược lịch sử vương quốc Champa (192 - 1697) 4.1. Dân cư và lãnh thổ. 4.2. Khởi nghĩa Khu Liên và sự thành lập Champa - 192. 4.3. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội. 4.4. Văn hóa Champa.	2	2	1			10
Chương 5. Đất nước ở buổi đầu của thời đại phong kiến dân tộc. (3, 3, 1) 5.1. Ngô Quyền dựng nền độc lập. 5.2. Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân. 5.3. Nhà Tiền Lê.	3	3	1			10
Chương 6. Nước Đại Việt thời Lý (1010 - 1225). 6.1. Sự thành lập nhà Lý. 6.2. Tình hình chính trị. 6.3. Tình hình kinh tế. 6.4. Kháng chiến chống Tống (1075 - 1077). 6.5. Tình hình văn hóa - xã hội.	3	3	1			15
Chương 7. Nước Đại Việt thời Trần (1226 - 1400). 7.1. Tình hình chính trị.	3	3	2			15

7.2. Tình hình kinh tế. 7.3. Tình hình văn hóa - xã hội. 7.4. Cuộc kháng chiến chống xâm lược Mông - Nguyên.						
Chương 8. Nhà Hồ và chính sách cải cách của Hồ Quý Ly (2, 2, 1) 8.1. Triều Hồ thành lập. 8.2. Chính sách cải cách của Hồ Quý Ly. 8.3. Cuộc xâm lược của nhà Minh và sự thất bại của nhà Hồ.	2	2	1			15
Chương 9. Phong trào kháng chiến chống quân Minh và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. 9.1. Chính sách đô hộ của nhà Minh. 9.2. Những phong trào khởi nghĩa của nhân dân ta trước khởi nghĩa Lam Sơn. 9.3. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 - 1427). 9.4. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử	3	2	1			15
Chương 10. Nước Đại Việt thời Lê sơ (1428 - 1527). (3, 3, 2) 10.1. Nhà Lê thành lập. 10.2. Tình hình kinh tế. 10.3. Phát triển văn hóa dân tộc.	3	3	1			15
Chương 11. Nước Đại Việt trong các thế kỉ bị chia cắt. 11.1. Sự sụp đổ của nhà Lê và sự thành lập nhà Mạc. 11.2. Cục diện Nam - Bắc triều và tình trạng đất nước bị chia cắt - thế kỉ XVI. 11.3. Sự hình thành cục diện Đàng Ngoài - Đàng Trong và cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn. 11.4. Tình hình nông nghiệp và đời sống nông thôn. 11.4. Sự phát triển của công thương nghiệp trong các thế kỉ XVII - XVIII. 11.6. Đời sống văn hóa.	3	2	2			15
Chương 12. Phong trào nông dân Tây Sơn.	2	2	1			10

12.1. Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến. 12.2. Phong trào nông dân khởi nghĩa thế kỉ XVIII. 12.3. Phong trào nông dân Tây Sơn. 12.4. Triều đại Tây Sơn.						
Chương 13. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX (1802 - 1858). 13.1. Sự thành lập triều Nguyễn. 13.2. Phong trào nông dân khởi nghĩa thế kỉ XIX. 13.3. Tình hình văn hóa nửa sau thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX.	3	2	1			15
Tổng	36	33	15			180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2,3	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	

2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4	
---	---------------------------	--------------------	------------	--

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 05 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Trương Hữu Quýnh (chủ biên) (1998), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Nxb GD, HN.

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (2010), *Đại cương Lịch sử Việt Nam* toàn tập, Nxb GDVN, HN
2. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2002), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb GD, HN
3. Phan Đại Doãn (1998), Ngô Sĩ Liên và đại việt sử ký toàn thư, Nxb CTQG

6.25. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1945/HISTORY OF VIETNAM FROM 1858 TO 1945

- Số tín chỉ: 04 (36; 42 TL, 6BT)
- Mã số học phần: 124155
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến năm 1858

1. Mô tả học phần

Học phần Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945 cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức về lịch sử Việt Nam từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược cho đến ngày cách mạng tháng Tám thành công, bao gồm các nội dung như: Quá trình xâm lược nước ta của thực dân Pháp, phong trào đấu tranh của nhân dân chống thực dân Pháp xâm lược và bình định; cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX; vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng, phong trào cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nhớ và hiểu được những nội dung kiến thức cơ bản như: bối cảnh lịch sử, những nhân tố tác động cũng như kết quả, ý nghĩa của sự kiện lịch sử, của phong trào yêu nước, cách mạng trong lịch sử Việt Nam giai đoạn 1858 - 1945, từ đó biết vận

dụng, phân tích, đánh giá một cách sáng tạo nguyên nhân mất nước cuối thế kỷ XIX, nguyên nhân thất bại của khuynh hướng tư sản, nguyên nhân thành công của con đường cách mạng vô sản do Đảng lãnh đạo.

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá nhân vật, sự kiện, hiện tượng lịch sử, thành tựu và hạn chế của các giai đoạn lịch sử; vận dụng quan điểm giai cấp để đánh giá khách quan các sự kiện lịch sử trong tiến trình lịch sử Việt Nam cận đại

- CO3: Người học nhận thức được vai trò, vị trí của một giai đoạn lịch sử trong tiến trình phát triển của đất nước; từ đó góp phần xây dựng thế giới quan khoa học, biết quý trọng và gìn giữ các giá trị truyền thống của dân tộc.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Người học nhớ và hiểu được nội dung kiến thức cơ bản như: bối cảnh lịch sử, những nhân tố tác động cũng như kết quả, ý nghĩa của sự kiện lịch sử, của phong trào yêu nước, cách mạng trong lịch sử Việt Nam giai đoạn 1858 -1945

- CLO2: Người học vận dụng, phân tích, đánh giá một cách sáng tạo nguyên nhân mất nước cuối thế kỷ XIX, nguyên nhân thất bại của khuynh hướng tư sản, nguyên nhân thành công của con đường cách mạng vô sản do Đảng lãnh đạo...

- CLO3: Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn giảng dạy, nghiên cứu, học tập về lịch sử Việt Nam cận đại; kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá nhân vật, sự kiện, hiện tượng lịch sử.

- CLO4: Người học có thái độ khách quan khi nhìn nhận, đánh giá về nhân vật, sự kiện, hiện tượng lịch sử dựng nước và giữ nước; biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Cuộc xâm lược vũ trang của thực dân Pháp và phong trào kháng chiến chống xâm lược ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX 1.1. Việt Nam đối diện âm mưu xâm lược của thực dân Pháp 1.2. Quá trình xâm lược của thực dân Pháp, phong trào chống thực dân Pháp xâm lược và bình định ở Việt Nam	8	10				45
Chương 2. Việt Nam từ cuộc khai thác thuộc địa thứ nhất đến hết chiến tranh thế giới thứ nhất (1897 – 1918) (6, 9, 33) 2.1. Việt Nam trong thời kỳ Pháp thực hiện	8	10	2			45

khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 – 1914) 2.2. Xu hướng phát triển của phong trào dân tộc đầu thế kỷ XX (1900 – 1914) 2.3. Việt Nam trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 – 1918)						
Chương 3. Phong trào dân tộc ở Việt Nam sau chiến tranh thế giới nhất 3.1. Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất 3.2. Nguyễn Ái Quốc tìm đường cứu nước và chuẩn bị cho sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam 3.3. Phong trào dân tộc ở Việt Nam từ 1919 đến 1929	8	10	2			45
Chương 4. Cuộc vận động giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản ở Việt Nam từ năm 1930 đến năm 1945 4.1. Phong trào cách mạng Việt Nam những năm 1930 - 1935 4.2. Phong trào cách mạng Việt Nam những năm 1936 - 1939 4.3. Cuộc vận động Cách mạng tháng Tám	12	12	2			45
Tổng	36	42	6			180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4	

3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 04 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:*

1. Đinh Xuân Lâm (chủ biên), Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ (2002), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập II (1858 - 1945), Nxb Giáo dục, HN

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo*

1. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2002), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb GD, HN
2. Nguyễn Ngọc Cơ (2006), *Phong trào dân tộc trong đấu tranh chống Pháp ở Việt Nam*

6.26. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY/ HISTORY OF VIETNAM FROM 1945 TO NOW

- Số tín chỉ: 04 (36, 36, 12)
- Mã học phần: 124041
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử

- Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1945

1. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần cung cấp cho người học những kiến thức toàn diện, cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay. Các vấn đề chủ yếu trong các học phần này là: Một năm sau Cách mạng tháng Tám. Cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 – 1954; hai miền Nam Bắc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng XHCN ở miền Bắc 1954 – 1975 và cả nước độc lập, thống nhất, đi lên CNXH từ 1975; và, công cuộc đổi mới đất nước từ 1986 đến nay.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Nắm vững các khái niệm cơ bản của Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay; hệ thống kiến thức cơ bản của Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay qua các giai đoạn lịch sử; từ 1945 đến 1954; từ 1954 đến 1975; từ 1975 đến 1986; từ 1986 đến nay.

CO2: Tổng hợp kiến thức về sự phát triển của cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn từ: 1945-1954; 1954-1975 và từ năm 1975 đến nay trong bối cảnh khu vực và thế giới.

CO3: Rèn luyện được kỹ năng phân tích và so sánh các giai đoạn lịch sử; vận dụng quan điểm giai cấp để đánh giá khách quan các sự kiện lịch sử trong tiến trình lịch sử VN hiện đại. Góp phần xây dựng thế giới quan khoa học, biết quý trọng và gìn giữ các giá trị truyền thống của dân tộc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Hệ thống được kiến thức cơ bản của Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay qua các giai đoạn lịch sử; từ 1945 đến 1954; từ 1954 đến 1975; từ 1975 đến 1986; từ 1986 đến nay.

CLO2: Trình bày được bối cảnh lịch sử, nguyên nhân, diễn biến cùng kết quả và ý nghĩa của mỗi giai đoạn, sự kiện lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay; sự phát triển của cách mạng Việt Nam trong lịch sử thế giới hiện đại.

CLO3: Phân tích được đặc điểm và những bài học lịch sử sau hơn một năm Cách mạng tháng Tám 1945; cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946- 1954); công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954- 1975); cách mạng Việt Nam (1976- 1986); và, sự nghiệp đổi mới đất nước (1986 đến nay). hiện nay.

CLO4: Có kỹ phân tích và đánh giá những sự kiện lịch sử; nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp đổi mới đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

CLO5: Vận dụng kiến thức lịch sử Việt Nam hiện đại để lí giải, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử; trân trọng truyền thống yêu nước và cách mạng của dân tộc và trách nhiệm đối với sự nghiệp bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: Xây dựng và bảo vệ chế độ dân chủ cộng hoà (1945-1946) 1. Đặc điểm tình hình và nhiệm vụ mới của dân tộc Việt Nam khi chế độ dân chủ cộng hòa được thành lập 2. Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng nền dân chủ cộng hòa 3. Đấu tranh chống lại âm mưu bành trướng và xâm lược của các thế lực đế quốc thực dân	4	3	0	2	0	20
Nội dung 2: Sự bùng nổ và tiến triển của cuộc kháng chiến trong toàn quốc (1946-1950) 1. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ 2. Xây dựng nền dân chủ cộng hòa 3. Chiến đấu trên mặt trận quân sự	4	3	0	2	0	15
Nội dung 3: Cuộc kháng chiến phát triển mạnh mẽ và kết thúc thắng lợi (1951-1954) 1. Đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ kéo dài chiến tranh xâm lược Đông Dương 2. Sự lớn mạnh của nền dân chủ cộng hòa 3. Đấu tranh quân sự và ngoại giao (1951-1954)	4	3	0	2	0	20
Nội dung 4: Xây dựng miền Bắc và đấu tranh cách mạng chống Mỹ - Diệm ở Miền Nam (1954 -1960) 1. Miền Bắc khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954-1960) 2. Đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở miền Nam (1954-1960)	2	3	0	2	0	15
Nội dung 5: Đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa	3	4	0	2	0	20

xã hội ở miền Bắc và chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam (1961-1965) 1. Đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc(1961-1965) 2. Chiến đấu chống “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961-1965)						
Nội dung 6: Chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, tiếp tục xây dựng CNXH ở miền Bắc(1965-1968) 1. Chiến đấu chống “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968) 2. Miền Bắc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ, tiếp tục xây dựng CNXH, làm nghĩa vụ hậu phương (1965-1968)	3	3	0	1	0	20
Nội dung 7: Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh và chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ, khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc (1969-1973) 1. Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa” chiến tranh và “Đông Dương hóa” chiến tranh của Mỹ (1969-1973) 2. Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho miền Nam, chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ (1969-1973) 3. Đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam	3	4		1		15
Nội dung 8: Khôi phục phát triển kinh tế miền Bắc, cả nước dồn sức giải phóng hoàn miền Nam (1973-1975) 1. Miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, ra sức chi viện cho miền Nam. 2. Đấu tranh chống địch “bình định lấn chiếm”,	3	3	0	1	0	20

tạo thế và lực tiến tới giải phóng miền Nam 3. Giải phóng hoàn toàn miền Nam, giành toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc 4. Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.						
Nội dung 9: Việt Nam xây dựng lại đất nước (1975 -1986) 1. Việt Nam năm đầu sau đại thắng mùa xuân (1975 - 1976) 2.. Đất nước bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội (1976 - 1986) 3. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975- 1979)	4	4		2		15
Nội dung 10: Đất nước trên con đường đổi mới (1986 - nay) 1. Lý do Đổi mới, quan điểm và chủ trương đổi mới... 2. Các giai đoạn cụ thể 3. Ý nghĩa lịch sử; Nhân tố thắng lợi; Bài học kinh nghiệm; Thời cơ và thách thức của dân tộc ta hiện nay.	6	6		3		20
Tổng	36	36	0	12	0	180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2,3	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	

4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ tài liệu tham khảo bắt buộc:**

1. Trần Bá Đệ (2001), *Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay*, Nxb ĐHQG HN.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1. Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn, Trương Hữu Quýnh (2002), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb GD, HN.

2. Lê Mậu Hãn (Chủ biên (2003), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 3: 1945-2006, Nxb GD HN.

3. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2001), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb GD HN.

6.27. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ TRUNG ĐẠI/ HISTORY OF THE ANCIENT AND MEDIEVAL WORLD

- Số tín chỉ: 4 (36 LT, 42 TL, BT 6)
- Mã học phần: 124165

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác -Lênin

1. Mô tả học phần

Học phần Lịch sử thế giới cổ trung đại cung cấp một hệ thống kiến thức cơ bản về xã hội nguyên thủy, điều kiện tự nhiên, dân cư, tình hình cụ thể về mọi mặt của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á, Hy Lạp và La Mã; lịch sử trung đại Tây Âu, lịch sử trung đại của các quốc gia phương Đông: Ấn Độ, Trung Quốc, Đông Nam Á, Triều Tiên, Nhật Bản.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học trình bày được những nét cơ bản về xã hội nguyên thủy, xã hội cổ đại, xã hội phong kiến, các khái niệm “xã hội nguyên thủy”; “xã hội cổ đại”; “cổ đại phương đông”; “cổ đại phương Tây”; “chế độ phong kiến”... đi sâu phân tích, đánh giá một cách sáng tạo về nguồn gốc loài người, các mô hình xã hội cổ đại, trung đại phương Đông, xã hội cổ đại, trung đại phương Tây.

- CO2: Người học có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá từ đó rút ra những đặc điểm của xã hội nguyên thủy; xã hội cổ đại, trung đại phương Đông; xã hội cổ đại, trung đại phương Tây; có kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu một vấn đề của lịch sử, kỹ năng sử dụng bản đồ, tranh ảnh lịch sử để phục vụ cho việc học tập và giảng dạy.

- CO3: Người học có khả năng nhận thức sâu sắc về bản chất, ưu, nhược điểm của các chế độ xã hội đã xuất hiện trong các thời kì lịch sử, góp phần xây dựng thế giới quan khoa học, nhân văn, biết quý trọng và gìn giữ những di sản của nhân loại. Hiểu sâu sắc vai trò của lao động, của quần chúng trong lịch sử.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về của lịch sử thế giới thời kỳ nguyên thủy, cổ đại và trung đại.

- CLO2: Người học trình bày được các khái niệm “xã hội nguyên thủy”; “xã hội cổ đại”; “cổ đại phương đông”; “cổ đại phương Tây”; “chế độ phong kiến”...

- CLO3: Phân tích, so sánh, đánh giá một cách sáng tạo về nguồn gốc loài người, các mô hình xã hội cổ đại, trung đại phương Đông; xã hội cổ đại, trung đại phương Tây.

- CLO4: Người học có kỹ năng sưu tầm và xử lý tài liệu; tổng hợp, phân tích, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử...; có kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu một vấn đề của lịch sử, kỹ năng sử dụng bản đồ, tranh ảnh lịch sử để phục vụ cho việc học tập và giảng dạy.

- CLO5: Người học có khả năng nhận thức sâu sắc về bản chất, ưu, nhược điểm của các chế độ xã hội đã xuất hiện trong các thời kì lịch sử, góp phần xây dựng thế giới quan khoa học, nhân văn, biết quý trọng và gìn giữ những di sản của nhân loại. Hiểu sâu sắc vai trò của lao động, của quần chúng trong lịch sử.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Khác	

	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Xã hội nguyên thủy 1.1. Khái niệm chung 1.2. Phân kỳ lịch sử xã hội nguyên thủy 1.3. Nguồn gốc loài người 1.4. Bầy người nguyên thủy 1.5. CXTT	3	4				18
Chương 2. Ai Cập cổ đại 2.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư 2.2. Các thời kỳ lịch sử 2.3. Văn hoá Ai Cập cổ đại	3	4	1			18
Chương 3. Lưỡng Hà cổ đại 3.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư 3.2. Các thời kỳ lịch sử: 3.3. Văn hoá Lưỡng Hà cổ đại.	3	4	1			18
Chương 4: Trung Quốc cổ trung đại 4.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư 4.2. Trung Quốc thời cổ đại 4.3. Trung Quốc thời phong kiến	4	4				18
Chương 5. Ấn Độ cổ trung đại 5.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư 5.2. Các thời kỳ lịch sử: 5.3. Văn hoá Ấn Độ	4	4	1			18
Chương 6: Ả Rập thời phong kiến 6.1. Sự hình thành nhà nước Ả Rập 6.2. Sự hình thành và tan rã của đế quốc Ả Rập 6.3. Văn hoá Ả Rập	2	3				18
Chương 7: Nhật Bản, Triều Tiên, Đông Nam Á 7.1: Nhật Bản thời kỳ phong kiến 7.2. Triều tiên 7.3. Đông Nam Á thời trung đại	4	4				18

Chương 8: Hilap cổ đại 8.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư 8.2. Văn minh Cret- Myxen (TNKIII-TNKIITCN) 8.3. Thời đại Hôme (TKXI- IXTCN) 8.4. Sự xuất hiện và phát triển các thành bang của lịch sử Hilap cổ đại 8.5. Thời kỳ Hilap hoá (334- 30TCN) 8.6. Văn hoá Hilap cổ đại	3	4	1			18
Chương 9: Rôma cổ đại 9.1. Điều kiện tự nhiên và dân cư 9.2. Các thời kỳ lịch sử: 9.3. Văn hoá Rôma cổ đại	3	4	1			18
Chương 10. Tây Âu thời trung đại 10.1. Sự thành lập các quốc gia mới ở Tây Âu. 10.2. Quá trình phong kiến hoá ở vương quốc Frăng 10.3: Sự phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu thời trung kì trung đại (XII-XV) 10.4. Sự khủng hoảng của chế độ PK Tây Âu thời hậu kì trung đại (XVI-XVII)	6	7	1			18
Tổng	36	42	6			180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	

4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 05 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Lương Ninh, Đinh Ngọc Bảo (1998), Lịch sử thế giới cổ đại, Nxb GD HN

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh... (1998), Lịch sử thế giới Trung đại, Nxb GD HN
2. Lê Minh Hàn (Cb) (2002), Lịch sử thế giới thời trung cổ, Tập 2, Nxb TP.HCM
3. Nguyễn Hoàng Điệp, Almanach, Những nền văn minh thế giới (1995+99), Nxb VHNT, HN

6.28. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI/ Modern world History

- Số tín chỉ: 04 (36 LT; 40TL; 8BT)
- Mã học phần: 124170
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới Cổ - Trung đại

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế theo hướng kết hợp giữa việc trang bị kiến thức và phát triển kỹ năng tự nghiên cứu phần lịch sử thế giới từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XX cho người học. Nội dung kiến thức của học phần là những vấn đề chính của lịch sử thế giới thời cận đại như cách mạng tư sản, Chủ nghĩa tư bản; phong trào công nhân, Chủ nghĩa cộng sản; cách mạng công nghiệp; Chủ nghĩa thực dân; quan hệ quốc tế và cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới thời cận đại nói chung, lịch sử khu vực và lịch sử của từng quốc gia nói riêng.

- CO2: Người học có kỹ năng trình bày hoặc giảng dạy các nội dung về lịch sử thế giới chung, lịch sử khu vực hoặc lịch sử của một quốc gia thời kỳ cận đại.

- CO3: Người học có khả năng nhìn nhận, đánh giá khách quan những đóng góp tích cực cũng như những hạn chế của lịch sử thế giới thời kỳ cận đại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học trình bày và hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới thời cận đại và phân biệt được thời kỳ cận đại với các thời kỳ lịch sử khác của lịch sử thế giới chung, lịch sử khu vực và lịch sử của từng quốc gia.

- CLO2: Người học vận dụng, đánh giá một cách sáng tạo các vấn đề lớn của lịch sử thế giới thời kỳ cận đại như về kinh tế thị trường, Chủ nghĩa tư bản, Chủ nghĩa thực dân, Chủ nghĩa đế quốc, Chủ nghĩa cộng sản, những phát minh về kỹ thuật...

- CLO3: Người học có khả năng xây dựng được nội dung trình bày hoặc bài giảng về một vấn đề cụ thể của lịch sử thế giới chung, lịch sử khu vực hoặc lịch sử của một quốc gia thời kỳ cận đại, có kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh.

- CLO4: Người học có khả năng chứng minh được những mặt đóng góp tích cực và những hạn chế của những vấn đề lịch sử phát sinh trong thời kỳ cận đại như nền kinh tế thị trường, Chủ nghĩa tư bản, Chủ nghĩa thực dân, Chủ nghĩa cộng sản hay cách mạng công nghiệp. Có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao, có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Một số vấn đề chung về lịch sử thế giới cận đại	3	0	0	0	0	20

Nội dung 2. Cách mạng tư sản ở các nước Âu - Mỹ	6	6	0	0	0	20
Nội dung 3. Phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX	3	4	0	0	0	15
Nội dung 4. Các nước châu Âu và Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX	3	4	0	0	0	20
Nội dung 5. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918)	3	4	0	0	0	15
Nội dung 6. Công cuộc cải cách Minh Trị duy tân ở Nhật Bản	3	4	0	0	0	20
Nội dung 7. Trung Quốc thời cận đại	3	4	0	6	0	0
Nội dung 8. Ấn Độ và khu vực Tây Nam Á thời cận đại	3	3	0	0	0	15
Nội dung 9. Đông Nam Á thời cận đại	3	6	0	0	0	20
Nội dung 10. Các nước châu Phi, Mĩ la tinh thời cận đại	3	3	0	0	0	20
Nội dung 11. Bài tập	0	0	2	0	0	5
Nội dung 12. Bài tập	0	0	3	0	0	5
Nội dung 13. Bài tập	0	0	3	0	0	5
Nội dung 14 .Tổng kết	3	0	0	0	0	0
Tổng	36	40	8	0	0	180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				

1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3	
			CLO4	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO1	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO2	
			CLO4	
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
III. Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 5 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

- 1) Vũ Dương Ninh (2001), *Lịch sử thế giới cận đại*, Nxb Giáo dục, HN.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

- 2) Phan Ngọc Liên (2008), *Lịch sử thế giới cận đại tập 1*, Nxb ĐHSP Hà Nội, HN.

3) Phan Ngọc Liên (2006), *Lịch sử thế giới cận đại*, Nxb ĐHSP Hà Nội, HN.

6.29. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI/ HISTORY OF THE MODERN WORLD

- Số tín chỉ: 4 (36 LT, 42 TL,BT 6)

- Mã học phần: 124550

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn lịch sử, Khoa Khoa học Xã hội, trường Đại học Hồng Đức.

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới cận đại

1. Mô tả học phần

Học phần Lịch sử thế giới hiện đại cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử thế giới từ CMXHCN tháng Mười Nga 1917 đến nay, bao gồm các vấn đề chủ yếu sau: Sự hình thành và phát triển của hệ thống XHCN, các nước tư bản chủ nghĩa từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến nay; phong trào công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng phát triển đất nước, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật- công nghệ và xu thế toàn cầu hóa, những biến động của nhân loại trong thời kỳ hiện đại.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Người học hiểu được những nét cơ bản về Cách mạng XHCN tháng Mười Nga và sự phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa từ 1917 đến nay, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại, sự phát triển và thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mỹ latin và công cuộc xây dựng đất nước, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, quan hệ quốc tế từ 1918 đến nay, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại và xu thế toàn cầu hóa.

- CO2: Người học có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá từ đó rút ra nguyên nhân sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu, rút ra bài học kinh nghiệm với các nước XHCN còn lại. Sự phát triển của CNTB, những đặc điểm của CNTB và quan hệ quốc tế thời hiện đại; có kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu một vấn đề của lịch sử, kỹ năng sử dụng bản đồ, tranh ảnh lịch sử để phục vụ cho việc học tập và giảng dạy.

- CO3: Người học có khả năng nhận thức sâu sắc về bản chất, ưu, nhược điểm của hệ thống XHCN, CNTB. Có thái độ khách quan, khoa học trong nhìn nhận các vấn đề về CNXH, CNTB, các vấn đề trong quan hệ quốc tế, nâng cao nhận thức tư tưởng về nội dung thời đại, chống “diễn biến hoà bình”, giáo dục lòng yêu hoà bình. Biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có kiến thức nền tảng và chuyên sâu, hiểu về của lịch sử thế giới hiện đại.

- CLO2: Người học hiểu được các khái niệm “cách mạng xã hội chủ nghĩa”, “chính sách kinh tế mới”, “cách mạng ruộng”, “chủ nghĩa tư bản hiện đại”, “chiến tranh lạnh”, “thế giới thứ ba” “cải cách”, “đổi mới”...

- CLO3: Phân tích, so sánh, đánh giá một cách sáng tạo về quá trình hình thành, phát triển, sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu; những bước thăng, trầm và mặt tích cực, hạn chế của CNTB; sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng đất nước ở các nước Á, Phi, Mĩ la tinh; đặc điểm của quan hệ quốc tế thời hiện đại.

- CLO4: Người học có kỹ năng tổng hợp, phân tích, khái quát; có kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu một vấn đề của lịch sử, kỹ năng sử dụng bản đồ, tranh ảnh lịch sử để phục vụ cho việc học tập và giảng dạy.

- CLO5: Người học có khả năng nhận thức sâu sắc về bản chất, ưu, nhược điểm của các chế độ xã hội. Có thái độ khách quan, khoa học trong nhìn nhận các vấn đề quan hệ quốc tế, nâng cao nhận thức tư tưởng về nội dung thời đại, chống “diễn biến hoà bình”, giáo dục lòng yêu hoà bình. Biết vận dụng những kiến thức đã học vào đời sống và xây dựng nhân cách của mỗi người.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học	
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành		Khác
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Cách mạng XHCN tháng Mười Nga năm 1917 và công cuộc XD CNXH ở Liên Xô 1.1. Cách mạng XHCN tháng Mười Nga năm 1917 1.2: Công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô (1921-1941)	3	4				20
Chương 2: Hệ thống Vecxai-Oasinhton và việc phân chia lại thế giới giữa các nước đế quốc thắng trận sau chiến tranh thế giới thứ nhất và Các nước tư bản chủ yếu trong giai đoạn 1918-1939 2.1.Hội nghị hoà bình Vecxai 2.2.Hội nghị Oasinhton và những hiệp ước được kí kết 2.3.Các nước tư bản chủ yếu giai đoạn 1918-1929 2.4. Các nước tư bản chủ yếu giai đoạn 1929-1939	4	4	1			20
Chương 3: Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa (1918-1945) 3.1.Cao trào giải phóng dân tộc từ 1918-	3	4				20

1945 3.2.Phong trào giải phóng dân tộc từ 1924-1929 3.3. Phong trào giải phóng dân tộc và phong trào mặt trận nhân dân chống phát xít trong những năm 1929-1939 3.4. Những phong trào cách mạng tiêu biểu						
Chương 4: Quan hệ quốc tế dẫn đến chiến tranh và chiến tranh thế giới thứ hai 4.1. Quan hệ quốc tế dẫn đến chiến tranh thế giới thứ hai 4.2. Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)	4	4	1			20
Chương 5: Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến nay 5.1.Liên Xô 5.2.Các nước Đông Âu 5.3.Quan hệ hợp tác giữa các nước XHCN 5.4.Nguyên nhân sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và Đông Âu	5	5	1			20
Chương 6: Các nước tư bản chủ yếu từ 1945 đến nay 6.1.Các giai đoạn phát triển và đặc điểm của CNTB hiện đại 6.2. Nước Mỹ 6.3.Nhật Bản 6.4.Các nước TB Tây Âu	6	6				20
Chương 7: Các nước Á - Phi-Mỹ latinh từ 1945 đến nay 7.1.Các nước châu Á từ 1945 đến nay 7.2. Các nước châu Phi và Mỹ Latinh từ 1945 đến nay	6	6	1			20
Chương 8: Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay 8.1.Sự hình thành trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai 8.2.Những cuộc đấu tranh trong quan hệ quốc tế nhằm thực hiện những nguyên tắc đã cam kết về thanh toán chiến tranh và tổ chức hoà bình sau chiến tranh	5	5	1			20

8.3.Cuộc chiến tranh lạnh giữa hai cực Xô-Mỹ và hai khối Đông-Tây						
8.4.Sự xuất hiện hai khối quân sự đối đầu và cuộc chạy đua vũ trang giữa hai khối						
8.5.Quan hệ Xô-Mỹ trong thập niên 80						
8.6.Quan hệ quốc tế từ 1991 đến nay						
Chương 9: Cách mạng Khoa học kĩ thuật sau Chiến tranh thế giới thứ hai	4	4	1			20
9.1.Bối cảnh lịch sử						
9.2.Nội dung đặc điểm						
9.3. Ý nghĩa, tác động						
Tổng	36	42	6			180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 05 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra GK

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

-Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. Nguyễn Anh Thái (cb) (2002), Lịch sử thế giới hiện đại 1917-19445, Nxb GD HN

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Phan Ngọc Liên (2005), Lịch sử thế giới hiện đại, Nxb ĐHSP, 2005

2. Trần Thị Vinh (Cb) (2007), Lịch sử thế giới hiện đại (quyển 2), Nxb ĐH Sư phạm

3. Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Kim (2007), Một số chuyên đề lịch sử thế giới: Tập 2, Nxb ĐHQG HN.

6.30. LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THCS VÀ THPT/ THEORETICAL AND TEACHING METHODS IN TEACHING SCHOOL

- Số tín chỉ: 4 (36, 36, 12)

- Mã học phần: 124 049

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Phương pháp luận sử học

1. Mô tả tóm tắt học phần

1. Mô tả học phần:

Lý luận và phương pháp dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông là học phần bắt buộc, thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của lý luận phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông; cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của Phương pháp dạy học lịch sử; quá trình ra đời và phát triển của bộ môn PPDHLS ở Việt Nam và trên thế giới; thực trạng dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay. Đồng thời, hiểu chương trình, xác định được chức năng, nhiệm vụ của môn Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay và vận dụng vào thực tiễn dạy học.

Trên cơ sở xác định và phân tích được con đường hình thành tri thức lịch sử, đặc điểm môn học, SV tiếp cận, tìm hiểu và vận dụng hệ thống phương pháp sử dụng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông. Từ đó, hình thành năng lực sư phạm.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV xác định và giải thích được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của Phương pháp DH Lịch sử; Nêu được quá trình ra đời và phát triển của bộ môn PPDH ở Việt Nam và trên thế giới; Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của môn Lịch sử ở trường phổ thông; Phân tích được con đường hình thành tri thức Lịch sử cho HS, chương trình- SGK và thực trạng dạy học môn Lịch sử; Trình bày, phân loại, đánh giá được hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

- CO2: SV hình thành và phát triển các kĩ năng tìm kiếm tư liệu, trình bày vấn đề; phân tích đánh giá vấn đề liên quan đến quá trình dạy học bộ môn; vận dụng lý thuyết vào thực hành các phương pháp dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông; ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học; hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy hiệu quả, giao tiếp - ứng xử...

- CO3: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn PPDH, hình thành và nuôi dưỡng tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp, tích cực đổi mới phương pháp dạy học...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về lý luận dạy học môn Lịch sử; hệ thống phương pháp dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông.

- CLO2: Vận dụng được kiến thức tâm lí học, giáo dục học, khoa học Lịch sử và lý luận dạy học vào quá trình dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông

- CLO3: Người học vận dụng hệ thống phương pháp phù hợp vào môn Lịch sử ở trường PT, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học.

- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn PPDH, có tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp và tích cực đổi mới phương pháp dạy học...

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về lý luận dạy học lịch sử 1.1. Quá trình ra đời của Lý luận dạy học lịch sử 1.2. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ 1.3. Môn Lịch sử ở trường THCS	6	6				30
Chương 2: Quá trình hình thành tri thức lịch sử cho học sinh 2.1. Khái quát quá trình hình thành tri thức lịch sử cho học sinh 2.2. Các giai đoạn hình thành tri thức lịch sử cho học sinh	6	6				30
Chương 3. Hệ thống PPDH và quá trình dạy học ở trường THCS 3.1. Những quan niệm khác nhau về PPDH 3.2. Phân loại hệ thống PPDHLS 3.3. Cơ sở xác định hệ thống PPDHLS vận dụng quá trình DH ở trường phổ thông	6	6				30
Chương 4. Nhóm các phương pháp thông tin- tái hiện lịch sử 4.1. Vị trí, vai trò của nhóm PP thông tin- tái hiện lịch sử 4.2. Các PP trình bày miệng. 4.3. Phương pháp sử dụng đồ dùng trực quan	6	4	2	4		30
Chương 5. Nhóm các phương pháp phát triển năng lực nhận thức lịch sử 5.1. Vị trí, vai trò . 5.2. Các phương pháp chủ yếu 5.3. Những lưu ý khi sử dụng	6	4	2	4		30

Chương 6: Một số quan điểm, phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại được vận dụng trong DHLS	6	4	2	4		30
6.1. Đổi mới PPDHLS ở trường THPT						
6.2. Một số quan điểm DH hiện đại						
6.3. Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại						
Tổng	36	30	6	12		180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng công nghệ thông tin, đóng vai, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm với các kỹ thuật dạy học hiện đại như nhóm chuyên gia, bể cá, mảnh ghép, theo góc, kỹ thuật 3-2-1...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp/viết	-Rubric vấn đáp - Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

- [1]. Đỗ Ngọc Đạt (2000), Bài giảng lý luận dạy học hiện đại, NXB ĐHQG, Hà Nội.
- [2]. Phan Ngọc Liên (Cb) (2003), Phương pháp luận sử học, Nxb ĐHSP HN
- [3]. Trịnh Đình Tùng (Cb) (2006), Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử trường trung học cơ sở: Giáo trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở hệ cao đẳng sư phạm, Nxb GD HN

6.31. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG THCS & THPT/ BUILDING A PLAN TO TAUGHT HISTORY IN HIGH SCHOOL

- Số tín chỉ: 4 (36, 36, 12)
- Mã học phần: 124 053
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Học phần Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông

1. Mô tả học phần

Học phần *Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông* là học phần bắt buộc, thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về kế hoạch dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông (hiểu thế nào là kế hoạch dạy học, kế hoạch dạy học gồm những gì, căn

cứ xây dựng kế hoạch dạy học, các bước xây dựng kế hoạch, xây dựng mẫu bản kế hoạch dạy học...). Trên cơ sở đó, SV thực hành xây dựng các kế hoạch DH môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV trình bày được những nội dung cơ bản về kế hoạch dạy học (trình bày được thể nào là kế hoạch dạy học, các nội dung của kế hoạch dạy học, căn cứ xây dựng kế hoạch dạy học, các bước xây dựng kế hoạch, xây dựng mẫu kế hoạch dạy học...)

- CO2: SV phân loại được bài học lịch sử, các hình thức tổ chức dạy học, các bước tổ chức bài học lịch sử; trình bày được các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học...

- CO3: SV phát triển các kĩ năng xây dựng kế hoạch dạy học.

- CO4: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn PPDHLS, phát triển tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp, tích cực đổi mới phương pháp dạy học...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về kế hoạch dạy học môn Lịch sử ở trường THCS & THPT

- CLO2: Vận dụng kiến thức tâm lí học, giáo dục học, khoa học lịch sử và lý luận dạy học vào việc xây dựng các kế hoạch dạy học lịch sử ở trường THCS & THPT.

- CLO3: Vận dụng các vấn đề lý luận dạy học môn Lịch sử, hệ thống phương pháp phù hợp thiết kế các hình thức, các dạng bài môn Lịch sử THCS và THPT.

- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn PPDHLS, có tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp và tích cực đổi mới phương pháp dạy học...

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung bài học Lịch sử ở trường phổ thông	6	3				20
1.1. Khái niệm bài học lịch sử và hiệu quả bài học lịch sử						

1.2. Các loại bài học lịch sử						
1.3. Vai trò của bài học lịch sử						
Chương 2: Nguyên tắc và căn cứ xây dựng các kế hoạch dạy học môn Lịch sử ở trường THPT	6	3				20
2.1. Nguyên tắc xây dựng						
2.2. Những căn cứ xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông						
Chương 3: Các bước xây dựng kế hoạch dạy học	6	9	1	2		25
3.1. Tìm hiểu chương trình. SGK						
3.2. Xác định mục tiêu và năng lực cần đạt (năng lực đặc thù, năng lực chung)						
3.3. Lựa chọn phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập của GV						
3.4. Xác định nhiệm vụ của GV và HS trong khâu chuẩn bị						
3.5. Xác định các hoạt động học tập của HS						
3.6. Xây dựng bản kế hoạch DH						
Chương 4: Xây dựng kế hoạch dạy học phân môn Lịch sử THCS	6	9		3		25
4.1. Chương trình SGK						
4.2. Các dạng bài						
4.3. Vận dụng xây dựng các dạng bài						
4.4. Những lưu ý						
Chương 5: Xây dựng kế hoạch dạy học môn Lịch sử THPT	6	9	1	2		25
4.1. Chương trình SGK						
4.2. Các dạng bài						

4.3. Vận dụng xây dựng các dạng bài						
4.4. Những lưu ý						
Chương 5: Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường THCS	6	6	1	2		20
5.1. Mục đích, yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá						
5.2. Các hình thức kiểm tra, đánh giá trong DHLS ở trường PT						
5.3. Nội dung kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông						
5.4. Kỹ thuật soạn thảo câu hỏi kiểm tra, đánh giá trong DHLS						
Tổng	36	36	3	9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng công nghệ thông tin, đóng vai, thảo luận, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm với các kỹ thuật dạy học hiện đại như nhóm chuyên gia, bể cá, mảnh ghép, theo góc, kỹ thuật 3-2-1... Đồng thời, chú ý tăng cường các phương pháp tự học đối với SV.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%

III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp	-Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

[1]. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN

[2]. Nguyễn Thị Côi (CB) (2013), Bài học lịch sử ở trường THCS, Nxb ĐHSP, HN

6.32. TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG/ ORGANIZATION OF TEACHING OF HISTORY IN HIGH SCHOOL

- Số tín chỉ: 4 (36, 36, 12)

- Mã học phần: 124 057

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Học phần Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông; Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông.

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần *Tổ chức dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông* là học phần bắt buộc, thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử,

giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về việc tổ chức dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông (phân loại bài học lịch sử, các hình thức tổ chức, các bước tổ chức bài học lịch sử, các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học, vai trò, ý nghĩa và các hình thức, biện pháp kiểm tra đánh giá trong quá trình tổ chức DH...). Trên cơ sở đó, SV thực hành tổ chức các hình thức dạy học đối với các dạng bài cụ thể của môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV hệ thống được kiến thức cơ bản về việc tổ chức dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông (phân loại bài học lịch sử, các hình thức tổ chức, các bước tổ chức bài học lịch sử, các biện pháp nâng cao hiệu quả bài học...)

- CO2: Xác định được các bước tổ chức dạy học; vị trí và vai trò của mỗi bước tổ chức trong quá trình tiến hành tổ chức bài học lịch sử;

- CO3: Phân tích được được vai trò, ý nghĩa của KT-ĐG trong quá trình tổ chức DH; Nêu được các hình thức và biện pháp kiểm tra đánh giá; phân tích được ưu- nhược điểm của các hình thức và biện pháp KT-ĐG.

- CO4: Phát triển kĩ năng thực hành tổ chức các hoạt động dạy học bộ môn.

- CO5: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn PPDHLS, phát triển tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp, tích cực đổi mới phương pháp dạy học...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về việc tổ chức hoạt động dạy học môn Lịch sử ở trường THCS & THPT

- CLO2: Vận dụng kiến thức tâm lí học, giáo dục học, khoa học lịch sử và lý luận dạy học vào quá trình dạy học lịch sử ở trường THCS.

- CLO3: Vận dụng các vấn đề lý luận dạy học môn Lịch sử, hệ thống phương pháp phù hợp tổ chức các hình thức, các dạng bài môn Lịch sử THCS & THPT.

- CLO4: Vận dụng các vấn đề lý luận dạy học môn Lịch sử, hệ thống phương pháp phù hợp tổ chức hoạt động KTĐG trong môn Lịch sử THCS & THPT.

- CLO5: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn PPDHLS, có tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp và tích cực đổi mới phương pháp dạy học...

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học	
----------	-----------------------------	--

	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	Tự học
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
<i>Chương 1: Những vấn đề chung bài học Lịch sử ở trường phổ thông</i> 2.1. Khái niệm bài học lịch sử và hiệu quả bài học lịch sử 2.2. Các loại bài học lịch sử 2.3. Vai trò của bài học lịch sử	6	6				15
<i>Chương 2: Hình thức tổ chức bài học lịch sử</i> 2.1. Bài học nội khóa trên lớp 2.2 Bài học nội khóa tại di sản 2.2. Bài học ngoại khóa 2.3. Các loại bài học khác	9	9				30
<i>Chương 3: Các bước cơ bản tiến hành tổ chức bài học lịch sử</i> 3.1. Chuẩn bị 3.2. Khởi động 3.3. Tổ chức tìm hiểu kiến thức mới 3.4. củng cố bài, liên hệ và mở rộng 3.5. Các hoạt động khác	12	9	3			45
<i>Nội dung 4: Tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông</i> 4.1. Mục đích, yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá 4.2. Các hình thức kiểm tra, đánh giá trong DHLS ở trường PT 4.3. Nội dung kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông	9	6	3	3		45

4.4. Kỹ thuật soạn thảo câu hỏi kiểm tra, đánh giá trong DHLS						
Nội dung 5: Thực hành tổ chức hoạt động dạy học ở trường phổ thông	0	3	0	9		45
5.1. Thực hành bài học nội khóa trên lớp THCS						
5.2. Thực hành bài học nội khóa tại DS THCS						
5.3. Thực hành bài học ngoại khóa THCS						
5.4. Thực hành bài học nội khóa trên lớp THPT						
5.5. Thực hành bài học nội khóa tại DS THPT						
5.6. Thực hành bài học ngoại khóa THPT						
5.7. Mời GV THCS tổ chức giờ học mẫu						
5.8. Mời GV THPT tổ chức giờ học mẫu						
Tổng	36	30	6	12		180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng công nghệ thông tin, đóng vai, thảo luận... Đặc biệt chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm với các kỹ thuật dạy học hiện đại như nhóm chuyên gia, bể cá, mảnh ghép, theo góc, kỹ thuật 3-2-1...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO5	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO1,2,3,4,5	

3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4,5	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp/viết	-Rubric vấn đáp - Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

**Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo:*

- [1]. Nguyễn Thị Côi (CB), Bài học lịch sử ở trường THCS, Nxb ĐHSP, HN, 2013
- [2]. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN
- [3]. Trịnh Đình Tùng (Cb) (2006), Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử trường trung học cơ sở: Giáo trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở hệ cao đẳng sư phạm, Nxb GD HN

6. 33. Chọn ½ học phần

6.33a. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ

GIỚI/ Industrial revolution in world history

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)
- Mã học phần: 124028
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Các học phần Lịch sử thế giới

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về: Khái niệm, nội dung cơ bản của cách mạng công nghiệp. Những kiến thức cơ bản về các tiền đề ra đời các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử loài người, từ cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên từ cuối thế kỉ XVIII đến cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Những thành tựu chủ yếu của các cuộc cách mạng công nghiệp và những giá trị lớn lao của nó đối với mọi mặt đời sống

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản, hệ thống về khái niệm, nội dung cơ bản của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử. Những thành tựu chủ yếu của các cuộc cách mạng công nghiệp tác động như thế nào đến kinh tế, chính trị, xã hội.
- CO2: Kỹ năng phân tích, so sánh các tiền đề, nội dung của các cuộc cách mạng công nghiệp. Tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể và đối với các quốc gia tiêu biểu.
- CO3: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh, làm việc độc lập, sáng tạo và hợp tác, tìm và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để nâng cao trình độ và hiệu quả học tập, vận dụng những kiến thức về cách mạng công nghiệp thế giới vào nước ta trong giai đoạn công nghiệp hóa hiện nay; kỹ năng học tập suốt đời.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Trình bày được sơ lược các tiền đề của cách mạng công nghiệp, các giai đoạn phát triển của các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới

CLO2: Hiểu được tính chất, đặc trưng của cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đến cuộc cách mạng công nghiệp hiện nay; những điểm chung và những điểm khác nhau giữa các cuộc cách mạng công nghiệp

CLO3: Vận dụng và phân tích, đánh giá một cách sáng tạo các giá trị của các cuộc cách mạng công nghiệp mang lại cho lịch sử loài người. Ý nghĩa của cách mạng công nghiệp đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta hiện nay.

CLO4: Vận dụng, đánh giá một cách sáng tạo vào học tập và nghiên cứu lịch sử, rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh. Vận dụng các kiến thức của học phần trong học tập và nghiên cứu khoa học.

CLO5: Tích cực, chủ động trong nghiên cứu khoa học, học tập lịch sử, có ý thức cập nhật các tri thức khoa học lịch sử; Tôn trọng các giá trị lịch sử của dân tộc và nhân loại. Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau; khoa học trong việc

xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động chuyên môn; có năng lực xây dựng, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục và khả năng học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất Bối cảnh lịch sử Tây Âu sau phong trào cách mạng tư sản Thành tựu về kinh tế, khoa học kĩ thuật Tây Âu giữa thế kỉ XVIII. Những thành tựu cơ bản Cải tiến kĩ thuật trong ngành dệt ở Anh và sự ra đời máy hơi nước Thành tựu trong khai mỏ và luyện kim Thành tựu trong giao thông vận tải và liên lạc Ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất Đối với sự phát triển kinh tế Đối với văn hóa-xã hội	6	7	0	0	0	33
Nội dung 2: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai Bối cảnh lịch sử Tây Âu giữa thế kỉ XIX Thành tựu về kinh tế, khoa học kĩ thuật Tây Âu giữa thế kỉ XIX Những thành tựu cơ bản Cách mạng công nghiệp trong các ngành công nghiệp nặng Thành tựu trong các ngành chế biến và dịch vụ Thành tựu trong giao thông vận tải và liên lạc Ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai Đối với sự phát triển kinh tế Đối với sự phát triển của giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp Quá trình đô thị hoá	6	7	2	0	0	34

Nội dung 3: Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba Bối cảnh lịch sử Thế giới nửa sau thế kỉ XX Thành tựu KHKT nửa sau thế kỉ XX Tự động hoá dựa vào máy tính, thiết bị điện tử Công nghệ thông tin, Internet,... Các lĩnh vực khác Ý nghĩa của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai Đối với sự phát triển kinh tế Đối với văn hóa-xã hội	7	8	2	0	0	34
Nội dung 4: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng 4.0) Bối cảnh lịch sử Thành tựu khoa học công nghệ đầu thế kỉ XXI Những vấn đề kinh tế xã hội thế giới Những thành tựu cơ bản Sự phát triển kĩ thuật số, trí tuệ nhân tạo Công nghệ sinh học và sự phát triển của các công nghệ liên ngành, đa ngành Ý nghĩa của cách mạng công nghiệp lần thứ tư Về kinh tế Về xã hội, văn hoá	8	8	2	0	0	34
Tổng	27	30	6	0	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				

1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%
II. Kiểm tra thường xuyên				30%
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
III. Thi kết thúc học phần				50%
3	Viết	Rubric 4 (<i>đánh giá bài thi viết</i>)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Klaus Schwab, (2019), *Cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, NXB Chính trị quốc gia

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo*

1. Jay Agrand, Joshia Gans, (2020) *All trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0*, NXB lao động.
2. Vũ Dương Ninh (2010), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục.

6.33b. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA HOA KÌ TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY/ FOREIGN POLICY OF THE US AFTER THE SECOND WORLD TODAY

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)
- Mã học phần: 124016
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về: Quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Mỹ, những nội dung cơ bản trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Sự ảnh hưởng chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với quan hệ quốc tế.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản, hệ thống về chính sách đối ngoại của Hoa kỳ và sự tác động chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với quan hệ quốc tế.
- CO2: Người học có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá về chính sách đối ngoại của Hoa kỳ qua các đời Tổng thống và tác động đến quan hệ quốc tế. Có kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu một vấn đề của lịch sử quốc tế.
- CO3: Người học có khả năng nhìn nhận, đánh giá khách quan những tác động tích cực cũng như những hạn chế trong chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Việt Nam. Có thái độ khách quan, khoa học khi nhìn nhận, đánh giá về các vấn đề trong quan hệ quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Trình bày và hiểu được những kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại của Mỹ từ sau chiến tranh thế giới hai đến nay.

CLO2: Người học vận dụng, đánh giá một cách sáng tạo các vấn đề lớn về chính sách đối ngoại của Mỹ và sự tác động chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với quan hệ quốc tế.

CLO3: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử, liên hệ với tình hình giới đang diễn ra. Vận dụng, đánh giá một cách sáng tạo, linh hoạt những bài học trong quan hệ quốc tế vào thực tiễn của Việt Nam, rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh.

CLO4: Có ý thức cập nhật các tri thức khoa học lịch sử; Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau; khoa học trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động chuyên môn; có năng lực xây dựng, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục và khả năng học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	

Chương 1. Giới thiệu môn học, đối tượng nghiên cứu 1.1. Khái niệm 1.2. Đối tượng nghiên cứu của môn học 1.3. Các cơ sở để hoạch định chính sách đối ngoại quốc gia	2					22
Chương 2. Sơ lược lịch sử Hoa Kỳ 2.1. Hoa Kỳ trước thế kỉ XVIII 2.1.1. Hoa Kỳ từ Chiến tranh giành độc lập đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất 2.1.2. Hoa Kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới 2.2. Hoa Kỳ trong thời kỳ Chiến tranh lạnh 2.2.1. Hoa Kỳ hậu Chiến tranh lạnh	3	4	1			22
Chương 3. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trước năm 1945 3.1. Cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại 3.1.1. Các yếu tố khách quan 3.1.2. Cơ sở trong nước: thực lực kinh tế, quân sự... 3.2. Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ thế kỉ XVIII - XIX 3.3. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ từ cuối thế kỉ XIX đến 1914 3.4. Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ từ 1918 đến 1945	5	6	1			22
Chương 4. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ thời kỳ Chiến tranh lạnh 4.1. Cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ 4.1.1. Điều kiện trong nước 4.1.2. Các yếu tố khách quan 4.2. Chiến tranh lạnh và Chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ 4.2.1. Mục tiêu 4.2.2. Kết quả đạt được 4.3. Chính sách đối với đồng minh của Hoa Kỳ 4.3.1. Kế hoạch Marshall 4.3.2. Hình thành các khối quân sự 4.4. Tác động của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với quan hệ quốc tế	5	6	2			23
Chương 5. Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ hậu Chiến tranh lạnh 5.1. Sự kết thúc Chiến tranh lạnh 5.2. Những yếu tố chi phối chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau Chiến tranh lạnh	7	8	1			23

5.2.1. Trong nước 5.2.2. Nước ngoài 5.3. Chính sách đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương 5.4. Đối với đồng minh châu Âu 5.5. Đối với Nga và khu vực Đông Âu 5.6. Đối với khu vực Mỹ Latinh 5.7. Tác động của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đối với trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh						
Chương 6. Quan hệ Việt – Mỹ (3, 3, 1) 6.1. Quan hệ Việt – Mỹ trong lịch sử 6.1.1. Giai đoạn trước 1858 6.1.2. Giai đoạn từ 1858 đến 1945 6.2. Quan hệ Việt – Mỹ từ 1945 đến 1954 6.3. Việt Nam – Mỹ trong chiến tranh (1954-1975) 6.4. Quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Mỹ 6.4.1. Những nhân tố tác động 6.4.2. Cơ sở bình thường hóa quan hệ hai nước 6.5. Quan hệ Việt – Mỹ từ 1995 đến nay 6.5.1. Về an ninh - chính trị 6.5.2. Về thương mại – đầu tư 6.5.3. Về văn hóa – giáo dục	5	6	1			23
Tổng	27	30	6	0	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%
II. Kiểm tra thường xuyên				30%
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3	CLO1	

		(<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO2 CLO3	
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (<i>đánh giá bài thi viết</i>)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1) Thomas J. McCormick (2004). Nước Mỹ nửa thế kỷ: Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau và trong Chiến Tranh lạnh (Bản dịch). Nxb Chính trị QG

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo*

1) Trần Tất Thắng, Quỳnh Hải Hà, Nguyễn Đức Tư (2004), *Tìm hiểu nước Mỹ ngày nay*, Nxb VH-TT.

2) Đỗ Thanh Bình, Văn Ngọc Thành (2012), *Quan hệ quốc tế thời hiện đại những vấn đề mới đặt ra*, Nxb CTQG Hà Nội.

3. Từ Thiên Tân, Lương Chí Minh (2002), *Lịch sử thế giới thời đương đại*. Nxb TP.HCM

6.34. Chọn ½ học phần

6.34 a. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM HƯỚNG NGHIỆP TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ THCS VÀ THPT/ CREATIVE EXPERIENCE ACTIVITIES IN HISTORY TEACHING

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 18 TL, 18 TH)
- Mã học phần: 124029
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Học phần Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông; Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử THCS & THPT; Tổ chức hoạt động DH môn LS THCS & THPT.

1. Mô tả học phần:

Học phần *Các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong DH môn lịch sử* THCS & THPT là học phần tự chọn, thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông (khái niệm; vị trí, vai trò các hoạt động trải nghiệm; các hình thức và biện pháp tổ chức; các bước tiến hành; những lưu ý khi tổ chức...). Trên cơ sở đó, SV vận dụng thực hành tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV trình bày được các vấn đề lý luận liên quan hoạt động trải nghiệm; phân tích vai trò và xác định vị trí các hoạt động trải nghiệm trong việc hình thành năng lực HS khi DH phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT.

- CO2: SV xác định, lựa chọn được nội dung, các hình thức và biện pháp tổ chức; xây dựng được các bước tiến hành và những lưu ý khi tổ chức hoạt động trải nghiệm phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT.

- CO3: Vận dụng những kiến thức chung về lý luận dạy học, lựa chọn hệ thống phương pháp phù hợp thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT.

- CO4: SV phát triển kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hợp tác, giải quyết vấn đề hiệu quả, giao tiếp ứng xử và kỹ năng tự học, tự chủ...

- CO5: Nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong quá trình dạy học; phát triển tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, có ý thức sáng tạo, chủ động trong dạy học...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học nói chung, dạy học Lịch sử nói riêng.

- CLO2: Người học xác định, lựa chọn được nội dung, các hình thức và biện pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm môn Lịch sử ở trường phổ thông

- CLO3: Người học có khả năng lập kế hoạch và tổ chức một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT.

- CLO4: Người học có khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề hiệu quả, chủ động trong các hoạt động dạy học.

- CLO5: Nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong quá trình dạy học; có tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, có ý thức sáng tạo, chủ động trong dạy học...

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Những vấn đề chung về việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở trường THCS 1.1. Các khái niệm liên quan 1.2. Vai trò, vị trí của hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp trong DH Lịch sử 1.3. Các yêu cầu cơ bản khi tổ chức 1.4. Thực trạng tổ chức	3	4				27
Chương 2. Lựa chọn nội dung tổ chức các hoạt động trải nghiệm 2.1. Cơ sở, yêu cầu khi lựa chọn nội dung. 2.1. Xác định những nội dung tổ chức	5	4	1			27
Chương 3. Hình thức, biện pháp tổ chức 2.1. Cơ sở, yêu cầu xác định hình thức, biện pháp tổ chức 2.2. Các hình thức tổ chức 2.3. Một số biện pháp tổ chức	5	4	1			27
Chương 4: Xây dựng quy trình tổ chức 3.1. Những yêu cầu cơ bản khi tiến hành 3.2. Chuẩn bị 3.3. Tổ chức 3.4. Đánh giá, nhận xét hoạt động	7	6	1	4		27
Chương 5. Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT 4.1. Thực hành thiết kế 4.2. Thực hành tổ chức	5	0	1	10		27
Tổng	27	18	4	14		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng công nghệ thông tin, đóng vai, thảo luận, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp dạy học dự án, tích hợp liên môn, thảo luận nhóm với các kỹ thuật dạy học hiện đại như nhóm chuyên gia, kỹ thuật 3-2-1... Đồng thời, chú ý tăng cường các phương pháp tự học đối với SV.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4,5	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp	-Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

[1]. Vũ Tuấn Anh, Đào Trung Thành (2018), Hướng nghiệp 4.0, Nhà xuất bản Thanh niên.

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

[2]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

[3]. Robert J. Marzano (2013), Các phương pháp dạy học hiệu quả, NXB Giáo dục Việt Nam.

[4]. Lê Thị Phương (chủ biên) (2020), *Cẩm nang hướng nghiệp cho học sinh Trung học phổ thông tỉnh Thanh Hóa*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

9.34 b. XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC CÁC DỰ ÁN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ THCS VÀ THPT/ BUILDING AND ORGANIZING HIGH SCHOOL AND HIGH SCHOOL HISTORY LEARNING PROJECTS

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 18 TL, 18 TH)
- Mã học phần: 124034
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Học phần Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông; Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử THCS & THPT; Tổ chức hoạt động DH môn LS THCS & THPT.

1. Mô tả học phần:

Học phần *Xây dựng và tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử THCS và THPT* là học phần tự chọn, thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về việc xây dựng và tổ chức các dự án học tập trong dạy học môn Lịch sử ở trường THCS và THPT nhằm hình thành và phát triển cho SV các năng lực thiết kế, xây dựng, tổ chức các hoạt động trải nghiệm thông qua các dự án học tập, gắn kiến thức lịch sử với thực tiễn cuộc sống, tăng cường tổ chức dạy học liên môn. Đồng thời, phát triển các năng lực chung cần thiết (hợp tác, xử lý tình huống...)

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV trình bày được các khái niệm liên quan hoạt động xây dựng và tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử THCS và THPT; xác định được mục đích và phân tích ý nghĩa của các dự án học tập trong việc hình thành năng lực HS khi DH môn Lịch sử.

- CO2: SV xác định, lựa chọn được nội dung, các hình thức và biện pháp tổ chức; xây dựng được các bước tiến hành và những lưu ý khi tổ chức hoạt động trải nghiệm phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT.

- CO3: Vận dụng những kiến thức chung về lý luận dạy học, lựa chọn hệ thống phương pháp phù hợp thiết kế và tổ chức các dự án học tập trong phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT.

- CO4: SV phát triển kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hợp tác, giải quyết vấn đề hiệu quả, giao tiếp ứng xử và kỹ năng tự học, tự chủ...

- CO5: Nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong quá trình dạy học; phát triển tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, có ý thức sáng tạo, chủ động trong dạy học...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về việc tổ chức các dự án học tập trong dạy học nói chung, dạy học Lịch sử nói riêng.

- CLO2: Người học xác định, lựa chọn được nội dung, các hình thức và biện pháp tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử ở trường phổ thông

- CLO3: Người học có khả năng lập kế hoạch và tổ chức một số dự án học tập trong dạy học phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT.

- CLO4: Người học có khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề hiệu quả, chủ động trong các hoạt động dạy học.

- CLO5: Nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của việc tổ chức các dự án học tập trong quá trình dạy học; có tinh yêu và trách nhiệm đối với nghề, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, có ý thức sáng tạo, chủ động trong dạy học...

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Những vấn đề chung trong xây dựng và tổ chức các dự án học tập môn Lịch sử THCS và THPT (2TL; 4TL) 2.1. Các khái niệm liên quan 2.2. Mục đích hoạt động 2.3. Ý nghĩa của hoạt động 2.4. Các yêu cầu cơ bản khi thiết kế, tổ chức 2.5. Thực trạng vấn đề	3	4				27
Chương 2. Lựa chọn nội dung tổ chức các dự án học tập 2.1. Cơ sở, yêu cầu khi lựa chọn nội dung. 2.1. Xác định những nội dung tổ chức	5	4	1			27
Chương 3. Hình thức, biện pháp tổ chức 2.1. Cơ sở, yêu cầu xác định hình thức, biện pháp tổ chức 2.2. Các hình thức tổ chức 2.3. Một số biện pháp tổ chức	5	4	1			27
Chương 4: Xây dựng quy trình tổ chức	7	6	1	4		27

3.1. Những yêu cầu cơ bản khi tiến hành						
3.2. Chuẩn bị						
3.3. Tổ chức						
3.4. Đánh giá, nhận xét hoạt động						
Chương 5. Thực hành thiết kế và tổ chức các dự án học tập trong dạy học phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT	5	0	1	10		27
4.1. Thực hành thiết kế						
4.2. Thực hành tổ chức						
Tổng	27	18	4	14		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng đồ dùng trực quan, sử dụng công nghệ thông tin, đóng vai, thảo luận, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp dạy học dự án, tích hợp liên môn, thảo luận nhóm với các kĩ thuật dạy học hiện đại như nhóm chuyên gia, kĩ thuật 3-2-1... Đồng thời, chú ý tăng cường các phương pháp tự học đối với SV.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO,2,3,4	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,4,5	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp	-Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:***

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

*** *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:***

[2]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

[3]. Robert J. Marzano (2013), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, NXB Giáo dục Việt Nam.

6.35. Chọn ½ học phần

6.35a. CÁC CUỘC CẢI CÁCH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM/ *THE REFORMATION IN VIETNAM HISTORY*

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)

- Mã học phần: 124052

- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử

- Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung học phần: Nội dung gồm những kiến thức toàn diện cơ bản, có hệ thống về các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam. Các vấn đề chủ yếu: Quá trình xây dựng và hoàn chỉnh nhà nước, pháp luật PK; sự phát triển kinh tế, các thành tựu văn hóa xã hội, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nhớ và hiểu được diễn biến, tiến trình các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam. Phân tích, đánh giá một cách sáng tạo nguyên nhân, kết quả, ý nghĩa lịch sử của các cuộc cải cách.

- CO2: Người học có kỹ năng nhận biết đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử. Biết vận dụng, liên hệ những bài học lịch sử từ quá khứ đến hiện tại.

- CO3: Biết trân trọng những nhân vật góp phần làm nên lịch sử của dân tộc. Thấy được các bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Có khả năng tự phân tích vấn đề, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Người học nhớ và hiểu được bối cảnh, nội dung, kết quả các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam, các nhận thức lý luận cơ bản về cách mạng, cải cách, đổi mới.

CLO2: Người học vận dụng, phân tích, đánh giá một cách sáng tạo về ý nghĩa, tác động của các cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam.

CLO3: Người học có kỹ năng tổng hợp, phân tích, khái quát; có kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu một vấn đề của lịch sử.

CLO4: Tích cực, chủ động trong nghiên cứu khoa học, học tập lịch sử, có ý thức cập nhật các tri thức khoa học lịch sử; Tôn trọng các giá trị lịch sử của dân tộc và nhân loại. Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và trách nhiệm cao; có khả năng thích nghi với những môi trường làm việc khác nhau; khoa học trong việc xây dựng kế hoạch học tập và hoạt động chuyên môn; có năng lực xây dựng, đánh giá và cải tiến các hoạt động giáo dục và khả năng học tập suốt đời.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: Cải cách, đổi mới, cách mạng, nhận thức lý luận. 1. Cách mạng 2. Cải cách 3. Đổi mới	1	1	0	0	0	11
Nội dung 2: Mười cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam <i>1. Cải cách của học Khúc với sự nghiệp giành độc lập dân tộc thế kỉ X.</i>	3	3	0	0	0	11

1.1. Thời điểm lịch sử thực hiện cải cách 1.2. Nhân vật lịch sử thực hiện cải cách 1.3.. Thực hiện cải cách để củng cố độc lập, phát triển đất nước 1.4.Thành công và hệ quả lâu dài của cải cách 2. <i>Sự nghiệp đổi mới của Lý Công Uẩn đổi mới triều đại – đổi mới đế đô – đổi mới xã hội.</i> 2.1. Thời điểm lịch sử của sự nghiệp “đổi mới” 2.2. Nhân vật lịch sử thực hiện đổi mới 2.3. Ba sự nghiệp đổi mới: a. Đổi mới triều đại b. Đổi mới đế đô c. Đổi mới xã hội						
Nội dung 3: Trần Thủ Độ: Đổi mới xã hội củng cố vương triều - chiến thắng ngoại xâm. 1. <i>Thời điểm lịch sử</i> 1.1. Khủng hoảng cung đình 1.2. Khủng hoảng xã hội 1.3. Ngoại xâm tàn phá, quấy rối biên cương 2. <i>Nhân vật lịch sử thực hiện đổi mới</i> 3. <i>Nội dung và thành tựu đổi mới</i> 3.1.Đổi mới vương triều 3.2.Đổi mới cơ chế quản lý xã hội 3.3. Đổi mới về kinh tế 3.4.Đổi mới văn hóa 4. <i>Nhận xét đánh giá</i>	3	3	0	0	0	11
Nội dung 4: Cải cách xã hội của Hồ Quý Ly – thành công và hạn chế. 1. <i>Những tiền đề yêu cầu phải cải cách:</i> 1.1. Tiền đề bên ngoài 1.2. Mâu thuẫn sâu sắc bên trong: - Mâu thuẫn trong cơ cấu xã hội - Khủng hoảng hệ tư tưởng phong kiến và thiết chế chính trị 2. <i>Vị thế xã hội của Hồ Quý Ly và thời điểm lịch sử tiến hành cải cách</i> 3. <i>Nội dung cải cách của Hồ Quý Ly</i> 3.1. Đổi mới triều đại, giải quyết khủng hoảng cung đình	2	3	1	0	0	11

3.2. Cải cách thiết chế chính trị - xã hội và hệ tư tưởng phong kiến 3.3. Cải cách kinh tế - xã hội: - Cải cách quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất, chủ yếu là quan hệ ruộng đất bằng chính sách “hạn điền” - Cải cách quan hệ sở hữu sức lao động bằng biện pháp “ hạn nô” - Cải cách tiền tệ - phát hành tiền giấy - Cải cách về văn hóa – giáo dục - Cải cách về quân sự 4. Một vài suy nghĩ về nguyên nhân mất nước 4.1 Hạn chế khách quan 4.2 hạn chế chủ quan						
Nội dung 5: Cải cách hành chính thời Lê Thánh Tông – xây dựng một nhà nước phong kiến thịnh trị. 1. Yêu cầu lịch sử phải tiến hành cải cách 1.1. Bối cảnh lịch sử 1.2. Những yếu kém về quản lý xã hội và tiền đề về kinh tế 1.3. Tiền đề bên ngoài 2. Nội dung cải cách 2.1. Trước tiên là việc phân cấp quản lý đất đai 2.2. Nhiệm vụ trung tâm của cải cách là xây dựng cho được một cơ cấu tổ chức hành chính, đáp ứng được yêu cầu độc lập, tự chủ và phát triển đất nước. 2.3. Xây dựng đội ngũ quan lại có chất lượng tốt trong bộ máy hành chính. 2.4. Định rõ qui tắc vận hành của bộ máy hành chính, qui chế phẩm phục triều nghi và ban hành hình luật. 2.5. Về văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa cử.	3	3	1	0	0	13
Nội dung 6: Đào Duy Từ - Đổi mới vị thế của mình để góp phần đổi mới xã hội. 1. Tìm đường lập thân trước một xã hội khủng hoảng, trì trệ.	3	3	0	0	0	13

2. Đào Duy Từ góp phần đổi mới xã hội Đàng Trong – dựng xây nên một nửa phần rất năng động của đất nước. 3. Thành tựu cụ thể. 4. Nhận xét đánh giá.						
Nội dung 7: Cải cách tài chính của Trịnh Cương (1716 - 1729). Một giải pháp tình thế có hiệu lực. 1. Bối cảnh lịch sử của việc tiến hành cải cách. 2. Nhân vật lịch sử thực hiện cải cách. 2.1. Điều đáng quý nhất là tinh thần “quyết đoán”, “dám khẳng định quyền uy của mình” để thực hiện cải cách. 2.2. Phẩm chất thứ hai là có tác phong sâu sát, có đức tính chăm chỉ, cần mẫn. 2.3. Phẩm chất thứ ba là quý trọng nhân tài, biết dùng người giỏi. 3. Nội dung Cải cách tài chính (1716 – 1729) 3.1. Xoá bỏ phép “Bình lệ” 3.2 Định phép chia đều thuế khóa và tạp dịch cho cả đình và điền 3.3. Đánh thuế ruộng tư 3.4. Thu thuế khai thác 3.5. Giảm bớt viên chức để giảm chi lương bổng 3.6. Thi hành phép đánh thuế tô, dung, điệu 3.7. Đặt thêm sở tuần ti ở các trấn để tận thu thuế thương nghiệp 3.8. Thu thuế các loại thổ sản khác, ngoài quế, đồng và muối (đã nói) 3.9. Thu thuế đất ở đô thị 3.10. Định ra các thể lệ giảm, miễn thuế 4. Thành quả của cải cách	3	3	1	0	0	13
Nội dung 8: Cải cách hành chính của Minh Mệnh – Thành công và hạn chế. 1. Những tiền đề dẫn tới cải cách 2. Quá trình và phương châm, phương pháp thực hiện cải cách 2.1. Củng cố hệ tinh thần Khổng Giáo, Tống Nho	2	3	0	0	0	13

2.2. Cải cách việc phân chia địa giới hành chính và các cấp bậc hành chính 3. <i>Nội dung và thành tựu của cuộc cải cách</i> 3.1. Cải cách bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương 3.2 Hiệu lực của bộ máy hành chính sau cải cách + Ở cấp trung ương + Giữa trung ương với các địa phương + Quyền giám sát của Kinh lược đại sứ 4. <i>Những hạn chế của cải cách</i> 4.1. Hạn chế thứ nhất và cơ bản nhất là không thay đổi được tư duy. 4.2. Hạn chế thứ hai là chú trọng củng cố vương quyền hơn là cải thiện dân sinh. 4.3. Tư tưởng củng cố đế nghiệp phong kiến đã lỗi thời trước yêu cầu phải mở cửa nhìn rộng ra thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây. 4.4. Kết luận chung						
Nội dung 9: Tư duy cải cách của Nguyễn Trường Tộ - Tư duy đổi mới của thế kỉ XIX. 1. <i>Thời điểm ra đời của “tư duy cải cách Nguyễn Trường Tộ”</i> 2. <i>Con người Nguyễn Trường Tộ với tư cách nhà đề xướng cải cách</i> 2.1. Nguyễn Trường Tộ - một trí thức bình dân thông minh, ham học 2.2. Nguyễn Trường Tộ - một nhà yêu nước giàu lòng tự tôn, tự hào dân tộc, có tinh thần dũng cảm, dám nói, dám làm 2.3. Nguyễn Trường Tộ - một nhà yêu nước không màng công danh, phú quý, đặt chữ “trung” lên trên chữ “hiếu” 2.4. Nguyễn Trường Tộ - một nhà cải cách đi từ đổi mới tư duy đến đổi mới hành động 3. <i>Cống hiến của Nguyễn Trường Tộ đối với dân tộc</i> 3.1. Coi trọng phát triển lực lượng sản xuất xã hội	2	2	1	0	0	13

3.2. Phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ, đặc biệt coi trọng việc chuyển giao công nghệ						
Nội dung 10: Phong trào đổi mới đầu thế kỷ XX – Những cống hiến mới vào tiến bộ xã hội. <i>1. Thời điểm lịch sử</i> <i>2. Phong trào đổi mới</i> 2.1. Phan Bội Châu với Duy Tân Hội – Phong trào Đông Du – Việt Nam Quang Phục Hội 2.2. Phan Châu Trinh với cao trào đấu tranh đòi cải cách 2.3. Lương Văn Can với phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (3/1907-12/1907) 2.4. Huỳnh Thúc Kháng với cuộc vận động cải lương yêu nước – tiếp nối phong trào Duy Tân đầu thế kỷ <i>3. Những cống hiến vào phong trào đổi mới của HuỳnhThúc Kháng.</i> 3.1. Đổi mới tư duy biểu hiện trong hoạt động cải lương yêu nước 3.2. Cải mới trong biện pháp hành động 3.3. Quan điểm của ĐCSVN với Huỳnh Thúc Kháng từ 1930-1946	2	3	1	0	0	13
Nội dung 11. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng – Đại hội mở đầu cho thời kỳ đổi mới. <i>1. Đại hội – một Diên Hồng dựng nước</i> <i>2. Đại hội thành công về đổi mới tư duy</i> <i>3. Đại hội – sự bàn giao thế hệ</i> <i>4. Đại hội - mở đầu cho nấc thang mới của thời kỳ quá độ</i>	2	2	0	0	0	13
Nội dung 12. Mấy vấn đề về thực hiện công nhân – nông dân – trí thức - văn hóa – nhà nước. <i>1. Công nhân ta trong đổi mới</i> <i>2. “Dân chủ và kỷ cương”, “ổn định và phát triển” trong đổi mới nông thôn</i> <i>3. Trí thức Việt Nam và “vận động trí thức” trong đổi mới</i>	3	1	1	1	0	13

4. Xây dựng con người văn hoá Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới						
5. Đổi mới cơ cấu xã hội, bổ sung thiết chế xã hội góp phần làm lành mạnh tổ chức của Đảng, cơ chế của Nhà nước						
Tổng	27	30	6	0	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%
II. Kiểm tra thường xuyên				30%
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (đánh giá bài kiểm tra)	CLO1 CLO2 CLO3	
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

[1]. Văn Tạo (2006), Mười cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam, Nxb Đại học Sư Phạm.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

[2]. Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn, Trương Hữu Quýnh (2000), Đại cương Lịch sử Việt Nam, Nxb Giáo dục, HN.

[3]. Đinh Xuân Lâm (CB), Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập II (1858 - 1945), Nxb Giáo dục, HN.

6.35b. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 – August revolution 1945

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)
- Mã học phần: 124075
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức về cuộc vận động cách mạng tháng Tám năm 1945 của dân tộc như: Những chuyển biến của thời cuộc trong chiến tranh thế giới thứ hai; chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược của Đảng; quá trình chuẩn bị trực tiếp cho cách mạng tháng Tám; động thái của các lực lượng chính trị trong và ngoài nước; bước phát triển của phong trào cứu quốc sau Nhật đảo chính Pháp và đặc điểm cách mạng tháng Tám.

2. Mục tiêu học phần

-CO1: Người học nhớ và hiểu được những nội dung kiến thức cơ bản như: động thái của các lực lượng chính trị trong và ngoài nước, con đường dẫn đến sự kiện Nhật đảo chính Pháp và sự phát triển nhảy vọt của phong trào cứu quốc, cuộc đấu tranh ngoại giao trong CM tháng Tám. từ đó biết vận dụng, phân tích, đánh giá một cách sáng tạo diễn trình, đặc điểm, tính chất của cách mạng tháng Tám.

- CO2: Người học có kỹ năng trình bày hoặc giảng dạy các nội dung về nguyên nhân, diễn biến, kết quả, phân tích vấn đề thời cơ trong cách mạng tháng Tám.

- CO3: Người học nhận thức được vai trò, vị trí của cách mạng tháng Tám trong tiến trình phát triển của đất nước; từ đó góp phần xây dựng thế giới quan khoa học, biết quý trọng và gìn giữ các giá trị truyền thống của dân tộc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học nhớ và hiểu được nội dung kiến thức cơ bản như: tổng quan tình hình nghiên cứu vấn đề cách mạng tháng Tám, và cách thức tiếp cận, quá trình vận động lịch sử trong nước và quốc tế, đặc điểm giành chính quyền ở Bắc, Trung và Nam Kỳ.

- CLO2: Người học vận dụng, phân tích, đánh giá một cách sáng tạo động thái của các lực lượng chính trị trong và ngoài nước, con đường dẫn đến sự kiện Nhật đảo chính Pháp và sự phát triển nhảy vọt của phong trào cứu quốc, đặc điểm, tính chất của cách mạng tháng Tám.

- CLO3: Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn giảng dạy, nghiên cứu, học tập về cách mạng tháng Tám nói riêng, lịch sử Việt Nam cận đại nói chung; kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá nhân vật, sự kiện, hiện tượng lịch sử.

- CLO4: Người học có lập trường tư tưởng vững vàng, nhận thức về tầm vóc thời đại của cách mạng tháng Tám, sự lãnh đạo tài tình của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và vai trò to lớn của quần chúng nhân dân, biết trân trọng, tự hào về những giá trị lịch sử dân tộc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu vấn đề, nguồn tài liệu và phương pháp luận 1.1. Tình hình nghiên cứu vấn đề 1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước 1.1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước 1.2. Nguồn tài liệu và phương pháp luận 1.2.1. Nguồn tài liệu 1.2.2. Phương pháp luận	6	6				33
Nội dung 2. Sự chuyển biến thời cuộc và động thái của các tầng lớp, đảng phái chính trị trước 9/3/1935	6	7	2			34

2.1.Những chuyển biến của thời cuộc 2.1.1.Tình hình thế giới và khu vực 1.2.2.Chính sách thống trị của thực dân Pháp và quân đội Nhật Bản đối với nhân dân Việt Nam 2.2.Tình cảnh, thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp xã hội 2.1.1.Tình cảnh, thái độ chính trị của các tầng lớp nhân dân 2.2.2.Thái độ chính trị của các lực lượng thân Pháp, thân Nhật 2.3. Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng và quá trình chuẩn bị lực lượng 2.3.1. Chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng 2.3.2. Quá trình chuẩn bị lực lượng						
Nội dung 3. Bước phát triển của phong trào cứu quốc và động thái của các lực lượng chính trị sau 9/3/1945 3.1.Cuộc đảo chính quân đội Nhật và sự phát triển của phong trào cứu quốc 3.1.1.Cuộc đảo chính quân đội Nhật 3.1.2.Sự phát triển của phong trào cứu quốc 3.2.Động thái của các lực lượng chính trị sau 9.3.1945 3.2.1.Một số cường quốc 3.2.2.Nội các Trần Trọng Kim 3.2.3.Cuộc đấu tranh ngoại giao của Mặt trận Việt Minh	6	8	2			34
Nội dung 4. Tổng khởi nghĩa, đặc điểm cách mạng tháng Tám	9	9	2			34

4.1. Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 4.1.1. Yếu tố thời cơ trong cách mạng tháng Tám 4.1.2. Hình thái diễn biến trong cách mạng tháng Tám 4.1.3. Tuyên ngôn độc lập và sự ra đời nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa 4.2. Đặc điểm cách mạng tháng Tám 4.2.1. Tính dân tộc và dân chủ 4.2.2. Tính nhân dân						
Tổng	27	30	6			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Điểm chuyên cần và tham gia thảo luận.				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%
II. Kiểm tra thường xuyên				30%
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2, CLO3 CLO4,	
III. Thi kết thúc học phần				
3	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1	50%

			CLO2 CLO3 CLO4	
	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

[1]. Văn Tạo (CB), *Cách mạng tháng Tám một số vấn đề lịch sử*, Nxb KHXH, HN

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

[2]. Trần Hữu Đính (2000), *Cách mạng tháng Tám năm 1945 những sự kiện lịch sử*, Nxb KHXH, HN.

6.36. TỔ CHỨC KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ THCS & THPT

- Số tín chỉ: 04 (36 LT, 24 TL, 24 TH)
- Mã học phần: 124056
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Học phần Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông; Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động DH môn LS ở trường PT

1. Mô tả học phần

Học phần *Tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực HS* là học phần bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về việc tổ chức kiểm tra đánh

giá theo hướng phát triển năng lực HS trong dạy học môn Lịch sử THCS và THPT (vị trí, vai trò của việc KTĐG trong DH nói chung và DHLS nói riêng; những yêu cầu khi tổ chức, các hình thức và biện pháp tổ chức, những lưu ý khi tổ chức KTĐG ...). Trên cơ sở đó, SV vận dụng thực hành tổ chức các hoạt động kiểm tra đánh giá trong DH môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV trình bày được những vấn đề cơ bản về việc tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực HS trong dạy học phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT (vị trí, vai trò của việc kiểm tra đánh giá trong dạy học nói chung và dạy học Lịch sử nói riêng; các yêu cầu, nguyên tắc khi tổ chức kiểm tra đánh giá...)

- CO2: SV nêu được các loại hình, hình thức kiểm tra đánh giá và phân tích được ưu nhược điểm của các loại hình, hình thức sử dụng trong dạy học Lịch sử .

- CO3: SV đề xuất được các biện pháp và xây dựng quy trình tổ chức, công cụ sử dụng trong KTĐG trong phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT.

- CO4: SV phát triển các kĩ năng KTĐG trong dạy học; vận dụng lý luận vào thực hành xây dựng kế hoạch và tổ chức KTĐG trong phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT; kĩ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy hiệu quả, tự học...

- CO5: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của KTĐG trong quá trình dạy học; rèn luyện tính khách quan, khoa học, có kế hoạch cụ thể, rõ ràng; phát triển tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp, tích cực đổi mới phương pháp dạy học và KTĐG...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về việc tổ chức kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực HS trong dạy học phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức lý luận dạy học xây dựng kế hoạch, các biện pháp, quy trình, công cụ sử dụng... trong KTĐG phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT.

- CLO3: Vận dụng các vấn đề lý luận về KTĐG tổ chức tiến hành các hình thức, loại hình KTĐG phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT.

- CLO4: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của KTĐG trong quá trình dạy học; có tính khách quan, khoa học, có kế hoạch cụ thể, rõ ràng; phát triển tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp, tích cực đổi mới phương pháp dạy học và KTĐG...

- CLO5: Phát triển năng lực xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học ở trường phổ thông; năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề hiệu quả trong quá trình tổ chức DH...

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề chung về KTĐG trong DH Lịch sử ở trường PT 1.1. Những khái niệm liên quan 1.2. Mục đích 1.3. Vị trí, ý nghĩa 1.4. Những yêu cầu đối với việc KTĐG 1.5. Đổi mới trong KTĐG	5	4				22
Chương 2: Các loại hình, nội dung, hình thức KTĐG trong DH Lịch sử 2.1. Những cơ sở khi lựa chọn loại hình, nội dung, hình thức KTĐG 2.2. Các loại hình 2.3. Nội dung KTĐG 2.4. Hình thức	7	4	1			22
Chương 3: Phương pháp và kỹ thuật KTĐG trong dạy học Lịch sử 3.1. Cơ sở lựa chọn phương pháp và kỹ thuật KTĐG 3.2. Các phương pháp KTĐG 3.3. Một số kỹ thuật KTĐG	7	4	2	4		22
Chương 4: Công cụ và quy trình tổ chức KTĐG 3.1. Những cơ sở khi lựa chọn công cụ và xây dựng quy trình 3.2. Công cụ KTĐG	7	4	1	4		23

3.3. Xây dựng quy trình KTĐG						
Chương 5: Tổ chức KTĐG trong DH phân môn Lịch sử ở trường THCS 5.1. Xây dựng kế hoạch 5.2. Thiết kế công cụ đánh giá 5.3. Thực hành tổ chức hoạt động KTĐG	5	4	2	5		23
Chương 6: Tổ chức KTĐG trong DH môn Lịch sử ở trường THPT 5.1. Xây dựng kế hoạch 5.2. Thiết kế công cụ đánh giá 5.3. Thực hành tổ chức hoạt động KTĐG	5	4	1	5		23
Tổng	36	24	6	18		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng công nghệ thông tin, thảo luận, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm với các kỹ thuật dạy học hiện đại như nhóm chuyên gia, bể cá, mảnh ghép, theo góc, kỹ thuật 3-2-1... Đồng thời, chú ý tăng cường các phương pháp tự học đối với SV.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO 2,3,5	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3,5	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3,5	20%
III	Thi cuối kì			

	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%
--	---------	----------------	--------------	-----

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

[1]. Nguyễn Công Khanh chủ biên (2016) *Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, Nxb Đại học sư phạm

**Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo:*

[1]. Sái Công Hồng (2020), *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học*, Nxb Đại học Quốc gia

[2]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

6.37. THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 1/PROFESSIONAL 1

- Số tín chỉ: 2 (5 LT, 0 TL, 45 TH)

- Mã học phần: 124310

- Bộ môn phụ trách: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử VN từ nguyên thủy đến năm 1858

1. Mô tả học phần

Thực tế chuyên môn Lịch sử Việt Nam 1 là đợt học tập thực tế giúp sinh viên Lịch sử có điều kiện tiếp xúc với những kiến thức thực tế, những bài học lịch sử, văn hóa sinh động và giàu sức thuyết phục ở các tỉnh, thành phố phía Bắc. Thông qua chuyến đi, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Lịch sử, các phương pháp nghiên cứu, sưu tầm và khai thác tư liệu lịch sử. Trong quá trình thực hiện chuyến thực tế

tại Ninh Bình, Hà Nội, Phú Thọ, Tuyên Quang, Lạng Sơn, và phụ cận, viết báo cáo thực địa

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản nhất về đất nước, con người, các di sản văn hoá Việt Nam qua việc học tập tại thực tế ở một số địa danh lịch sử, văn hoá tiêu biểu (di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng, các bảo tàng...) ở một số tỉnh phía bắc, qua đó củng cố kiến thức về Lịch sử Việt Nam đã học. Hiểu và phân tích được một số đặc điểm về các nhân vật, di tích lịch sử gắn với các giai đoạn phát triển của lịch sử Việt Nam.

CO3: Hoàn thiện kỹ năng học và tự học, tự nghiên cứu. Cách tìm kiếm, xử lý các nguồn tư liệu, kinh nghiệm điền dã cần thiết cho học tập, năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo về một vấn đề lịch sử một cách khách quan, khoa học.

CO4: Có thái độ nghiêm túc trong quá trình tham gia thực tế và trung thực trong viết báo cáo thu hoạch; Có tinh thần cầu thị trong việc lĩnh hội kiến thức cơ sở khoa học chuyên ngành.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Cung cấp kiến thức cơ bản nhất về đất nước, con người, các di sản lịch sử, văn hoá Việt Nam qua việc học tập tại thực tế ở một số địa danh lịch sử, văn hoá tiêu biểu.

- CLO2: Hiểu và phân tích được một số đặc điểm về các nhân vật, di tích lịch sử ở một số tỉnh phía bắc gắn với các giai đoạn phát triển của lịch sử Việt Nam.

- CLO3: Hoàn thiện kỹ năng tiếp cận vấn đề, giải quyết vấn đề một cách khoa học. Tìm kiếm, xử lý các nguồn tư liệu thực tế, kinh nghiệm điền dã cần thiết cho học tập nghiên cứu. Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống, kỹ năng tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo một cách khách quan, khoa học.

- CLO4: Có khả năng tự định hướng, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch thực tế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Làm các công tác tổ chức (phân nhóm, đoàn,...), chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đợt thực tế 1.1. Công tác tổ chức chung.	3					5

1.2. Chuẩn bị phương tiện đi thực tế, điều kiện nghỉ ngơi cho toàn đợt thực tế. 1.3. Dự trù kinh phí cho mỗi sinh viên: 1.4. Phối hợp với Quản lý SV, CVHT, ban cán sự lớp chuẩn bị cơ sở vật chất cho đợt thực tế 1.5. Các vấn đề cần chú ý khi đi thực tế:						
Nội dung 2: Tập huấn các nội dung cần thiết phục vụ cho đợt thực tế 2.1. Giới thiệu và nêu các nhiệm vụ của sinh viên: 2.2. Giới thiệu các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho đợt thực tế 2.3. Tập huấn các nội dung thiết yếu phục vụ cho đợt thực tế 2.4. Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch thực tế.	2					5
Nội dung 3: Phần hướng dẫn cho sinh viên các hoạt động thực tế Phạm vi học tập thực tế: Các điểm học tập thực tế tại các tỉnh phía Bắc (Từ Thanh Hoá đến Ninh Bình -Quảng Ninh-Lạng Sơn -Phú Thọ-Vĩnh Phúc-Hà Nội) với các điểm chính như sau: *Về Lịch Sử Việt Nam: - Tỉnh Ninh Bình: Tam Cốc Bích Động, Chùa Bái Đính, Cổ đô Hoa Lư, Nhà Thờ Đá Phát Diệm... - Hà Nội: Học tập tại Quốc Tử Giám, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Chùa Một Cột, Chùa Quán Sứ, Chùa Hương, Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh... - Tỉnh Phú Thọ: Học tập tại Đền Hùng, Bảo tàng Phú Thọ, Bảo tàng Hùng Vương... - Tỉnh Tuyên Quang: Học tập tại đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào, Bảo tàng Tân Trào, lán Nà Lừa... - Tỉnh Lạng Sơn: Cửa khẩu Lạng Sơn, Đồng Đăng - Kỳ Lừa, chùa Tam Thanh, Nhị Thanh... - Tỉnh Lạng Sơn: Học tập tại Thành nhà Mạc, Tam Thanh, Nhị Thanh, Bảo tàng Lạng Sơn.				30		60
Nội dung 4: Tổng hợp, phân tích tài liệu tham quan, khảo sát				5		5

- Sắp xếp nguồn tài liệu qua nhật kí thực tế, tài liệu thu thập và tham khảo theo từng đơn vị hành chính mà đoàn đã đi thực tế . - Đối chiếu, so sánh các nguồn thông tin thu thập được						
Nội dung 5: Viết báo cáo thực tế Báo cáo viết trong khoảng 20 trang, không kể phần tranh ảnh (nên đưa bản đồ, lược đồ, sơ đồ vào báo cáo thực tế, hạn chế đưa tranh ảnh vào báo cáo)				10		15
Tổng	2	0		48		90

5. Phương pháp dạy - học

Kết hợp các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp học tập ngoài trời, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,4	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,3,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2,3	
Thi cuối kì (01)				50%
1	Viết bài thu hoạch toàn chuyến thực địa	Rubric viết	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy định thực tế

- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các buổi đi thực tế
- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra GK.

- Báo cáo được đánh máy hoặc viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài làm, mỗi SV viết một báo cáo thực tế để nộp thay thế thi cuối kỳ.

- Chuẩn bị bài trước khi đi thực địa theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến trong quá trình đi thực địa.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/ Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. GS. Trương Hữu Quýnh, GS Đinh Xuân Lâm, PGS.TS Lê Mậu Hãn (2010), Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập, Nxb GDVN, HN.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Quang Ngọc (Cb) (2001), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD HN

2. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 2: 1858-1945, Nxb GD, HN.

6.38. THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 2 / ECONOMIC - SOCIAL SURVEY

- Số tín chỉ: 02 (5 LT; TL; 45 TH)

- Mã học phần: 125049

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử

- Học phần: Tự chọn

- Điều kiện tiên quyết: LS VN từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần

Thực tế chuyên môn 2 là đợt học tập thực tế giúp sinh viên Lịch sử có điều kiện tiếp xúc với những kiến thức thực tế, những bài học lịch sử, văn hóa sinh động và giàu sức thuyết phục ở các tỉnh, thành phố Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam. Thông qua chuyến đi, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về chuyên ngành Lịch sử, các phương pháp nghiên cứu, sưu tầm và khai thác tư liệu lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Học phần cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản nhất về đất nước, con người, các di sản văn hoá Việt Nam qua việc học tập tại thực tế ở một số địa danh lịch sử, văn hoá tiêu biểu ở các tỉnh, thành phố Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam. Hiểu và phân tích được một số đặc điểm về các giai đoạn phát triển của lịch sử Việt Nam.

CO3: Hoàn thiện kỹ năng học và tự học, tự nghiên cứu. Cách tìm kiếm, xử lý các nguồn tư liệu, kinh nghiệm điền dã cần thiết cho học tập, nghiên cứu. Năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo về một vấn đề lịch sử một cách khách quan, khoa học.

CO4: Có thái độ nghiêm túc trong quá trình tham gia thực tế và trung thực trong viết báo cáo thu hoạch; Có tinh thần cầu thị trong việc lĩnh hội kiến thức cơ sở khoa học chuyên ngành.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Cung cấp kiến thức cơ bản nhất về đất nước, con người, các di sản lịch sử, văn hoá Việt Nam qua việc học tập tại thực tế ở một số địa danh, bảo tàng tiêu biểu ở các tỉnh, thành phố Nghệ An, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam.

- CLO2: Hiểu và phân tích, đánh giá một cách sáng tạo được một số đặc điểm về các nhân vật lịch sử, giai đoạn lịch sử ở một số tỉnh miền trung gắn với các giai đoạn phát triển của lịch sử Việt Nam.

- CLO3: Hoàn thiện kỹ năng tìm kiếm, xử lý các nguồn tư liệu thực tế, kinh nghiệm điền dã cần thiết cho học tập nghiên cứu. Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp, khái quát và vận dụng kiến thức đang học vào cuộc sống, kỹ năng tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo một cách khách quan, khoa học.

- CLO4: Có khả năng tự định hướng, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch thực tế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Công tác tổ chức (phân nhóm, đoàn,...), chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho đợt thực tế 1. Công tác tổ chức chung. 2. Chuẩn bị phương tiện đi thực tế, điều kiện nghỉ ngơi cho toàn đợt thực tế. 3. Dự trù kinh phí cho mỗi sinh viên. 4. Phối hợp với Quản lí SV,CVHT, ban cán sự lớp chuẩn bị cơ sở vật chất. 5. Các vấn đề cần chú ý khi đi thực tế.	3					5
Nội dung 2: Tập huấn các nội dung cần thiết phục vụ cho đợt thực tế 1. Giới thiệu và nêu các nhiệm vụ của SV. 2. Giới thiệu các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho đợt thực tế. 3. Tập huấn các nội dung thiết yếu phục vụ cho đợt thực tế.	2					5

4. Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch thực tế.						
Nội dung 3: Thực hành, thực tế - Tỉnh Nghệ An: Nghe báo cáo và thu thập tài liệu tại quê Bác (làng Sen - Kim Liên - Nam Đàn - Nghệ An) - Tỉnh Quảng Trị: Nghe báo cáo và thu thập tài liệu tại Nghĩa trang Trường Sơn, Thành cổ Quảng Trị, cầu Hiền Lương, sông Bến Hải... - Tỉnh Thừa Thiên - Huế: Nghe báo cáo và thu thập tài liệu của Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế, tham quan các Di sản văn hoá thế giới Cố đô Huế Đại Nội, Lăng Minh Mạng, Lăng Tự Đức, Lăng Khải Định, Chùa Thiên Mụ, Bảo tàng tổng hợp Huế, Chợ Đông Ba, Cầu Tràng Tiền, Trường Quốc học Huế. - TP Đà Nẵng: Nghe báo cáo và thu thập tài liệu tại làng nghề chạm khắc đá Ngũ Hành Sơn, Bán đảo Sơn Trà , Bảo tàng điêu khắc Chăm ... - Tỉnh Quảng Nam: Nghe báo cáo và thu thập tài liệu tại di sản văn hoá thế giới - Thánh địa Mỹ Sơn, Phố cổ Hội An...				30		60
Nội dung 4: Tổng hợp, phân tích tài liệu tham quan, khảo sát - Sắp xếp nguồn tài liệu qua nhật ký thực tế, tài liệu thu thập và tham khảo theo từng đơn vị hành chính mà đoàn đã đi thực tế . - Đối chiếu, so sánh các nguồn thông tin thu thập được				5		5
Nội dung 5: Viết báo cáo thực tế Báo cáo viết trong khoảng 20 trang, không kể phần tranh ảnh (nên đưa bản đồ, lược đồ, sơ đồ vào báo cáo thực tế, hạn chế đưa tranh ảnh vào báo cáo)				10		15
Tổng	2	0		48		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (0)				
Kiểm tra giữa kỳ (0)				
Viết báo cáo thực tế (01)				
1	Báo cáo thực tế	Rubric báo cáo	CLO1,2,3,4,5	100%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy định thực tế
- Báo cáo được đánh máy hoặc viết bằng tay, sạch sẽ, rõ ràng. Được tham khảo các tư liệu đã giới thiệu ở trên hay các website để hoàn chỉnh bài làm, mỗi SV viết một báo cáo thực tế để nộp
- Chuẩn bị bài trước khi đi thực địa theo hướng dẫn trong đề cương môn học.
- Giáo viên có thể thưởng điểm cho sinh viên có nhiều đóng góp cho đợt thực tế (cung cấp tài liệu, chuẩn bị cơ sở vật chất cho đoàn...). Điểm thưởng cộng vào điểm Báo cáo thực địa.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. GS.Trương Hữu Quýnh, GS Đinh Xuân Lâm, PGS.TS Lê Mậu Hãn (2010), Đại cương Lịch sử Việt Nam toàn tập, Nxb GDVN, HN

* *Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên), (2002), Đại cương lịch sử Việt Nam, Tập 2: 1858-1945, Nxb GD, HN.

2. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2001), Tiến trình lịch sử Việt Nam, Nxb GD HN.

6.39. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/ SCIENTIFIC RESEARCH METHODS

- Mã học phần: 125125
- Số tín chỉ: 02 (18, 18, 6)
- Bộ môn phụ trách: Lịch sử
- Học phần tiên quyết: Triết học Mác- Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

1. Mô tả học phần

Môn học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, từ đó xác định và mô tả được vấn đề nghiên cứu. Trang bị cho sinh viên phương

pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin thu thập được. Từ đó trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức cần thiết để nhận dạng một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực Sử học, sử dụng hiệu quả các phương pháp trong quá trình nghiên cứu.

- CO2: Sinh viên biết trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học.

- CO3: SV có kỹ năng phát hiện, xây dựng kế hoạch và tổ chức nghiên cứu đề tài khoa học thuộc lĩnh vực Sử học.

- CO4: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế xã hội.

- CO5: Sinh viên có hứng thú và đam mê, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học

- CLO2: Sinh viên nghiên cứu độc lập một vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội; xây dựng, chứng minh và trình bày được các quan điểm khoa học; trình bày được một báo cáo khoa học hoặc viết được một đề tài khoa học;

- CLO3: Người học vận dụng được kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở bậc đại học.

- CLO4: Người học có khả năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề hiệu quả... trong nghiên cứu

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ KHOA HỌC VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 1.1.Các khái niệm cơ bản về nghiên cứu khoa học 1.2.Các loại hình nghiên cứu khoa học 1.3.Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế	3	3				15

1.4.Nghiên cứu định lượng, nghiên cứu định tính và phối hợp 1.5.Các hình thức tổ chức nghiên cứu 1.6.Quy trình nghiên cứu						
Chương 2: XÁC ĐỊNH VÀ MÔ TẢ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU 2. 1. Xác định vấn đề nghiên cứu 2. 2. Xác định mục tiêu nghiên cứu 2. 3. Xác lập câu hỏi nghiên cứu 2. 4. Xác lập giả thuyết nghiên cứu 2. 5. Đặt tên đề tài nghiên cứu	3	3	1			15
Chương 3: TỔNG QUAN TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ XÂY DỰNG KHUNG LÝ THUYẾT 3. 1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu 3. 2. Xây dựng khung Lịch sử thuyết, khung phân tích của đề tài	3	3	1			15
Chương 4: PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN 4. 1. Nguồn thông tin 4. 2. Phương pháp thu thập thông tin sơ cấp 4. 3. Phương pháp điều tra chọn mẫu 4. 2. Phương pháp xây dựng bảng câu hỏi	3	3	1	3		15
Chương 5: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ THÔNG TIN 5. 1. Phương pháp tổng hợp số liệu điều tra 5. 2. Phương pháp phân tích thống kê mô tả 5. 3. Phương pháp phân tích định tính 5. 4. Phương pháp phân tích định lượng 5. 5. Kiểm định giả thuyết	3	3				15
Chương 6: TRÌNH BÀY BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 6. 1. Cấu trúc một số báo cáo khoa học 6. 2. Cách viết nội dung	3	3				15

6. 3. Cách viết trích dẫn và ghi tài liệu tham khảo						
Tổng	18	18	3	3		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng công nghệ thông tin, thảo luận, thực hành...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO 2,3	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. Phạm Viết Vượng (2002), Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb ĐHQG, HN

*** Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo:**

1. Vũ Cao Đàm (2012), Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Nxb GD, HN

2. Phạm Viết Vượng (1995), Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: dùng cho các trường ĐH và CĐSP, Nxb GD, HN

6.40. Chọn ½ học phần:

6.40a. NHÂN HỌC ĐẠI CƯƠNG/GENERAL ANTHROPOLOGY

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 18 TL, 6 BT)
- Mã số học phần: 127070
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần Nhân học đại cương trang bị các kiến thức về: Những vấn đề chung của nhân học; Đối tượng và quan điểm của Nhân học, lịch sử hình thành và phát triển ngành nhân học, các lĩnh vực nghiên cứu, mối quan hệ giữa nhân học và các ngành khoa học khác, lý thuyết và phương pháp nghiên cứu; Nguồn gốc và sự tiến hoá của loài người về sinh học và văn hoá; Tộc người và các quá trình tộc người; Nhân học văn hóa; Nhân học tôn giáo; Nhân học ngôn ngữ; Nhân học kinh tế, Thân tộc, hôn nhân và gia đình; Nhân học ứng dụng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về nhân học, từ đó có thể vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề: Nguồn gốc và sự tiến hoá của loài người về sinh học và văn hoá; tộc người và các quá trình tộc người; văn hóa; tôn giáo; ngôn ngữ; kinh tế; thân tộc, hôn nhân và gia đình; ứng dụng của nhân học trong đời sống.

- CO2: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá được các những kiến thức cơ bản để vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ, kinh tế, thân tộc, hôn nhân và gia đình các tộc người ở Việt Nam. Đồng thời vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một cách chủ động, tích cực những vấn đề trên vào thực tiễn cuộc sống theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước.

- CO3: Người học ý thức được tầm quan trọng của nhân học, trân quý những giá trị di sản văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ, kinh tế, thân tộc, hôn nhân và gia đình các tộc người ở Việt Nam, từ đó nhận thức sâu sắc hơn về công tác bảo tồn và phát huy giá trị.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về nhân học, các lĩnh vực của khoa học nhân học, mối liên hệ giữa nhân học và các ngành khoa học khác, quá trình phát triển của khoa học nhân học trên thế giới và Việt Nam.

- CLO2: Phân tích làm rõ về các lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu nhân học; Nhân học hình thể; Ngôn ngữ và nhân học ngôn ngữ; Văn hóa và nhân học văn hóa; Kinh tế và nhân học kinh tế; Tôn giáo và nhân học tôn giáo; Những vấn đề cơ bản của xã hội liên quan đến thân tộc, hôn nhân và gia đình; Nhân học ứng dụng.

- CLO3: Phân tích, xử lý được các tư liệu nhân học, lập bản đồ nhân học tộc người Việt Nam, từ đó vận dụng vào nghiên cứu văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ, kinh tế, thân tộc, hôn nhân và gia đình các tộc người ở Việt Nam nói chung và địa phương, khu vực, vùng miền nói riêng.

- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần say sưa trong học tập và nghiên cứu khoa học cũng như có thái độ trân trọng các nền văn hóa - xã hội, quý trọng những thành quả lao động và sáng tạo của các dân tộc ở Việt Nam và thế giới.

- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực nhân học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung của nhân học 1.1. Đối tượng và quan điểm của Nhân học 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển ngành nhân học, các lĩnh vực nghiên cứu 1.3. Mối quan hệ giữa nhân học và các ngành khoa học khác 1.4. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu	2	2				10
Chương 2: Nguồn gốc và sự tiến hoá của loài người về sinh học và văn hoá 2.1. Quá trình hình thành con người 2.2. Các chủng tộc loài người	2	2				10
Chương 3: Tộc người và các quá trình tộc người 3.1. Khái niệm dân tộc trong khoa học nhân học và dân tộc học 3.2. Các tiêu chí của tộc người	2	2				10

3.3. Những nhân tố tác động đến tộc người 3.4. Các cấp độ của cộng đồng tộc người 3.5. Những quá trình tộc người 3.6. Các tộc người ở Việt Nam						
Chương 4: Nhân học văn hóa 4.1. Xung quanh khái niệm văn hóa, văn hóa học và nhân học văn hóa 4.2. Phân loại văn hóa 4.3. Một số lý thuyết về văn hóa trong 4.4. Tính chất văn hóa 4.5. Một số lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến văn hóa trong nhân học 4.6. Mối quan hệ giữa nghệ thuật - biểu tượng và tôn giáo 4.7. Nghệ thuật và biểu tượng trong văn hóa hiện đại.	2	2	1			10
Chương 5: Nhân học tôn giáo 5.1. Khái niệm 5.2. Các loại hình tôn giáo trên thế giới 5.3. Một số tôn giáo tiêu biểu ở Việt Nam 5.4. Tôn giáo trong xã hội hiện đại 5.5. Một số khía cạnh của tôn giáo	2	2	1			10
Chương 6: Nhân học ngôn ngữ 6.1. Khái niệm chung về ngôn ngữ và ý nghĩa của việc nghiên cứu ngôn ngữ trong nhân học 6.2. Vấn đề nguồn gốc và lịch sử phát triển của ngôn ngữ 6.3. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ, lịch sử, văn hóa và xã hội (nội dung chính của nhân học ngôn ngữ) 6.4. Bản đồ ngôn ngữ trên thế giới và Việt Nam	2	2	1			10
Chương 7: Nhân học kinh tế 7.1. Mối quan hệ giữa con người với môi trường và kinh tế 7.2. Các phương thức tìm kiếm thức ăn (thực phẩm) của con người trên thế giới 7.3. Đặc điểm kinh tế cộng đồng tộc người ở Việt Nam	2	2	1			10
Chương 8: Thân tộc, hôn nhân và gia đình	2	2	1			10

8.1. Thân tộc						
8.2. Dòng họ						
8.3. Hôn nhân						
8.4. Gia đình						
Chương 9: Nhân học ứng dụng	2	2	1			10
9.1. Lịch sử về nhân học ứng dụng						
9.2. Một số vấn đề ứng dụng nhân học						
9.3. Vai trò của nhà nhân học ứng dụng						
9.4. Nhân học và nghề nghiệp						
Tổng	18	18	6			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2, 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4,5	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 03 con điểm kiểm tra thường xuyên và 01 con điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/ Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. GS TS. Lương Văn Hy, GS TS Ngô Văn Lê, PGS TS Ngô Văn Tiệp, PGS TS Phan Thị Yến Tuyết (2010), *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, Q1, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo:**

1. GS TS. Lương Văn Hy, GS TS Ngô Văn Lê, PGS TS Ngô Văn Tiệp, PGS TS Phan Thị Yến Tuyết (2010), *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, Q2, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lê Sĩ Giáo (2007) (chủ biên), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội

6.40b. NHẬP MÔN KHU VỰC HỌC/ INTRODUCTION TO AREA STUDIES

- Số tín chỉ: 2 (18, 18, 6)

- Mã học phần: 124250

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần:

Cung cấp cho người học những kiến thức nhập môn về lý thuyết Khu vực học hiện đang được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Lịch sử hình thành và phát triển của Khu vực học với tư cách là một khoa học liên ngành; thời kỳ sơ khai, thời kỳ phát triển là khoa học liên ngành và sự phát triển của Khu vực học trên thế giới, khu vực và Việt Nam. Những khái niệm cơ bản, vai trò và tính ứng dụng của Khu vực học trong xu thế phát triển của khoa học liên ngành và Hội nhập hiện nay. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu đặc trưng văn hóa khu vực. Đối tượng, giới hạn và phạm vi nghiên cứu của Khu vực học.

2. Mục tiêu học phần:

CO1: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về Khu vực học và phương pháp nghiên cứu liên ngành; phương pháp tiếp cận và những thao tác của nghiên cứu Khu

vực học để áp dụng vào thực tiễn, phục vụ các chương trình phát triển cũng như tổ chức các đề tài và chương trình nghiên cứu liên ngành.

CO2: Trình bày được những kiến thức về lý thuyết và nắm vững một số phương pháp nghiên cứu Khu vực học hiện đang được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn và khoa học phát triển, đặc biệt hữu ích với những chuyên gia Việt Nam nghiên cứu theo hướng khu vực học.

CO3: Phân tích đối tượng và phương pháp nghiên cứu khu vực khi thực hiện các đề tài nghiên cứu tổng hợp. Từ việc lý giải được tầm quan trọng của nhận thức tổng hợp (Comprehensive Understanding) bằng phương pháp liên ngành, khi triển khai nghiên cứu SV vận dụng được phương pháp nghiên cứu chuyên ngành với phương pháp liên ngành (Khu vực học)

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Thông hiểu các khái niệm về Khu vực học, không gian văn hóa, ...; tổng hợp kiến thức về sự phát triển của Khu vực học trên thế giới và quá trình tiếp nhận Khu vực học ở Việt Nam.

CLO2: Phân tích được các nhân tố tác động đến hoạt động của con người; mối quan hệ tương tác giữa điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử và môi trường xã hội; vai trò và tính ứng dụng của Khu vực học trong xu thế phát triển hiện nay;

CLO3: Lý giải được đối tượng và phương pháp nghiên cứu khu vực khi thực hiện các đề tài nghiên cứu tổng hợp; tầm quan trọng của nhận thức tổng hợp (Comprehensive Understanding) bằng phương pháp liên ngành. vận dụng được các thao tác nghiên cứu khu vực học trong việc lựa chọn các đề tài và giải quyết được các vấn đề mang tính tổng hợp.

CLO4: Người học có kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá về lý thuyết Khu vực học và phương pháp nghiên cứu liên ngành; vận dụng phương pháp nghiên cứu Khu vực học vào thực tiễn phục vụ các chương trình nghiên cứu vùng và phát triển bền vững phù hợp với xu thế phát triển của khoa học thế giới và trong nước.

CLO5: Có thái độ nghiêm túc trong các hoạt động thảo luận, thực hành và ngoại khóa; nhận thức được tầm quan trọng của Khu vực học trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước, hội nhập quốc tế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: Một số khái niệm và thuật	2	2	0	1	0	10

ngữ 1. Khái niệm về Khu vực học 2. Khái niệm khoa học chuyên ngành, liên ngành và đa ngành 3. Phân biệt khoa học chuyên ngành và Khu vực học. 4. Khái niệm văn hóa, văn minh, không gian văn hóa						
Nội dung 2: Lịch sử hình thành và một số khái niệm cơ bản của Khu vực học 1. Thời kỳ sơ khai 2. Sự phát triển của khu vực học với tư cách một khoa học liên ngành 3. Sự tiếp nhận Khu vực học ở Việt Nam	3	2	0	1	0	12
Nội dung 3: Vai trò của Khu vực học trong xu thế phát triển hiện nay 1. Nhu cầu phát triển tự thân của khoa học hiện nay 2. Đòi hỏi của thực tiễn trong sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá	3	2	0	1	0	12
Nội dung 4: Đối tượng và các lĩnh vực nghiên cứu của khu vực học 1. Khái niệm Văn hoá - Văn minh. 2. Không gian văn hoá, cấp độ không gian văn hoá. 3. Các lĩnh vực nghiên cứu	2	2	0	1	0	10
Nội dung 5: Giới hạn phạm vi và kế hoạch nghiên cứu 1. Nghiên cứu vĩ mô, chương trình tổng thể 2. Nghiên cứu vi mô 3. Kế hoạch nghiên cứu cá nhân và nghiên cứu tập thể	2	2	0	1	0	12
Nội dung 6: Những yếu tố cần đặt ra cho nghiên cứu khu vực 1. Xác định đề tài và lập kế hoạch nghiên cứu 2. Xác định mục đích nghiên cứu (điều tra cơ bản, yêu cầu thực tiễn, nghiên cứu cơ bản). 3. Giới hạn phạm vi nghiên cứu của đề tài 4. Thu thập tài liệu trước khi xuống thực địa.	2	2	0	1	0	12

5. Khảo sát thực địa						
6. Tổng hợp kết quả						
Nội dung 7: Một số phương pháp xử lý tư liệu 1. Tập hợp và xử lý tư liệu 2. Kiểm chứng tư liệu và chuẩn bị kế hoạch tiếp theo 3. Tổng hợp kết quả	2	3	0	0	0	12
Nội dung 8: Các loại hình nghiên cứu 1. Nghiên cứu trong phòng 2. Nghiên cứu điền dã 3. Nghiên cứu chọn mẫu	2	3	0	0	0	10
Tổng	18	18	0	6	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2,3 4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO1,2,3,4,5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	

2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4	
---	---------------------------	--------------------	------------	--

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. Trần Lê Bảo (2008), *Khu vực học và nhập môn Việt Nam học*, Nxb GD, HN.

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

- 1 Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hoá VN: Giáo trình ĐH*, Nxb GD, HN
2. Đại học Quốc gia Hà Nội- Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2010).“Việt Nam Hội nhập và phát triển”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế Việt Nam học lần ba*, tập VI, Nxb ĐHQG, HN.
- 3.Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam- Đại học Quốc gia Hà Nội (2013)," Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển bền vững", *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam học lần thứ 4*, tập VII, Nxb Khoa học xã hội, HN.

6.41. PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG/DEVELOPING OF PROGRAM AT HIGHT SCHOOLS

- Số tín chỉ: 02 (18 LT,18 TL, 6 TH)
- Mã học phần: 124032
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông.

1. Mô tả học phần

Phát triển chương trình nhà trường là học phần bắt buộc, thuộc kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về: Khái niệm chương trình đóng và chương trình mở, khái niệm phát triển chương trình nhà trường; tầm quan trọng của việc phát triển chương trình nhà trường; các tiền đề để phát triển chương trình nhà trường; Cấu trúc, quy trình (phân tích bối cảnh; phân tích chương trình hiện hành; phân công công việc; xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ môn học, từ đó xác định những năng lực định hướng phát triển; thiết kế chương trình nhà trường; thực hiện chương trình nhà trường; đánh giá, điều chỉnh...).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV trình bày được khái niệm chương trình đóng và chương trình mở, khái niệm phát triển chương trình nhà trường;
- CO2: Phân tích được tầm quan trọng của việc phát triển chương trình nhà trường; các điều kiện để phát triển chương trình nhà trường;
- CO3: Phân tích được điểm tích cực và những tồn tại của chương trình hiện hành. Từ đó, làm rõ những điểm khác biệt và ưu điểm của chương trình giáo dục phổ thông mới.
- CO4: Xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ môn học, từ đó xác định những năng lực định hướng phát triển; thiết kế chương trình nhà trường; thực hiện chương trình nhà trường; đánh giá, điều chỉnh
- CO5: Thiết kế được một/một số chủ đề/hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học trong điều kiện cụ thể của nhà trường;
- CO6: Ý thức được tầm quan trọng của việc phát triển chương trình môn học nhà trường trong quá trình thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo định hướng ứng dụng và phát triển năng lực.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về việc phát triển chương trình nhà trường trong dạy học Lịch sử ở trường PT.
- CLO2: Người học vận dụng được các vấn đề lý luận chung thiết kế và thực hiện chương trình nhà trường; đánh giá, điều chỉnh
- CLO3: Có khả năng phân tích, đánh giá các đề xuất phát triển chương trình môn học nhà trường theo định hướng phát triển năng lực người học.
- CLO4: Ý thức được tầm quan trọng của việc phát triển chương trình môn học nhà trường trong quá trình thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo định hướng ứng dụng và phát triển năng lực.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Khác	

	Lý thuyế t	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 1.1. Một số quan niệm tiêu biểu về chương trình giáo dục 1.2. Tiếp cận chương trình giáo dục 1.3. Khái niệm chương trình môn học 1.4. Cấu trúc chương trình môn học	3	3				30
Chương 2: PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG 2.1. Phát triển chương trình giáo dục 2.2. Tiền đề, cấu trúc, quy trình 2.3. Phát triển chương trình nhà trường 2.4. Khái niệm chương trình đóng và chương trình mở 2.5. Phát triển chương trình môn học 2.6. Tiền đề, cấu trúc, quy trình	6	6	1			30
Chương 3: Thực hành thiết kế một số chủ đề/kế hoạch hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học trong nhà trường THPT, THCS 3.1. Phân tích chương trình giáo dục THPT hiện hành 3.2. Xác định chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học 3.3. Thiết kế nội dung, phương pháp dạy học tích hợp chương trình môn học với chương trình giáo dục địa phương 3.4. Xây dựng các chủ đề tự chọn theo hướng dạy học phân hoá 3.5. Thiết kế chuyển một số nội dung dạy học thành nội dung các hoạt động giáo dục	9	9	2	3		30
Tổng	18	18	3	3		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng công nghệ thông tin, thảo luận, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm với các kỹ thuật dạy học hiện đại như nhóm chuyên gia, bể cá, mảnh ghép, theo góc, kỹ thuật 3-2-1... Đồng thời, chú ý tăng cường các phương pháp tự học đối với SV.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá ý thức học tập	CLO4	30%
2	Bài tập	Rubric đánh giá bài tập	CLO 2,3	
3	Báo cáo	Rubric đánh giá báo cáo	CLO1,2,3	
4	Làm việc nhóm	Rubric làm việc nhóm	CLO1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Tự luận	Đề và đáp án	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).

- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giảng viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.

- Phải có tối thiểu 04 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.

- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. Nguyễn Thị Kim Dung, *Đào tạo nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên*, Nxb Đại học sư phạm, 2015

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1. Đinh Quang Báo (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Kim Dung, Hà Thị Lan Hương, Vũ Thị Sơn (2016), *Chương trình đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm.

2. Trần Chí Bình (2014), *Năng lực quản lý và Phát triển chương trình giáo dục ở THPT*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án phát triển giáo dục THPT. Tài liệu điện tử.

6.42. KIẾN TẬP TẬP SƯ PHẠM/ ATTENDING PEDAGOGICAL INTERNSHIP

- Số tín chỉ: 2 (0 LT, 0 TL, 90 TH)

- Mã học phần: 124 021

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông

1. Mô tả học phần:

Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học vào việc giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tế; tìm hiểu tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở trường THCS và THPT, tập sự công tác dạy học, chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành tâm lý - giáo dục.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV Trình bày được tổng quan về hoạt động của một CSKT, cơ cấu tổ chức, chức năng của nhà trường;

- CO2: Trình bày được vai trò và công việc thực tế của một giáo viên.

- CO3: SV phát triển kỹ năng quan sát và ghi chép các hoạt động giáo dục; Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, học sinh; Kỹ năng tham gia các hoạt động nhóm; Kỹ năng viết báo cáo tổng hợp.

-CO4: Vận dụng những kiến thức đã học tại trường ĐH vào các hoạt động giáo dục và giảng dạy tại CSKT.

- CO5: Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập; Có ý thức tuân thủ các quy định và nội quy của trường đến kiến tập; Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao trong quá trình kiến tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: SV có những kiến thức tổng quan về hoạt động của một CSKT, cơ cấu tổ chức, chức năng của nhà trường; vai trò và công việc thực tế của một giáo viên.

- CLO2: SV vận dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, lý luận và phương pháp DH bộ môn gắn với thực tiễn quá trình DH ở trường phổ thông bước đầu tổ chức được các hoạt động DH và giáo dục trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

- CLO3: Có khả năng phân tích, đánh giá, đề xuất việc đổi mới phương pháp DH và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.

- CLO4: Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1. Hoạt động tìm hiểu nhà trường 1.1. Nghe báo cáo tổng hợp về nhà trường và kinh nghiệm của giáo viên chủ nhiệm giỏi trong công tác giáo dục học sinh. 1.2. Giáo sinh tìm hiểu về nhà trường và địa phương	0			10		30
Nội dung 2. Hoạt động làm giáo viên chủ nhiệm lớp 2.1. Nội dung tìm hiểu về hoạt động chủ nhiệm 2.2. Nội dung thực hiện về hoạt động chủ nhiệm 2.3. Tổ chức thực hiện	0			20		30
Nội dung 3. Hoạt động dạy học 3.1. Nội dung tìm hiểu về hoạt động dạy học 3.2. Nội dung thực hiện hoạt động dạy học				30		30

3.3. Tổ chức thực hiện						
Tổng	0			60		90

5. Phương pháp giảng dạy: Quan sát, thảo luận, thực hành cá nhân và theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Theo quy định về công tác KT,TT của nhà trường

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu của công tác KTSP do nhà trường ban hành.

- Tuân thủ những yêu cầu và sự hướng dẫn của trường phổ thông

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

[2]. SGK từ lớp 6 đến lớp 12

*** Tài liệu/ Bộ tài liệu tham khảo:**

[1]. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN

[2]. Trịnh Đình Tùng (ch.b)(2006), Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử trường THCS , Nxb ĐHSP HN

6.43. THỰC TẬP SƯ PHẠM / PEDAGOGICAL INTERNSHIP

- Số tín chỉ: 5 (0 LT, 0 TL, 150 TH)

- Mã học phần: 124 099

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Học phần Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông; Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động DH môn LS ở trường PT, KTSP

1. Mô tả học phần:

SV Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học vào việc giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tế; tìm hiểu tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở trường THCS và THPT, tập sự công tác dạy học, chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành tâm

lý - giáo dục; Thực hành và rèn luyện kỹ năng dạy học môn Lịch sử cho sinh viên ở trường phổ thông; Thực hiện các công tác của một giáo viên.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV lập được kế hoạch giảng dạy, kế hoạch công tác chủ nhiệm, kế hoạch công tác Đoàn và công tác phong trào thể dục thể thao ngoại khóa.
- CO2: SV xây dựng được kế hoạch bài học môn Lịch sử THCS và THPT, kế hoạch giáo dục, giáo án chủ nhiệm theo đúng yêu cầu.
- CO3: Tổ chức hiệu quả hoạt động giảng dạy trên lớp.
- CO4: Tổ chức hiệu quả các hoạt động sinh hoạt chủ nhiệm, sinh hoạt Đoàn; tổ chức các hoạt động thể dục thể thao và hoạt động ngoại khoá, hướng nghiệp.
- CO5: Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập; Có ý thức tuân thủ các quy định và nội quy của trường đến kiến tập; Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao trong quá trình kiến tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: SV vận dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, lý luận và phương pháp DH bộ môn gắn với thực tiễn quá trình DH ở trường phổ thông, tổ chức hiệu quả các hoạt động DH và giáo dục trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.
- CLO2: SV lập được kế hoạch giảng dạy, kế hoạch giáo dục; SV xây dựng tốt kế hoạch bài học môn Lịch sử THCS/ THPT, giáo án chủ nhiệm theo đúng yêu cầu; Tổ chức hiệu quả hoạt động giảng dạy và giáo dục
- CLO3: Có khả năng phân tích, đánh giá, đề xuất và thực hiện việc đổi mới phương pháp DH và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.
- CLO4: Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập, có ý thức đổi mới PPDH và các hoạt động giáo dục.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			

Nội dung 1. Hoạt động tìm hiểu nhà trường 1.1. Nghe báo cáo tổng hợp về nhà trường và kinh nghiệm của giáo viên chủ nhiệm giỏi trong công tác giáo dục học sinh. 1.2. Giáo sinh tìm hiểu về nhà trường và địa phương	0			20		60
Nội dung 2. Hoạt động làm giáo viên chủ nhiệm lớp 2.1. Nội dung tìm hiểu về hoạt động chủ nhiệm 2.2. Nội dung thực hiện về hoạt động chủ nhiệm 2.3. Tổ chức thực hiện	0			60		60
Nội dung 3. Hoạt động dạy học 3.1. Nội dung tìm hiểu về hoạt động dạy học 3.2. Nội dung thực hiện hoạt động dạy học 3.3. Tổ chức thực hiện	0			70		60
Tổng				150		180

5. Phương pháp giảng dạy: Quan sát, thảo luận, thực hành cá nhân và theo nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Theo quy định về công tác KT,TT của nhà trường

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu của công tác TTSP do nhà trường ban hành.

- Tuân thủ những yêu cầu và sự hướng dẫn của trường phổ thông

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

[2]. SGK từ lớp 6 đến lớp 12

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

[3]. Nguyễn Thị Côi (2006), Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông, Nxb ĐHSP HN

[4]. Trịnh Đình Tùng (ch.b) (2006), Hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử trường THCS, Nxb ĐHSP HN

6.44. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Số tín chỉ: 06

- Mã học phần: 124101

- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần khối Kiến thức đại cương và chuyên ngành

1. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức thuộc khối đại cương và chuyên ngành đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu lựa chọn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV xác định được các đề tài tồn tại cần nghiên cứu liên quan đến chương trình ngành học.

- CO2: SV vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để tiến hành nghiên cứu đề tài phù hợp.

- CO3:SV vận dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu phù hợp để hoàn thành đề tài nghiên cứu

- CO4: SV có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý vấn đề, chủ động trong nghiên cứu.

- CO5: Có thái độ nghiêm túc, khoa học; có tinh thần sáng tạo, chuyên nghiệp, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản trong việc thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học.

- CLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để lựa chọn và tiến hành nghiên cứu đề tài phù hợp.

- CLO3: SV lựa chọn và vận dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu phù hợp khi nghiên cứu.

- CLO4: SV có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý vấn đề, chủ động khi nghiên cứu.

- CLO5: Luôn có thái độ nghiêm túc, khoa học; có tinh thần sáng tạo, chuyên nghiệp, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh khi nghiên cứu.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học			Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)		Khác	

	Lý thuyế t	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Lựa chọn đề tài nghiên cứu 1.1. Các chuyên ngành có thể lựa chọn 1.2. Yêu cầu khi lựa chọn đề tài						50
Chương 2: Xây dựng đề cương và tập hợp tài liệu tham khảo. 1.1. Xây dựng đề cương 1.2. Tập hợp tài liệu tham khảo						50
Chương 3: Xây dựng kế hoạch và tiến hành nghiên cứu 3.1. Xây dựng kế hoạch 3.2. Tiến hành nghiên cứu						50
Chương 4: Hoàn thiện công trình nghiên cứu 4.1. Yêu cầu khi hoàn thiện các nội dung nghiên cứu. 4.2. Hoàn thiện Phụ lục đề tài						50
Chương 5: Bản tóm tắt đề tài 5.1. Yêu cầu khi hoàn thiện bản tóm tắt 5.2. Hoàn thiện bản tóm tắt						30
Chương 6. Báo cáo kết quả nghiên cứu 6.1. Yêu cầu về báo cáo 6.2. Các sản phẩm báo cáo 6.3. Phương pháp báo cáo						40
Tổng						270

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở kết hợp hướng dẫn, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhằm rèn luyện khả năng nghiên cứu độc lập, tự chủ cho SV.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
III	Thi cuối kỳ			
	Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu	-Rubric đánh giá khóa luận	CLO1,2,3,4,5	100%

--	--	--	--	--

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi đánh giá đề cương, kiểm tra tiến độ nghiên cứu do bộ môn tổ chức.
- Sinh viên phải tích cực nghiên cứu, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch và nộp báo cáo tổng kết đề tài và những sản phẩm liên quan đúng hạn theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.
- Có thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, cầu thị, tích cực, sáng tạo...

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Vũ Cao Đàm (2012) *Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb Giáo dục

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Phạm Viết Vượng (2015), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: Giáo trình đào tạo giáo viên THCS*, Nxb Giáo dục

2. Phạm Viết Vượng (2002) *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb ĐHQGHN.

6.44. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp

6.44.1. Chọn ½ học phần

6.44.1a. Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam/ Vietnam's international integration process

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)
- Mã học phần: 125004
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử
- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần là hệ thống tri thức về lịch sử quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, trong đó tập trung yếu vào quá trình hội nhập về kinh tế, hội nhập về chính trị, hội nhập về an ninh – quốc phòng; hội nhập về văn hóa; đánh giá thành tựu, hạn chế và xu hướng phát triển; thành tựu, bài học kinh nghiệm và thách thức của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế

2. Mục tiêu của học phần

CO1: Người học tổng hợp và hệ thống được những khái niệm cơ bản liên quan đến vấn đề hội nhập quốc tế; cung cấp các kiến thức cơ bản về quá trình hội nhập quốc tế toàn diện của Việt Nam; những thành tựu, hạn chế và xu hướng phát triển.

CO2: Kỹ năng nhận biết, đánh giá; phân tích, tổng hợp... sự kiện, hiện tượng lịch sử; vận dụng, liên hệ những bài học lịch sử từ quá khứ vào hiện tại; rèn kỹ năng tự học,

làm việc nhóm

CO3: Biết trân trọng những thành tựu hội nhập quốc tế của cha ông; những nhân tài đã góp phần làm nên lịch sử của dân tộc; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; nhận thức được những bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm để vận dụng vào công cuộc đổi mới đất nước hiện nay

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Hệ thống được các khái niệm về hội nhập, hội nhập quốc tế...; trình bày được quá trình hội nhập và quan hệ quốc tế trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh-quân sự và văn hóa của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới.

CLO2: Phân tích và đánh giá được nguyên nhân cũng như mối liên hệ, sự tác động qua lại giữa các sự kiện, hiện tượng và quá trình lịch sử hội nhập quốc tế của Việt Nam

CLO3: Phân tích và vận dụng được quy luật phát triển và bài học lịch sử, bài học kinh nghiệm vào công cuộc đổi mới đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

CLO4: Có kỹ phân tích và đánh giá đánh giá về những thành tựu, hạn chế và xu hướng phát triển Việt Nam và thế giới trong bối cảnh hội nhập toàn cầu.

CLO5: Có kỹ năng phân tích tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải; có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học độc lập và khả năng phối hợp làm việc nhóm; có thể tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở trình độ đào tạo cao hơn

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: Một số khái niệm 1.Toàn cầu hóa 2.Hội nhập quốc tế	3	3	0	0	0	22
Nội dung 2: Hội nhập quốc tế về kinh tế 1.Yêu cầu và điều kiện hội nhập về kinh tế 2.Chủ trương đổi mới, hội nhập kinh tế của Đảng 3.Việt Nam tham gia các tổ chức, diễn đàn kinh tế thế giới và khu vực	6	6	2	0	0	22
Nội dung 3: Hội nhập quốc tế về chính trị 1.Yêu cầu và điều kiện hội nhập về chính	3	4	1	0	0	22

trị 2.Đường lối đổi mới trong quan hệ chính trị củ Đảng 3.Việt Nam tăng cường hợp tác song phương, hội nhập các tổ chức khu vực và quốc tế						
Nội dung 4: Hội nhập quốc tế về an ninh – quân sự 1.Yêu cầu và điều kiện hội nhập về an ninh – quân sự 2.Chủ trương đổi mới, hội nhập an ninh – quân sự của Đảng 3.Việt Nam tham gia các tổ chức, hợp tác an ninh – quân sự	3	4	1	0	0	23
Nội dung 5: Hội nhập quốc tế về văn hóa 1.Yêu cầu và điều kiện hội nhập về văn hóa 2.Chủ trương đổi mới, hội nhập văn hóacủa Đảng 3.Việt Nam tham gia hợp tác, phát triển văn hóa	6	6	1	0	0	23
Nội dung 6: Thành tựu, bài học kinh nghiệm và thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế 1.Thành tựu và bài học kinh nghiệm 2. Thách thức và xu hướng phát triển	6	7	1	0	0	23
Tổng	27	30	6	0	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%

2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2,3 4,5	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO1,2,3,4,5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4,5	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:*

1. Hoàng Thị Mến (2020), Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế từ 1975 đến 2019, Nxb Lao động xã hội, HN

2. Hoàng Khắc Nam (2017), Hợp tác và hội nhập quốc tế - lý luận và thực tiễn, Nxb Thế giới, HN

* *Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:*

1. Trần Nam Tiến (2008), Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại, Nxb Giáo dục, HN

6.44.1b. LÀNG XÃ VIỆT NAM/ VIETNAMESE VILLAGES

- Số tín chỉ: 03 (27, 30, 6)
- Mã học phần: 124089
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử
- Học phần tiên quyết: Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức tổng hợp về lịch sử hình thành phát triển của làng xã, phân tích vị trí, vai trò của làng xã đối với lịch sử dân tộc, nêu một số đặc điểm, tính chất của làng xã, phương pháp tiếp cận nghiên cứu về làng xã. Bao gồm các nội dung cơ bản: Phần lý luận cơ bản về quá trình hình thành làng xã trong lịch sử; Phần nội dung kiến thức cơ bản về diện mạo, vị trí và đặc điểm của làng xã; Phần thực tế, thực địa khảo sát một số làng xã tiêu biểu Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Trình bày được quá trình hình thành làng xã trong lịch sử Việt Nam. Đặc trưng của làng xã qua các thời kỳ: Quá trình hình thành, cấu trúc, diện mạo làng xã, kết cấu dân cư, đời sống kinh tế- xã hội, văn hóa, tư tưởng... Tổng hợp kiến thức và hiểu biết về lịch sử làng xã, các nhân tố tác động về kinh tế- xã hội để phân tích và giải thích các đặc điểm của làng xã Việt Nam.

CO2: Hệ thống phương pháp tiếp cận, khai thác các nguồn tư liệu để nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển của làng xã, kỹ năng phân tích đánh giá vai trò, vị trí của làng xã đối với quốc gia dân tộc, rút ra những đặc điểm chung và riêng của làng xã.

CO3: Có thái độ nghiêm túc, vận dụng những tri thức đã học, đưa ra những giải pháp để xây dựng làng văn hoá, nông thôn Việt Nam hiện đại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Người học thông hiểu khái niệm về Làng xã, công xã thị tộc, công xã nông thôn...; tổng hợp kiến thức về quá trình tan rã công xã thị tộc, sự hình thành công xã nông thôn và làng xã Việt Nam.

CLO2: Người học tổng hợp được kiến thức về sự phát triển của làng xã Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; những đặc trưng cơ bản của làng xã Việt Nam trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945.

CLO3: Người học phân tích và đánh giá được cấu trúc, diện mạo làng xã, kết cấu dân cư, đời sống kinh tế- xã hội, văn hóa, tư tưởng và vị trí, vai trò của làng xã Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc.

CLO4: Người học có kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá về lịch sử làng xã, các

nhân tố tác động về kinh tế- xã hội, vai trò, vị trí của làng xã đối với quốc gia dân tộc; từ đó rút ra những đặc điểm chung và riêng của làng xã Việt Nam.

CLO5: Trân trọng, gìn giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của Việt Nam; có thái độ nghiêm túc, vận dụng những tri thức đã học, đưa ra những giải pháp để xây dựng làng văn hoá, nông thôn Việt Nam hiện đại.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Nội dung 1: Làng xã Việt Nam từ thời kỳ dựng nước đến cuối thế kỷ XIX (LT2; TL3) 1.Làng xã thời Văn Lang - Âu Lạc 2.Làng xã Việt Nam thời Bắc thuộc (179 TCN - 905) 3. Làng xã Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV 4.Làng xã Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII 5.Làng xã Việt Nam từ đầu thế kỷ XIX đến 1884	4	4	0	0	0	19
Nội dung 2: Làng xã Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến nay 1 Làng xã Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến 1945 2. Làng xã Việt Nam từ 1945 đến nay	4	4	1	0	0	19
Nội dung 3: Cơ cấu của làng Việt cổ truyền 1.Dân cư và các mối quan hệ chủ yếu của cư dân làng xã 2.Kết cấu kinh tế ở làng xã 3.Kết cấu xã hội	5	5	1	0	0	19
Nội dung 4: Văn hoá làng xã (LT2; TL3; 1 TH)	3	4	1	0	0	20

1. Văn hoá vật chất						
2. Văn hoá tinh thần						
Nội dung 5: Vị trí, vai trò của làng xã đối với lịch sử dân tộc 1. Làng xã trong công cuộc trị thủy- thủy lợi 2. Làng xã trong sự nghiệp đấu tranh chống ngoại xâm 3. Làng xã với việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá vật chất và tinh thần	4	4	1	0	0	19
Nội dung 6: Một số đặc điểm của làng xã (LT2; TL3; 1 TH) 1. Một số đặc điểm chung 2. Một số đặc điểm riêng	3	4	1	0	0	19
Nội dung 7: Một số vấn đề về làng xã hiện nay 1. Những giá trị văn hoá truyền thống của làng xã cần được phát huy 2. Những tồn tại, hạn chế của làng xã cần khắc phục	4	3	1	0	0	20
Tổng	27	30	6	0	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2,3 4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO1,2,3,4,5	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	

5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kỳ (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Phương pháp đánh giá môn học

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%,
- Kiểm tra, đánh giá giữa kỳ: Trọng số 20%.
- Kiểm tra, đánh giá cuối kỳ: Trọng số 50%.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1. Trương Hữu Quýnh (CB) (2002), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục, HN
2. Đinh Xuân Lâm (CB) (2002), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb Giáo dục, HN
3. Nguyễn Quang Ngọc (CB) (2012), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam, HN

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1) Hà Văn Tấn (CB) (2019), *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 1 – tập 9, Nxb CTQG, HN

2) Phan Huy Lê (2004), *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc*, Nxb QĐND, HN

6.44.2. Chọn ½ học phần

6.44.2a. CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN/ BOURGEOIS REVOLUTION AND THE DEVELOPMENT OF CAPITALISM

- Số tín chỉ: 3 (27, 30, 6)

- Mã học phần: 124011

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Lịch sử thế giới hiện đại

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp những kiến thức về các vấn đề của các cuộc cách mạng tư sản thời kì cận đại: Cách mạng tư sản Anh, Cách mạng tư sản Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp... về: tiền đề, giai cấp lãnh đạo, lực lượng lãnh đạo, kết quả và ý nghĩa; sự hình thành CNTB ở các nước châu Âu và Bắc Mỹ, các giai đoạn phát triển của CNTB từ thời kì cận đại đến nay, những biểu hiện mới của CNTB như vấn đề toàn cầu hóa, các công ty xuyên quốc gia...; tác động của các yếu tố này đến các nước tư bản nói riêng và nhân loại nói chung. Từ đó người học có những nhận thức mới về CNTB trong thời kì hiện đại và đưa ra những nhận định về hướng phát triển của CNTB trong tương lai

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học trình bày và hiểu được các vấn đề như tiền đề của cách mạng tư sản, động lực, lực lượng, giai cấp lãnh đạo, các hình thức của cách mạng tư sản. Lý giải được sự ra đời và phát triển của CNTB từ cận đại đến hiện đại. Phân tích, đánh giá được các thành tựu chủ yếu của CNTB, các vấn đề của thế giới đương đại mà CNTB đang nắm ưu thế.

- CO2: Người học có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá về các cuộc cách mạng tư sản, quá trình phát triển, mặt tích cực, hạn chế của CNTB. Có kỹ năng thuyết trình và nghiên cứu một vấn đề của lịch sử quốc tế.

- CO3: Người học có khả năng nhìn nhận, đánh giá khách quan những tác động tích cực cũng như những hạn chế của CNTB. Có thái độ khách quan, khoa học khi nhìn nhận, đánh giá về các vấn đề trong quan hệ quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Trình bày và hiểu được những kiến thức cơ bản về các cuộc cách mạng tư sản chính, sự ra đời và phát triển của CNTB.

CLO2: Người học vận dụng, đánh giá một cách sáng tạo về các cuộc cách mạng tư sản, quá trình phát triển, mặt tích cực, hạn chế của CNTB.

CLO3: Người học có kỹ năng phân tích, đánh giá sự kiện lịch sử, liên hệ với tình hình giới đang diễn ra. Vận dụng, đánh giá một cách sáng tạo, linh hoạt những bài học lịch sử vào thực tiễn của Việt Nam, rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, so sánh.

CLO4: Người học nhận thức rõ vai trò của giai cấp tư sản và cách mạng tư sản, Từ đó có thái độ khách quan, khoa học trong nhìn nhận vai trò, các giá trị của chủ nghĩa tư bản.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)					
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành	Khác	
Chương 1: Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản 1.1. Khái quát về các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu và châu Mỹ 1.1.1. Cách mạng tư sản Hà Lan 1.1.2. Cách mạng tư sản Anh 1.1.3. Cách mạng tư sản Bắc Mỹ 1.1.4. Cách mạng tư sản Pháp 1.2. Tiền đề của cách mạng tư sản 1.2.1. Kinh tế 1.2.2. Chính trị 1.2.3. Xã hội 1.2.4. Tư tưởng	4	4				19
Chương 2; Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản 2.1. Mục tiêu và nhiệm vụ 2.1.1. Mục tiêu của cách mạng tư sản 2.1.2. Nhiệm vụ 2.2. Giai cấp lãnh đạo và động lực cách mạng 2.2.1. Giai cấp lãnh đạo trong các cuộc cách mạng tư sản 2.2.2. Động lực của cách mạng	4	4	1			19
Chương 3: Các loại hình, tính chất và đặc điểm của các cuộc cách mạng tư sản	4	4	1			19

3.1. Các loại hình cách mạng tư sản tiêu biểu 3.1.1. Nội chiến 3.1.2. Chiến tranh giành độc lập 3.2. Tính chất và đặc điểm 3.2.1. Tính chất 3.2.2. Đặc điểm						
Chương 4: Kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản 4.1. Kết quả của các cuộc cách mạng tư sản 4.1.1. Về kinh tế 4.1.2. Về chính trị 4.1.3. Về xã hội 4.2 Ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản	4	4	1			19
Chương 5: Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ 5.1. Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu 5.1.1. Sự thành lập Cộng hòa Hà Lan 5.1.3. Sự ra đời nền cộng hòa Pháp 5.2. Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở Bắc Mỹ 5.2.1. Sự thành lập liên bang Mỹ 5.2.2. Sự xác lập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Mỹ	4	5	1			20
Chương 6: Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản 6.1. Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh 6.2. Chủ nghĩa đế quốc và quá trình xâm lược thuộc địa 6.2.1. Ba mươi năm cuối thế kỉ XIX 6.2.2. Quá trình xâm lược thuộc địa 6.3. Sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản 6.4. Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền	3	5	1			20
Chương 7: Chủ nghĩa tư bản hiện đại 7.1. Khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại	4	4	1			19

7.2. Các công ty xuyên quốc gia của chủ nghĩa tư bản						
7.3. Toàn cầu hóa						
7.4. Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại						
Tổng	27	30	6	0	0	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2,3,4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.

- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:**

1) Đỗ Lộc Diệp (CB), Chủ nghĩa tư bản ngày nay: Mâu thuẫn nội tại, xu thế, triển vọng, NXB KHXH, HN, 2003

*** Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

1) Lê Bộ Lĩnh (CB), Chủ nghĩa tư bản hiện đại: Khủng hoảng kinh tế và điều chỉnh, NXB KHXH, HN, 2002.

2) Nguyễn Anh Thái (CB) (2003), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục.

3. Từ Thiên Tân, Lương Chí Minh 92004), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB TP HCM

6.44.2b. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DH LỊCH SỬ THCS và THPT/ APPLICATION OF INFORMATION TECHNOLOGY IN HISTORY TEACHING IN HIGH SCHOOL

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 18 TL, 18 TH)

- Mã học phần: 124019

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Lịch sử

- Điều kiện tiên quyết: Học phần Lý luận và PPDH môn Lịch sử ở trường phổ thông; Xây dựng kế hoạch dạy học môn lịch sử ở trường phổ thông; Tổ chức hoạt động DH môn LS ở trường PT

1. Mô tả học phần

Học phần *Ứng dụng CNTT trong DH lịch sử ở trường phổ thông* là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp của chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử CLC, giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về ứng dụng CNTT trong dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông (vị trí, vai trò của CNTT trong DH nói chung và DHLS nói riêng; các phần mềm sử dụng; yêu cầu khi sử dụng, biện pháp và những lưu ý khi sử dụng CNTT trong DHLS...). Trên cơ sở đó, SV vận dụng thực hành tổ chức các hoạt động DH trong môn Lịch sử ở trường THCS và THPT.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: SV nêu được vị trí, vai trò của CNTT trong DH nói chung và DHLS nói riêng;
- CO2: Nêu tên và biết cách sử dụng các phần mềm CNTT trong DH;
- CO3: Xác định được các yêu cầu, nguyên tắc khi sử dụng; Nêu được các biện pháp

và những lưu ý khi sử dụng CNTT trong DHLS...).

- CO4: SV có kỹ năng sử dụng CNTT trong DH Lịch sử.

- CO5: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của CNTT trong quá trình dạy học; phát triển tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp, tích cực đổi mới phương pháp dạy học và KTĐG...

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản về việc sử dụng CNTT theo hướng phát triển năng lực HS trong dạy học phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT

- CLO2: Người học vận dụng kiến thức lý luận dạy học và sử dụng CNTT xây dựng kế hoạch, các biện pháp, quy trình... khi sử dụng CNTT trong phân môn Lịch sử THCS và môn Lịch sử THPT.

- CLO3: SV nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của việc sử dụng CNTT trong quá trình dạy học; phát triển tình yêu và trách nhiệm đối với nghề, ý thức rèn luyện bản thân theo chuẩn mực nghề nghiệp, tích cực đổi mới phương pháp dạy học và KTĐG...

- CLO4: Phát triển năng lực xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học ở trường phổ thông với sự hỗ trợ của CNTT; năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề hiệu quả trong quá trình tổ chức DH...

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: Những vấn đề cơ bản của việc ứng dụng CNTT trong DHLS THCS và THPT 1.2. Khái niệm 1.3. Vai trò 1.4. Thực trạng ứng dụng	6	3				33
Nội dung 2: Các phần mềm sử dụng chủ yếu trong DHLS THCS và THPT 2.1. Cơ sở lựa chọn phần mềm sử dụng trong DHLS THCS và THPT	9	6	1			33

2.2. Những yêu cầu khi sử dụng						
2.3. Phần mềm soạn bài giảng điện tử						
2.4. Phần mềm làm video <i>Windows Movie Maker</i>						
2.5. Phần mềm vẽ sơ đồ tư duy <i>iMindMap</i>						
2.6. Phần mềm ra đề và quản lí ngân hàng câu hỏi <i>SmartTest</i>						
Nội dung 3: Các biện pháp sử dụng CNTT trong DHLS	12	6	1			34
3.1. Những yêu cầu cơ bản khi tiến hành						
3.2. Sử dụng CNTT để khởi động bài học						
3.3. Sử dụng CNTT để hỗ trợ HS tìm hiểu kiến thức mới						
3.4. Sử dụng CNTT để tổ chức cho HS kiểm tra đánh giá...						
3.5. Sử dụng CNTT trong các hoạt động DH khác						
Nội dung 4: Thực hành sử dụng CNTT trong DHLS		3	7	9		35
4.1. Thực hành đối với bài học LS THCS						
4.2. Thực hành đối với BHLS THPT						
Tổng	27	18	9	9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng kết hợp đa dạng và linh hoạt các phương pháp dạy học: nêu và giải quyết vấn đề, sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở, sử dụng công nghệ thông tin, thảo luận, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhóm với các kĩ thuật dạy học hiện đại như nhóm chuyên gia, bể cá, mảnh ghép, theo góc, kĩ thuật 3-2-1... Đồng thời, chú ý tăng cường các phương pháp tự học đối với SV.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				

1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận	Rubric viết	CLO1,2,3,4	
3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
III. Thi cuối kì (01)				50%
1	Tự luận	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric bài tập lớn	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành,.. (có hướng dẫn của giảng viên).
- Sinh viên phải tích cực tự học, tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm, tích cực tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp.
- Phải có tối thiểu 04 điểm kiểm tra thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần hoặc sinh viên có thể làm làm bài tập lớn thay thế bài thi kết thúc học phần với điều kiện: Sau khi học được 1/2 số tiết của học phần, không có điểm kiểm tra thường xuyên dưới 7,0 và điểm TBC của điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập phải đạt từ 8,0 trở lên.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc:

[1]. Phan Ngọc Liên (CB) (2012), Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi: *Phương pháp dạy học lịch sử*, tập 1,2, NXB Đại học Sư phạm HN

* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực - một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Robert J. Marzano (2013), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, NXB Giáo dục Việt Nam.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Trường ĐHSP Hà Nội: CTĐT phê duyệt năm 2022. Nguồn truy cập: https://view.officeapps.live.com/op/view.aspx?src=https%3A%2F%2Fhnu.edu.vn%2FPortals%2F0%2F3-Khoa%2520Lch%2520s_Bn%2520mo%2520t%2520CTDT%2520%252811_2022%2529-v2.docx&wdOrigin=BROWSELINK

2. Trường ĐH Giáo dục, ĐH Quốc gia Hà Nội: CTĐT công bố năm 2020. Nguồn truy cập: <https://education.vnu.edu.vn/files/2021/Cac%20file%20pdf/1732-S%E1%BB%AD.pdf>

3. Trường ĐHSP Hà Nội 2: CTĐT công bố năm 2022. Nguồn truy cập: https://quanly.hpu2.edu.vn/center_data/hpu2.edu.vn/ps_cms_articles/file/CTDT/CQ/CTDT_Su_pham_Lich_Su.2022.pdf

4. Trường ĐHSP TP, Hồ Chí Minh: CTĐT phê duyệt năm 2021. Nguồn truy cập: https://drive.google.com/file/d/18HBF_T8JosZYEuCHAK938YDF4FwrtNLK/view

5. QĐ 1982/2016 của TT chính phủ về Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

6. Thông tư 07/2015 của BGD và Thông tư 20/2018 quy định chuẩn nghề nghiệp GV trong các cơ sở GDTrH.

7. Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học kèm theo Công văn số 1669/QLCL KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng,

8. Dự thảo Báo cáo Đánh giá ngoài chất lượng CTĐT phê duyệt năm 2019 ngành đại học sư phạm Lịch sử trường đại học Hồng Đức của Trung tâm kiểm định chất lượng Quốc gia (4/2021)/.

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo hình thức giáo dục thường xuyên: Áp dụng quy chế đào tạo giáo dục thường xuyên và thời gian đào tạo kéo dài thêm từ 6 đến 12 tháng;

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trưởng các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về Nhà trường qua đơn vị quản lý đào tạo. Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC



PGS.TS. Đậu Bá Thìn